



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 63 - SỐ 674 / Kỳ II - 7/2024



**ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH
TRỌNG ĐIỂM QUỐC GIA**



**TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP
THÁO GỖ KHÓ KHĂN CHO DOANH NGHIỆP
TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM**



**PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI:
BÀI TOÁN NGUỒN VỐN VÀ QUỸ ĐẤT**



**HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI
CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ KHU VỰC**

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ II - 7/2024 (674) Ra hàng tháng. Năm thứ 63
Phó Tổng biên tập phụ trách: BÙI BÍCH THỦY - Phó Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN
Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội ĐT: (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971
Fax: 84-24-37344969 Email: consosukien@gso.gov.vn
Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản
In tại Công ty TNHH In ấn Đa sắc
Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Ngành Thống kê sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024

KINH TẾ - XÃ HỘI

3. Đẩy mạnh thực hiện các chương trình trọng điểm quốc gia

Ngọc Linh

6. Khai thác thị trường trong nước thúc đẩy tăng trưởng

Trang Nguyễn

9. Giải pháp phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ

Minh Thu

12. Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho Doanh nghiệp trong 6 tháng cuối năm

Phí Thị Hương Nga

15. Tăng cường liên kết tạo sức bật mới cho ngành du lịch

Bích Ngọc

17. Chủ động vượt thách thức giữ đà tăng trưởng xuất khẩu nông sản

Thu Hiền

20. Tiềm năng bán tín chỉ Carbon tại Việt Nam

Trúc Linh

23. Phát triển Nhà ở xã hội: Bài toán nguồn vốn và quỹ đất

Thu Hường

25. Quyết tâm gỡ “thẻ vàng” IUU trong năm 2024

Quang Vinh

28. Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng

Minh Hà

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

31. Ứng dụng học máy phân tích ảnh viễn thám: Giải pháp mới phân tích dữ liệu cây cà phê tại Việt Nam

ThS. Nguyễn Quốc Hưng - ThS. Phạm Thị Nga

34. Tác động của xu hướng công nghệ số đến nghiệp vụ và quản trị ngân hàng tại các ngân hàng thương mại

ThS. Nguyễn Khánh Linh

38. Đo lường hình ảnh điểm đến Cần Thơ trong tâm trí khách du lịch nội địa

ThS. Phạm Minh Triết - ThS. Ngô Thị Thoại An

ThS. Trần Thị Hồng Cúc

44. Đánh giá khả năng an toàn tài chính theo khía cạnh dòng tiền của các doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

ThS. Trần Thu Hằng

QUỐC TẾ

49. Hiệu quả chính sách thương mại của một số nước và khu vực

Minh Huyền

51. Triển vọng thị trường dầu thế giới năm 2024

Tiến Long

Giá: 27.000 đ

NGÀNH THỐNG KÊ SƠ KẾT CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

Sáng ngày 16/7/2024, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tổ chức Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024. Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương chủ trì Hội nghị.

Tham dự Hội nghị có các Phó Tổng cục trưởng: Nguyễn Thanh Dương, Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu, Đỗ Thị Ngọc. Tham dự trực tiếp Hội nghị tại cơ quan TCTK có lãnh đạo các Vụ thuộc TCTK. Hội nghị được kết nối trực tuyến tại các điểm cầu của 63 Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và hai trường Cao đẳng Thống kê với sự có mặt của lãnh đạo các đơn vị và lãnh đạo các phòng, ban, các Chi cục.

Phát biểu khai mạc, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương cho biết, Hội nghị sơ kết nhằm để các đơn vị, lãnh đạo phụ trách hỗ trợ, phối hợp cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ. Đây cũng là dịp các đại biểu tham dự trình bày các khó khăn, vướng mắc, cùng thảo luận giải pháp để kịp thời tháo gỡ.

Tại Hội nghị, Chánh Văn phòng TCTK Nguyễn Bình trình bày Báo cáo sơ kết công tác 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024. Báo cáo nêu rõ, với sự chỉ đạo quyết liệt của Lãnh đạo Tổng cục và sự chủ động thực hiện nhiệm vụ, trong 6 tháng đầu năm 2024, toàn ngành đã triển khai có chất lượng các nhiệm vụ được giao và Chương trình công tác của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Cụ thể:

Trong 6 tháng đầu năm, Tổng cục Thống kê đã hoàn thành



02 nhiệm vụ trong tổng số 11 nhiệm vụ được giao thuộc Chương trình công tác và Kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2024 của Bộ KHĐT (gồm: Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ và Quyết định số 484/QĐ-TTg ngày 07/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ về tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025); đã hoàn thành 479 công việc trong tổng số 1125 công việc (42,5%) thuộc Kế hoạch công tác năm 2024 của cơ quan Thống kê trung ương.

Tính đến hết ngày 30/6/2024, toàn Ngành đã giao 112.587 công việc trên phần mềm quản lý công việc TaskGov, tăng 2,68% so với 6 tháng năm 2023, trong đó các đơn vị trực thuộc Tổng cục là 2.886 công việc, tăng 11,38%; các đơn vị sự nghiệp công lập là 251 công việc, giảm 30,27% và các Cục Thống kê tỉnh, thành phố thuộc trung ương là 109.450 công việc, tăng 2,57%. Số công việc hoàn thành đúng hạn đạt 87,94%, hoàn thành trễ hạn là 8,44%, chưa hoàn thành trễ hạn là 3,07%, chưa hoàn thành (còn hạn) 0,54%.

Tổng cục Thống kê đã hoàn thành 04 nhiệm vụ quan trọng trong 6 tháng đầu năm, gồm: (1) Báo cáo Bộ trưởng trình Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07/11/2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; (2) Báo cáo Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 484/QĐ-TTg ngày 07/6/2024 về tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025; (3) Trình Bộ trưởng Đề án vị trí việc làm của Tổng cục Thống kê; (4) Tổ chức thành công Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2024.

Báo cáo cũng nêu rõ 6 nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 Ngành đã thực hiện trong 6 tháng đầu năm, đó là:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng sản xuất, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê, kịp thời phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của Đảng, Nhà nước và nhu cầu của người dùng tin. Theo đó, Ngành thường xuyên cập nhật diễn biến tình hình kinh tế - xã hội trong nước và thế giới để xây dựng báo cáo tình hình kinh tế - xã hội hàng tháng, quý I, quý II và 6 tháng năm 2024 kịp thời, chất lượng; biên soạn số liệu GDP, GRDP quý I, quý II; xây dựng và cập nhật kịch bản tăng trưởng kinh tế, lạm phát phục vụ công tác quản lý điều hành của Chính phủ, Lãnh đạo Chính phủ và Lãnh đạo Bộ, ban, ngành và địa phương.

Thứ hai, hoàn thiện môi trường pháp lý cho hoạt động thống kê: Trình Chính phủ ban hành Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều, phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 484/QĐ-TTg ngày 07/6/2024 về tổ chức Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025. Đồng thời, hoàn thiện dự thảo Nghị định quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê quốc gia và dự thảo Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê trên cơ sở của Nghị định số 62/2024/NĐ-CP ngày 07/6/2024 của Chính phủ.

Thứ ba, ổn định tổ chức, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ; xây dựng vị trí việc làm và kiện toàn đội ngũ lãnh đạo các cấp hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Trong đó, báo cáo Lãnh đạo Bộ KHĐT về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 10/2020/QĐ-TTg ngày 18/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 123/TTr-TCTK ngày 19/6/2024 của Tổng cục Thống kê và xin ý kiến 05 bộ, ngành liên quan. Trình Bộ trưởng Đề án vị trí việc làm của Tổng cục Thống kê.

Thứ tư, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động thống kê: Toàn Ngành đã thực hiện 208 cuộc thanh tra, kiểm tra (thanh tra 165 cuộc, kiểm tra 43 cuộc), trong đó có 03 cuộc kiểm tra sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước tại Ủy ban nhân dân tỉnh các tỉnh: Gia Lai, Tuyên Quang, Hòa Bình.

Thứ năm, đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường kết nối, khai thác dữ liệu hành chính phục vụ cho hoạt động thống kê: Tiếp tục triển khai các dự án công nghệ thông tin của Ngành: Dự án Xây dựng Hệ thống sản xuất thông tin thống kê điện tử, Dự án Xây dựng Kho dữ liệu thống kê đặc tả và dữ liệu vi mô thống kê; Dự án Hệ thống công nghệ thông tin phục vụ chế độ báo cáo cấp bộ, ngành; chế độ báo cáo cấp tỉnh, huyện, xã tần suất nhanh (trực tuyến) phục vụ công tác quản lý điều hành từ trung ương đến địa phương. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Đề án xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê quốc gia và Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia.

Thứ sáu, tổ chức thực hiện thành công Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2024; Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng kinh tế - xã hội của 53 dân tộc thiểu số.

Nhìn chung, trong 6 tháng đầu năm 2024, ngành Thống kê

đã thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ trọng tâm, nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế, khó khăn và vướng mắc như: Phối hợp với các Bộ, ngành còn hạn chế về tiến độ do phải xin ý kiến của nhiều cấp; nhân lực làm công nghệ thông tin còn thiếu; chưa có cơ sở dữ liệu tập trung, công tác đào tạo còn hạn chế...

Trong 6 tháng cuối năm 2024, ngành Thống kê đặt ra một số nhiệm vụ trọng tâm như: Biên soạn, phổ biến thông tin thống kê; phân tích và dự báo thống kê; điều tra thống kê và xử lý thông tin điều tra; phương pháp chế độ và quản lý chất lượng thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin; thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam và các đề án, nhiệm vụ lớn của Ngành; công tác phối hợp với Bộ, ngành; công tác tổ chức cán bộ, đào tạo bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng...

Tại Hội nghị, các đại biểu đã dành thời gian nghe ý kiến đóng góp của đại diện lãnh đạo các CTK. Bên cạnh đó, Lãnh đạo Tổng cục, lãnh đạo các Vụ giải đáp các thắc mắc và kiến nghị của các đơn vị liên quan đến một số vấn đề về biên chế, đào tạo, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm, nguồn lực, nguồn kinh phí...

Phát biểu tại Hội nghị, các Phó Tổng cục trưởng bày tỏ đồng ý với các nội dung được nêu tại báo cáo, từ đó, các đơn vị cần cố gắng tập trung triển khai các công việc đang và chưa hoàn thành, nhất là về nửa cuối năm, khối lượng công việc của Ngành khá lớn. Song song với đó, các đơn vị cần nỗ lực, cố gắng hơn nữa, báo cáo ngay lãnh đạo khi có khó khăn, vướng mắc để cùng đồng hành giải quyết. Bên cạnh đó, các Phó Tổng cục trưởng cũng bày tỏ quan điểm về một số

ý kiến được đưa ra trong Hội nghị như: Việc xin ý kiến Bộ, ngành; về nhân lực và phần mềm; giải quyết khó khăn đối với các đơn vị sự nghiệp; thi đua khen thưởng, nâng cao chất lượng thu thập thông tin...

Kết luận tại Hội nghị, Tổng cục trưởng Nguyễn Thị Hương đánh giá cao Văn phòng Tổng cục đã rà soát, bổ sung và đưa ra báo cáo khá đầy đủ và toàn diện. Tổng cục trưởng đề nghị các đơn vị khẩn trương rà soát, hoàn thiện các công việc chưa hoàn thành theo kế hoạch công tác và kết luận của Lãnh đạo Tổng cục, đặc biệt là các đơn vị có liên quan đến các ý kiến đề xuất. Bên cạnh đó, các đơn vị cần bám sát kế hoạch công tác, nhiệm vụ của quý III và cả năm, chủ động thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực công tác của đơn vị, trong đó đặc biệt tập trung vào một số nhiệm vụ chính sau:

(1) Triển khai các cuộc điều tra, tổng điều tra, trong đó xây dựng, trình Lãnh đạo Tổng cục phương án các cuộc điều tra thống kê năm 2025 để xem xét trình Bộ trưởng trong tháng 7/2024; tập trung vào phương án Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025.

(2) Báo cáo Bộ trưởng trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp năm 2025.

(3) Triển khai thực hiện các cuộc điều tra thống kê trong kế hoạch; trong đó tập trung tổ chức thành công Điều tra thu thập thông tin thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2024.

(4) Hoàn thành kiểm tra và làm sạch dữ liệu Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ 2024, Điều tra doanh nghiệp 2024, Điều tra thu thập thực trạng kinh tế - xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2024 và các cuộc điều tra khác để đảm bảo chất lượng và tiến độ.

(5) Khẩn trương làm việc với C06 (Bộ Công an) về công tác kết nối dữ liệu.

(6) Tối đa khai thác dữ liệu hành chính đặc biệt là dữ liệu về thuế và hải quan trong việc biên soạn số liệu 6 tháng cuối năm.

(7) Một số công tác phương pháp chế độ như: Xây dựng báo cáo về phân cấp phân quyền; triển khai Nghị định 62 của Chính phủ, tiếp tục đảm bảo tiến độ trình 8 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ngành Thống kê; hoàn thiện hướng dẫn biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn các huyện... và một số nhiệm vụ trọng tâm khác.

Tổng cục trưởng giao Văn phòng Tổng cục tổng hợp, theo dõi, thực hiện công tác của các đơn vị, đôn đốc và nhắc nhở sớm các đơn vị chậm tiến độ công việc./.

Thu Hiền

ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM QUỐC GIA

Ngọc Linh

Năm 2024 được xác định là năm tăng tốc khởi công các dự án lớn, công trình giao thông trọng điểm với tổng mức đầu tư rất lớn 422.000 tỷ đồng. Trong 6 tháng đầu năm, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ và sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, đến nay nhiều chương trình trọng điểm quốc gia đã được đẩy nhanh triển khai và đạt kết quả khả quan. Tinh thần quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị trong thời gian tới sẽ là nguồn năng lượng tích cực để chúng ta về đích mục tiêu hoàn thành 3.000 km cao tốc vào năm 2025 và 5.000 km cao tốc vào năm 2030 mà Nghị quyết đại hội XIII của Đảng đã đặt ra.

Từ khóa: Chương trình trọng điểm, dự án đầu tư

Tăng tốc triển khai các chương trình trọng điểm

Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng xác định đột phá đầu tư xây dựng hạ tầng (đặc biệt là hạ tầng giao thông) là một trong 3 đột phá chiến lược phát triển kinh tế. Với chủ trương đó, giai đoạn 2021-2023, hàng loạt các dự án lớn đã được phê duyệt, khởi động và triển khai, tạo đà cho năm 2024 tăng tốc thực hiện các công trình giao thông trọng điểm với tổng mức đầu tư là 422.000 tỷ đồng.

Ngay trong những ngày đầu năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các công điện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm cao nhất, đẩy nhanh tiến độ triển khai các dự án, công trình hạ tầng giao thông

và tập trung tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến định mức, đơn giá xây dựng; khai thác, cung ứng vật liệu xây dựng.

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ và sự vào cuộc tích cực của các Bộ, ngành, địa phương, đến nay, nhiều khó khăn, vướng mắc kéo dài tại một số dự án như nhà ga T3 Cảng Hàng không Quốc tế (CHKQT) Tân Sơn Nhất, CHKQT Long Thành, cao tốc Bến Lức - Long Thành đã được tập trung xử lý. Công tác chuẩn bị đầu tư các dự án đã được đẩy nhanh, nhiều dự án đang được Bộ Giao thông Vận tải quyết liệt chỉ đạo các nhà thầu tích cực triển khai thi công đảm bảo bám sát kế hoạch, tiến độ như: Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021 - 2025; 03 dự án trục Đông - Tây; đường Vành đai 4 vùng Thủ đô Hà Nội và Vành đai 3 Thành phố Hồ Chí Minh; cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang, An Hữu - Cao Lãnh; đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa...

Bên cạnh đó, nhiều dự án cũng đã hoàn thành việc phê duyệt chủ trương đầu tư, dự án đầu tư như cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, Hòa Bình - Mộc Châu, Hữu Nghị - Chi Lăng, Dầu Giây - Liên Khương, Thành phố Hồ Chí Minh - Thủ Dầu Một - Chơn Thành.

Với khí thế làm việc “xuyên Tết, xuyên ngày nghỉ”, “vượt nắng, thắng mưa”, “làm việc 3 ca, 4 kíp”, “ăn tranh thủ, ngủ khẩn trương”,

nhiều công trình, dự án cao tốc đã vượt qua các khó khăn về giải phóng mặt bằng, nguồn vật liệu xây dựng, thời tiết cực đoan để đảm bảo yêu cầu tiến độ, khánh thành đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả đầu tư như: 09 Dự án thành phần (DATP) cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017 - 2020 (gồm cầu Mỹ Thuận 2), cao tốc Mỹ Thuận - Cần Thơ, Tuyên Quang - Phú Thọ nâng tổng chiều dài đường cao tốc lên gần 1.900 km.

Theo số liệu của Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải, thời gian qua cả nước đã hoàn thành gần 700 km đường bộ cao tốc, đi qua 15 tỉnh, thành phố, nâng tổng số đường bộ cao tốc cả nước lên trên 2.000 km.

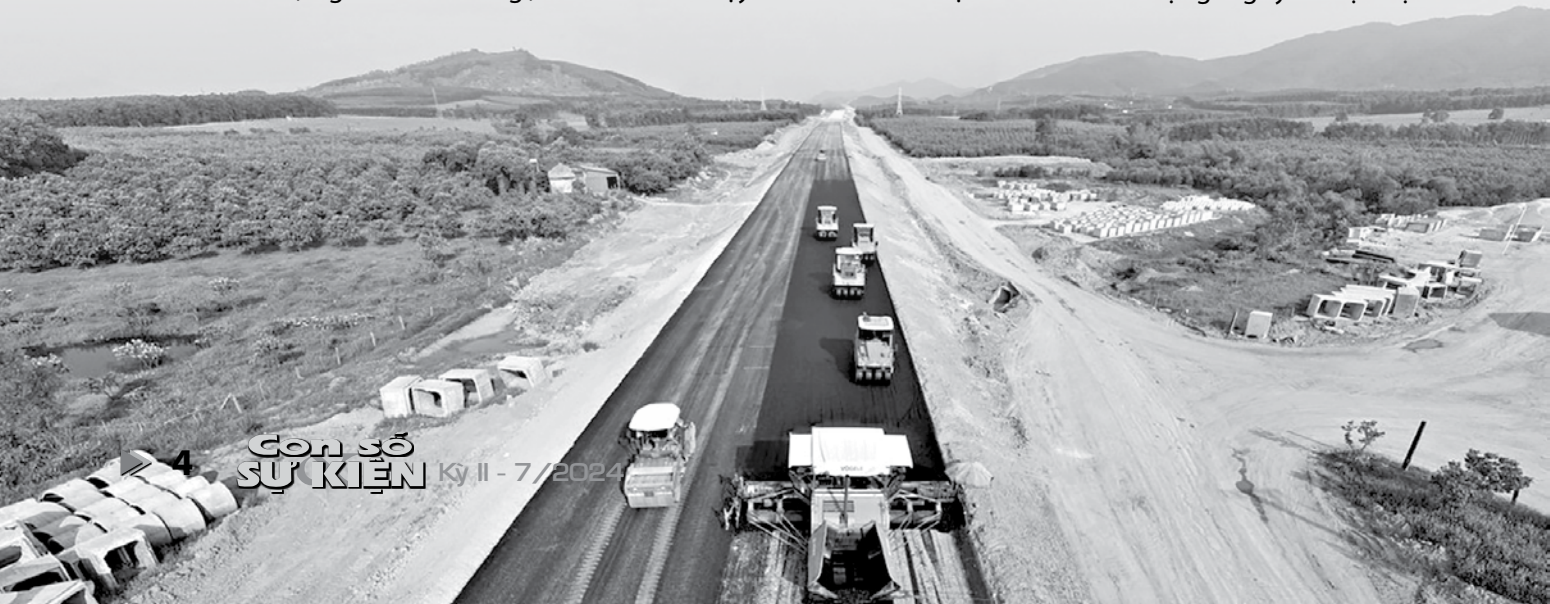
Ở khu vực phía Nam, thành phố Hồ Chí Minh đã rà soát, tiếp thu, giải trình và hoàn thiện hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư dự án cao tốc TP. Hồ Chí Minh - Mộc Bài. Tháng Sáu vừa qua, dự án đường cao tốc Bắc - Nam phía Tây đoạn Gia Nghĩa (tỉnh Đắk Nông) - Chơn Thành (tỉnh Bình Phước) đã được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư với chiều dài 128,8 km, sơ bộ tổng mức đầu tư của dự án là 25.540 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, dự án đường sắt đô thị Nhổn - ga Hà Nội đang tiến hành chạy thử và hoàn thiện

các thủ tục liên quan, để đưa vào khai thác thương mại trong tháng 7/2024. Dự án đường sắt đô thị Bến Thành-Suối Tiên đang tiếp tục chạy thử để phục vụ việc đánh giá chứng nhận an toàn hệ thống, dự kiến sẽ khai thác thương mại vào quý IV/2024.

Thông tin tại Hội nghị của Thường trực Chính phủ trực tuyến toàn quốc về thúc đẩy đầu tư công năm 2024 diễn ra ngày 16/7/2024 mới đây cho thấy, trong 6 tháng đầu năm 2024, Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có giá trị giải ngân cao nhất cả nước với 25.500 tỷ đồng. Tỷ lệ giải ngân vốn thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân của Bộ Giao thông vận tải cũng đạt tỷ lệ cao nhất là 100%.

Bên cạnh những thành tích đạt được, kết quả thực hiện các công trình trọng điểm cũng còn một số vướng mắc. Công tác giải phóng mặt bằng chậm vẫn là trở ngại lớn nhất dẫn tới tiến độ triển khai thi công một số dự án chưa đạt kế hoạch, do các khó khăn về xác minh nguồn gốc đất ở, khiếu nại về đơn giá, việc di dời đường điện cao thế với yêu cầu kỹ thuật cao còn chưa đạt tiến độ đề ra, công tác chuyển mục đích sử dụng rừng còn kéo dài... Bên cạnh đó là các nguyên nhân như: Thủ tục đầu tư kéo dài; các đơn vị chưa chủ động nguyên vật liệu





do vướng mắc quy định; chế độ, chính sách khuyến khích các đơn vị, cá nhân nỗ lực tập trung thúc đẩy các dự án chưa kịp thời...

Quyết tâm hoàn thành 3000 km cao tốc trong năm 2025

Việc triển khai các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành giao thông vận tải là việc khó, cả về quy mô, đối tượng, phạm vi. Do đó, nhiệm vụ giải ngân 422.000 tỷ đồng trong năm 2024 là rất lớn. Hoàn thành nhiệm vụ này góp phần quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước thông qua việc giảm chi phí logistics cho doanh nghiệp, giảm giá thành đầu vào, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm, doanh nghiệp và nền kinh tế; tạo công ăn việc làm, sinh kế cho người dân, cũng như tạo các không gian phát triển mới cho các địa phương, vùng miền, nhất là phát triển công nghiệp, các khu đô thị, dịch vụ... từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội cả nước.

Để thực hiện thành công nhiệm vụ đã giao, Thủ tướng Phạm Minh Chính yêu cầu phát động phong trào thi đua 500 ngày để hoàn thành 3.000 km cao tốc trước ngày 31/12/2025, chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV.

Tại phiên họp thứ 12 của Ban Chỉ đạo Nhà nước các công trình, dự án quan trọng quốc gia, trọng điểm ngành Giao thông vận tải tổ chức vào tháng 6/2024, Thủ tướng Phạm Minh Chính chỉ rõ 6 nhóm nhiệm vụ, giải pháp để xử lý, giải quyết thời gian tới.

Thứ nhất, về giải phóng mặt bằng, cả hệ thống chính trị cần vào cuộc để đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành dứt điểm công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, nhất là các địa phương Đồng Nai, Khánh Hòa, Đắk Lắk, Tuyên Quang, Quảng Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Hưng Yên, Kiên Giang.

Thứ hai, về hạ tầng kỹ thuật, các Bộ, ngành liên quan cần có hướng dẫn để tháo gỡ khó khăn trong việc di dời các công trình kỹ thuật giao chéo đường cao tốc.

Thứ ba, các địa phương, chủ đầu tư, nhà thầu phải chủ động, tích cực hơn nữa tìm nguồn cung ứng cát, vận dụng các điều kiện cho phép để làm.

Thứ tư, về các vướng mắc liên quan việc thi công ban đêm, Lãnh đạo các địa phương, chủ đầu tư, nhà thầu tăng cường đối thoại với người dân, thăm hỏi, động viên, vận động người dân ủng hộ

việc thi công "3 ca, 4 kíp", bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, bảo đảm nơi ở mới tốt hơn hoặc bằng nơi ở cũ; đồng thời nghiên cứu thời gian thi công phù hợp để tác động thấp nhất tới cuộc sống người dân.

Thứ năm, về thủ tục đầu tư các dự án hợp tác công tư (PPP), các địa phương phải chủ động, tích cực xử lý các vấn đề theo thẩm quyền được giao.

Thứ sáu, các Bộ, ngành, địa phương đề cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo hơn nữa trong giải quyết khó khăn, vướng mắc cho chủ đầu tư, nhà thầu trong triển khai các dự án.

Với tinh thần "khó khăn ở đâu thì ở đó phải giải quyết, vướng mắc ở cấp nào thì cấp đó phải tháo gỡ", Thủ tướng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát, đôn đốc, cùng ngồi lại để chia sẻ, thông cảm, tìm giải pháp. Trong mọi trường hợp gặp khó khăn, vướng mắc, trở ngại, chủ đầu tư, các nhà thầu, các lực lượng tham gia dự án cần đồng tâm, hiệp lực, "chỉ bàn làm, không bàn lùi", quyết tâm cao nhất, chủ động sáng tạo, dám nghĩ dám làm để vượt qua mọi thách thức, đưa công trình về đích đúng kế hoạch. Các công trình phải bảo đảm chất lượng, kỹ thuật, mỹ thuật, an toàn, vệ sinh môi trường; chú trọng việc tạo cảnh quan môi trường, không gian chung của các dự án khi hoàn thành.

Tinh thần quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị sẽ là nguồn năng lượng tích cực để ngành Giao thông vận tải hoàn thành nhiệm vụ năm 2024, về đích mục tiêu hoàn thành 3.000 km cao tốc vào năm 2025 và 5.000 km cao tốc vào năm 2030 mà Nghị quyết đại hội XIII của Đảng đã đặt ra./

KHAI THÁC THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG

Trang Nguyễn

Việt Nam với dân số hơn 100 triệu người, tầng lớp trung lưu ngày càng gia tăng đang tạo cho thị trường trong nước nhiều tiềm năng và thể mạnh tiêu thụ hàng hóa, phát triển dịch vụ góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội phát triển.

Từ khóa: Thị trường trong nước, thương mại, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ

Khai thác thị trường trong nước thúc đẩy tăng trưởng

Những năm qua, nhiều chính sách khai thác thị trường trong nước, thúc đẩy tăng trưởng được ban hành, qua đó, giúp các doanh nghiệp tiết kiệm chi phí kinh doanh, giữ vững thị phần và từng bước tăng doanh thu. Cụ thể, các Văn kiện Đại hội XI, XII, XIII của Đảng đã xác định rõ phát triển thị trường trong nước qua từng giai đoạn, trong đó Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã nhấn mạnh thúc đẩy phát triển thương mại trong nước theo hướng hiện đại, tăng trưởng nhanh và bền vững; Kết luận số 107-KL/TW, ngày 10/4/2015, Ban Bí thư tiếp tục yêu cầu đẩy mạnh thực hiện Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” nhằm phát huy lòng yêu nước, ý thức tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc của người Việt trong sản xuất, phân phối và tiêu dùng hàng Việt Nam; Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 về Chiến lược phát triển thương mại



trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1162/QĐ-TTg, ngày 13/7/2021 về Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định số 386/QĐ-TTg, ngày 17/3/2021 về Đề án Phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021 - 2025...

Phát huy hiệu quả các chính sách, đến nay, hoạt động thương mại trong nước đã đạt những kết quả

quan trọng, tạo ra nhiều hơn giá trị tăng thêm, lưu thông hàng hóa thông suốt, sức mua và quy mô thị trường ngày càng lớn. Mạng lưới kinh doanh hàng hóa, dịch vụ tiếp tục được mở rộng, đặc biệt việc đưa hàng hóa tiếp cận gần hơn tới đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa đã được các doanh nghiệp Việt quan tâm thúc đẩy thông qua các chương trình. Nhờ đó, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp ngày càng gắn chặt với tiêu thụ, hàng hóa với thị trường, thị trường trong nước với thị trường quốc tế.

Nhiều doanh nghiệp có những cải tiến, thay đổi tiến bộ trong sản xuất đã góp phần hình thành nhiều phương thức, mô hình kinh doanh tiên tiến, hiện đại cùng với sự phát triển mạnh mẽ của thương mại điện tử. Bên cạnh đó, hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại phát triển ngày càng đa dạng, kết hợp truyền thống với hiện đại, góp phần đổi mới cấu trúc thị trường theo hướng chuyên nghiệp, đa dạng.

Hàng hóa trong nước ngày càng đa dạng, dồi dào và phong phú, cơ cấu tiêu dùng có nhiều thay đổi theo xu hướng an toàn, tiêu dùng xanh và tiết kiệm. Các giải pháp điều tiết, kết nối cung cầu, bảo đảm nguồn cung hàng hóa thiết yếu và bình ổn thị trường được triển khai quyết liệt, cùng với đó là việc tổ chức thành công nhiều hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm vùng miền, các sản phẩm OCOP trong chương trình mỗi xã một sản phẩm đã đem lại sự sôi động cho thị trường bán lẻ trong nước thời gian qua.

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2023, khu vực dịch vụ đạt tốc độ tăng trưởng khá tích cực so với năm trước. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 6.231,8 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% so với năm trước (năm 2022 tăng 20%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 7,1% (năm 2022 tăng 15,8%). Doanh thu bán lẻ hàng hóa năm 2023 ước đạt 4.858,6 nghìn tỷ đồng, chiếm 78% tổng mức và tăng 8,6% so với năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 6,9%). Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống năm 2023 ước đạt 673,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 10,8% tổng mức và tăng 14,7% so với năm trước.

Trong năm 2023, các địa phương đã tích cực triển khai

nhiều sản phẩm du lịch, hoạt động văn hóa, thể thao nhằm kích cầu du lịch, do đó doanh thu du lịch lũy hành ước đạt 37,8 nghìn tỷ đồng, chiếm 0,6% tổng mức và tăng 52,5% so với năm trước. Một số địa phương có doanh thu năm 2023 tăng cao so với năm trước như: Đà Nẵng tăng 133,8%; Thành phố Hồ Chí Minh tăng 68%; Hà Nội tăng 47,5%; Hải Phòng tăng 41,9%; Cần Thơ tăng 29,1%.

Giá trị tăng thêm khu vực dịch vụ năm 2023 tăng 6,82% so với năm trước, cao hơn mức tăng 2,01% và 1,75% của các năm 2020-2021. Về cơ cấu nền kinh tế năm 2023, khu vực dịch vụ chiếm 42,54%. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Trong thương mại điện tử, nhiều doanh nghiệp đạt mức tăng trưởng đột phá với doanh thu bán lẻ hàng hóa xuyên biên giới tăng cao. Năm 2023, quy mô thị trường thương mại điện tử bán lẻ Việt Nam ước đạt 20,5 tỷ USD, chiếm 8% doanh thu hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng của cả nước, đạt tốc độ tăng trưởng khoảng 25%/năm.

Năm 2024, theo báo cáo của Tổng cục Thống kê, 6 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước đạt 3.098,7 nghìn tỷ đồng, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2023 tăng 11,3%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5,7% (cùng kỳ năm 2023 tăng 8,8%). Doanh thu bán lẻ hàng hóa sáu tháng đầu năm 2024 ước đạt 2.398,3 nghìn tỷ đồng, tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 4,9%). Doanh thu dịch vụ lưu trú,

ăn uống 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 356,4 nghìn tỷ đồng, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước

Doanh thu du lịch lũy hành 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 29,4 nghìn tỷ đồng, tăng 37,1% so với cùng kỳ năm trước. Một số địa phương có doanh thu du lịch lũy hành 6 tháng đầu năm 2024 tăng so với cùng kỳ như: Thành phố Hồ Chí Minh tăng 42,2%; Đà Nẵng tăng 38,6%; Cần Thơ tăng 33,7%; Hà Nội tăng 28,9%; Quảng Ninh tăng 21,0%; Bình Dương tăng 18,5%; Hải Phòng tăng 10,5%. Ngoài ra, doanh thu dịch vụ khác 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 314,6 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ năm trước.

Trong bối cảnh kinh tế còn nhiều khó khăn thách thức đan xen, người tiêu dùng đã thận trọng hơn trong quyết định chi tiêu khi chú trọng hơn vào nhóm hàng thiết yếu như: Thực phẩm, hóa mỹ phẩm và cắt giảm những khoản chi tiêu không cần thiết. Tuy nhiên, thị trường trong nước vẫn được các chuyên gia đánh giá còn nhiều tiềm năng để phát triển. Do đó, để khai thác hiệu quả thị trường trong nước, các doanh nghiệp cần tiếp tục chủ động đa dạng hóa sản phẩm, đảm bảo sản phẩm đúng chất lượng, tiêu chuẩn với giá cả cạnh tranh, tạo sự liên kết vững chắc để có chi phí hợp lý nhất ở các công đoạn và có các giải pháp tạo hướng đi tiếp cận người tiêu dùng nhanh và hiệu quả.

Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển thương mại trong nước thời gian tới

Để thúc đẩy phát triển thị trường trong nước, Bộ Công Thương tiếp tục triển khai nhiều giải pháp, trong đó lồng ghép các hoạt động xúc tiến thương mại trong nước với các chương trình

kích cầu tiêu dùng, ưu tiên phát triển các nền tảng thương mại và kỹ thuật số hiện đại để đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng. Đồng thời, tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên hàng Việt Nam” giai đoạn 2021-2025 với trọng tâm là tổ chức các hoạt động phát triển thị trường với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”, “Tinh hoa hàng Việt Nam” và đặt ra một số mục tiêu cụ thể đến năm 2025 như: Giữ thị phần hàng Việt Nam có thể mạnh với tỷ lệ trên 85% tại các kênh phân phối hiện đại (trung tâm thương mại, siêu thị, cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, thương mại điện tử...) và trên 80% các kênh phân phối truyền thống (chợ, cửa hàng tạp hóa, ...); Giữ doanh thu bán lẻ của khu vực kinh tế trong nước chiếm tỷ lệ 85% tổng mức bán lẻ hàng hóa trong nước; Trên 90% người tiêu dùng và doanh nghiệp Việt Nam biết đến Chương trình Nhận diện hàng Việt Nam với tên gọi “Tự hào hàng Việt Nam”, “Tinh hoa hàng Việt Nam”; Trên 90% doanh nghiệp biết đến Phong trào “Hàng Việt Nam chinh phục người Việt Nam” và trên 70% doanh nghiệp tham gia Phong trào này; 100% bộ, ngành và địa phương xây dựng được chuỗi phân phối sản phẩm của doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ nông dân sản xuất hàng Việt Nam tại thị trường trong nước.

Các cấp, ngành từ Trung ương đến địa phương tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam, đặc biệt là doanh nghiệp vừa và nhỏ khai thác lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp đẩy mạnh sản xuất kinh doanh, đầu tư, phát triển hạ tầng thương mại, mở rộng mạng lưới

bán hàng, nhất là ở các vùng đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Đặc biệt với quan điểm: Phát triển thương mại trong nước trở thành cầu nối vững chắc giữa sản xuất với tiêu dùng, đóng vai trò quan trọng trong định hướng, dẫn dắt cho sản xuất trong nước phát triển theo tín hiệu của thị trường, phát huy năng lực, sức mạnh nội sinh của thị trường trong nước; Phát triển thương mại trong nước phải phù hợp với quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường và cam kết hội nhập kinh tế quốc tế; Xác định thị trường trong nước sẽ đóng vai trò là động lực chủ yếu để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Chú trọng xây dựng uy tín về sản phẩm và phát triển thương hiệu Việt, không ngừng phát huy nội lực của thị trường trong nước, coi đó là cơ sở để hội nhập tích cực, chủ động, hiệu quả với thị trường khu vực và thế giới, ngày 13/7/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1163/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, Quyết định đặt mục tiêu cụ thể giai đoạn 2021 - 2030: Giá trị tăng thêm thương mại trong nước đạt tốc độ tăng bình quân khoảng 9,0 - 9,5%/năm; đến năm 2030 đóng góp khoảng 15,0 - 15,5% vào GDP cả nước; Tổng mức bán lẻ hàng hóa (HH) và doanh thu dịch vụ

tiêu dùng (DVTĐ) (chưa loại trừ yếu tố giá) đạt tốc độ tăng bình quân 13,0 - 13,5%/năm; đến năm 2030: Tổng mức bán lẻ HH & doanh thu DVTĐ trao đổi qua các cơ sở bán lẻ hiện đại (như siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng hội viên dạng nhà kho) trong Tổng mức bán lẻ HH & doanh thu DVTĐ chiếm khoảng 38 - 42% Tổng mức bán lẻ HH & doanh thu DVTĐ cả nền kinh tế; Thương mại điện tử phát triển nhanh đến năm 2030, doanh thu trao đổi qua thương mại điện tử chiếm khoảng 10,5 - 11% Tổng mức bán lẻ HH & doanh thu DVTĐ cả nền kinh tế, đạt tốc độ tăng bình quân khoảng 20 - 21%/năm; phấn đấu đạt trên 40 - 45% số doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động trong lĩnh vực thương mại (bao gồm các doanh nghiệp thương mại nhỏ và vừa, các doanh nghiệp chuyển đổi từ cơ sở kinh tế cá thể thương mại và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo) tham gia các sàn thương mại điện tử lớn trong và ngoài nước.

Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu phát triển thương mại trong nước thời gian tới được đưa ra tại Quyết định, bao gồm:

Một là, hoàn thiện thể chế, chính sách, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và quản lý hoạt động thương mại theo cam kết quốc tế. Theo đó, rà soát, hoàn thiện quy định về quản lý hàng hóa



lưu thông trên thị trường, như: Quy định về nhãn, mác hàng hóa, nguồn gốc xuất xứ, truyền thông quảng cáo, thông tin thị trường...; Hoàn thiện các quy định, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn về hệ thống phân phối xanh, trước hết là hệ thống phân phối bán lẻ bao gồm chợ, trung tâm thương mại, siêu thị và áp dụng trên phạm vi cả nước...

Hai là, gia tăng cầu tiêu dùng cuối cùng trong nước, phát triển doanh nghiệp phân phối, gắn kết lưu thông với sản xuất, đẩy mạnh liên kết các chuỗi cung ứng sản phẩm, hàng hóa. Trong đó, triển khai hiệu quả Đề án phát triển thị trường trong nước gắn với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” giai đoạn 2021 - 2025” theo Quyết định số 386/QĐ-TTg ngày 17/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo.

Ba là, tiếp tục rà soát, kiến nghị, sửa đổi, bổ sung các chính sách ưu đãi đầu tư, chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư để phát triển kết cấu hạ tầng thương mại theo hướng đồng bộ, hiện đại.

Bốn là, phát triển thương mại điện tử, các loại hình thương mại dựa trên nền tảng số hóa. Triển khai ứng dụng hiệu quả mô hình quản lý các sàn giao dịch TMĐT, các website bán hàng điện tử, các hoạt động giao dịch thương mại thông qua các trang diễn đàn, mạng xã hội (facebook, zalo,...); Xây dựng nền tảng trực tuyến cho hoạt động phân phối, tập trung phát triển thị trường trực tuyến cho các sản phẩm được dán nhãn sinh thái, thân thiện với môi trường.

Năm là, phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách phát triển nhân lực thương mại, đáp ứng yêu cầu bối cảnh hội nhập, yêu cầu của cuộc CMCN lần thứ 4.

Sáu là, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, cung cấp thông tin dự báo xu hướng thị trường nhằm hỗ trợ doanh nghiệp kịp thời ứng phó với những đột biến bất lợi của thị trường.

Bảy là, thúc đẩy ứng dụng khoa học và công nghệ phát triển thương mại trong nước. Theo đó, thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và chuyển giao công nghệ cao vào các hoạt động kinh doanh trên thị trường nội địa; thúc đẩy việc sử dụng các ứng dụng, tiện ích mới như truy xuất nguồn hàng, QR Code, Data Matrix, RFID tại các kênh phân phối như chợ, siêu thị, trung tâm thương mại.../.

Tài liệu tham khảo:

- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý IV và năm 2023 của Tổng cục Thống kê
- Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý II và 6 tháng năm 2024 của Tổng cục Thống kê.
- Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về Chiến lược phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Giải pháp PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP HỖ TRỢ

Minh Thư

Trong thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển công nghiệp hỗ trợ đóng vai trò quan trọng vào góp phần tăng tỷ trọng ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu nền kinh tế. Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ là một trong những chủ trương quan trọng được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm trong định hướng phát triển công nghiệp.

Từ khóa: Công nghiệp hỗ trợ, phát triển công nghiệp, Nghị định 115/NQ-CP

Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ đưa ra quan điểm chỉ đạo Phát triển công nghiệp hỗ trợ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng phát triển của thế giới. Phát triển công nghiệp hỗ trợ hài hòa, bền vững giữa các ngành công nghiệp, lấy phát triển chiều sâu làm trọng tâm, với các ưu tiên đột phá để tạo ra các mũi nhọn cho phát triển công nghiệp, đảm bảo phát triển bền vững và thân thiện môi trường...

Thực trạng phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ

Công nghiệp hỗ trợ có ý nghĩa quan trọng đối với chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giúp nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh, tạo giá trị gia tăng, góp phần tăng tỷ trọng đóng góp của ngành công nghiệp chế biến, chế tạo trong cơ cấu nền kinh tế. Phát triển công nghiệp hỗ trợ là một trong những giải pháp quan trọng nhất để Việt Nam cải thiện chất lượng nền kinh tế, phát triển bền vững và tránh bẫy thu nhập trung bình; giúp tăng

khả năng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, đẩy mạnh tiếp nhận, chuyển giao công nghệ, thúc đẩy sự phát triển của các doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước. Từ đó, tạo tính lan tỏa mạnh mẽ, giúp các doanh nghiệp trong nước có thể tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của các doanh nghiệp EDI và chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia.

Thời gian qua, công nghiệp hỗ trợ đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm và định hướng là một trong những ngành ưu tiên phát triển và được ưu đãi đầu tư. Với sự ra đời của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ và các văn bản chính sách liên quan, hệ thống pháp luật, chính sách về công nghiệp hỗ trợ ngày càng được hoàn thiện, góp phần hỗ trợ thúc đẩy ngành công nghiệp này ngày càng phát triển và lớn mạnh. Nhìn chung, số lượng và chất lượng của các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam ngày càng được cải thiện rõ rệt. Các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng khá tốt nhu cầu trong nước và được xuất khẩu sang nhiều quốc gia trên thế giới. Ngày càng nhiều doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ trong nước tích cực sử dụng các công cụ quản lý hiện đại vào sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, trở thành nhà cung cấp cho các công ty đa quốc gia.

Theo Bộ Công Thương, hiện Việt Nam có khoảng 5.000 doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, tăng gần 4.000 doanh nghiệp so với thời điểm năm 2016; trong đó có khoảng 100 doanh nghiệp đang là nhà cung cấp cấp 1 cho các tập đoàn lớn và khoảng 700 doanh nghiệp là nhà cung cấp cấp 2 và cấp 3.

Năng lực sản xuất của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ Việt Nam từng bước đáp ứng được những yêu cầu khắt khe từ các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt là các doanh nghiệp FDI. Đến nay đã có một số doanh nghiệp sản xuất linh kiện Việt Nam có năng lực khá tốt trong một số lĩnh vực như: Sản xuất khuôn mẫu các loại; linh kiện xe đạp, xe máy; linh kiện cơ khí tiêu chuẩn; dây cáp điện; linh kiện nhựa - cao - su kỹ thuật; săm lốp các loại...

Hoạt động công nghiệp hỗ trợ ngày càng phát triển, cung cấp nguyên phụ liệu phục vụ sản xuất trong nước, tỷ lệ nội địa hóa được nâng cao trong nhiều ngành sản xuất như: Ngành dệt may - da giày đạt 45 - 50%, cơ khí chế tạo đạt hơn 30%. Đa số các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ không chỉ dừng lại ở sản phẩm đơn giản mà đã sản xuất được những cụm chi tiết có hàm lượng công nghệ cao, đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp sản xuất đầu cuối trong chuỗi cung ứng của Nhật Bản, Mỹ, châu Âu. Nổi bật như doanh nghiệp Thaco Trường Hải có dòng xe với tỉ lệ nội địa hóa lên tới 70%. Doanh nghiệp này cũng cung ứng linh kiện OEM

cho nhiều hãng ô tô, xe máy tại Việt Nam như: Hyundai, Toyota, Isuzu, Piaggio và các doanh nghiệp FDI như: General Electric, Doosan Vina, Makitech, Amann và xuất khẩu đi các thị trường trọng điểm như: Mỹ, Úc, Anh, Ý, Nga, Canada, Thụy Điển, Phần Lan, Hàn Quốc, Nhật Bản... Doanh nghiệp Thaco Trường Hải đặt mục tiêu phát triển đến năm 2025 đạt 1 tỷ USD. Ngoài ra, Việt Nam cũng có các tập đoàn kinh tế lớn tạo nền tảng cho công nghiệp hỗ trợ, giúp Việt Nam từng bước tham gia sâu hơn vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu như: Viettel, Vingroup, Thành Công, Hòa Phát...

Giải pháp phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ

Thành quả phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ thời gian qua phải kể tới những trợ lực từ việc ban hành các chính sách giúp ngành công nghiệp hỗ trợ phát triển vượt qua khó khăn. Cụ thể, có thể kể tới Quyết định số 879/QĐ-TTg ngày 9/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035 với một trong những quan điểm là phát triển ngành công nghiệp trên cơ sở huy động hiệu quả



các nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế; khuyến khích phát triển khu vực kinh tế dân doanh và đầu tư nước ngoài; Phát triển công nghiệp trên cơ sở tăng trưởng xanh, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường; Phát triển các ngành, lĩnh vực công nghiệp ưu tiên; Chú trọng phát triển một số ngành công nghiệp lưỡng dụng phục vụ quốc phòng, an ninh quốc gia. Ngày 3/11/2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 111/2015/NĐ-CP về phát triển công nghiệp hỗ trợ. Theo đó, Nghị định số 111/2015/NĐ-CP quy định các chính sách hỗ trợ, chính sách ưu đãi nhằm phát triển công nghiệp hỗ trợ; Ngày 15/3/2024, Chính phủ ban hành Nghị định 32/2024/NĐ-CP về quản lý, phát triển cụm công nghiệp. Nghị định 32/2024/NĐ-CP đã quy định về phương án phát triển cụm công nghiệp; thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và sản xuất kinh doanh trong cụm công nghiệp; chính sách ưu đãi, hỗ trợ phát triển cụm công nghiệp và quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp; Quyết định số 71/QĐ-TTg ngày 17/1/2024 vừa được Phó Thủ tướng ký ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 68/QĐ-TTg ngày 18/1/2017 về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ từ năm 2016 đến năm 2025...

Đặc biệt, ngày 6/8/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ. Sự ra đời của Nghị quyết 115 được đánh giá là đòn bẩy chính sách hữu hiệu nhằm tạo điều kiện cho ngành công nghiệp Việt Nam nói chung và ngành công nghiệp hỗ trợ nói riêng phát triển mạnh mẽ, tạo cơ hội đón làn sóng chuyển dịch

đầu tư từ nước ngoài. Nghị quyết số 115/NQ-CP đưa ra quan điểm chỉ đạo Phát triển công nghiệp hỗ trợ phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu hướng phát triển của thế giới, nhằm đáp ứng nhu cầu nội địa của các ngành công nghiệp ưu tiên phát triển theo Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị bao gồm: Điện tử, cơ khí trọng điểm, sản xuất lắp ráp ô tô, dệt may, da giày, công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp quốc phòng. Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở tạo lợi thế cạnh tranh với các nước trong khu vực và trên thế giới nhằm thu hút đầu tư, tiếp cận và đáp ứng nhu cầu của các tập đoàn đa quốc gia, tham gia ngày càng sâu rộng vào mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu trong các lĩnh vực này. Phát triển công nghiệp hỗ trợ hài hòa, bền vững giữa các ngành công nghiệp, lấy phát triển chiều sâu làm trọng tâm, với các ưu tiên đột phá để tạo ra các mũi nhọn cho phát triển công nghiệp, đảm bảo phát triển bền vững và thân thiện môi trường. Phát triển công nghiệp hỗ trợ trên cơ sở huy động nguồn lực từ mọi thành phần kinh tế, đặc biệt từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hệ thống doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước.

Mục tiêu tổng quát đến năm 2025, doanh nghiệp Việt Nam có khả năng sản xuất các sản phẩm công nghiệp hỗ trợ có tính cạnh tranh cao, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng nội địa; chiếm khoảng 11% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp; có khoảng 1.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó, doanh nghiệp trong nước chiếm khoảng 30%.

Đến năm 2030, sản phẩm công nghiệp hỗ trợ đáp ứng 70% nhu cầu cho sản xuất, tiêu dùng nội địa; chiếm khoảng 14% giá trị sản xuất công nghiệp; có khoảng 2.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam.

Để thực hiện mục tiêu, một số nhiệm vụ và giải pháp cần được triển khai như:

Một là, xây dựng, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, đồng bộ các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển (được Nhà nước ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Luật Đầu tư) đảm bảo điều kiện thuận lợi cho phát triển công nghiệp hỗ trợ.

Hai là, bố trí, đảm bảo và huy động nguồn lực hiệu quả để triển khai thực hiện chính sách đầu tư phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển. Nâng cao vai trò và khuyến khích các địa phương đầu tư các nguồn lực để triển khai các chính sách, chương trình và hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo.

Ba là, tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất đối với doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển khi vay vốn ngắn hạn tại tổ chức tín dụng; Nhà nước thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với các khoản vay trung và dài hạn của các doanh nghiệp để thực hiện dự án sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển bằng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

Bốn là, tạo cơ hội hình thành và phát triển chuỗi giá trị trong nước thông qua thu hút đầu tư hiệu quả và thúc đẩy kết nối kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp đa quốc gia, các công ty sản xuất, lắp ráp trong nước và nước ngoài; xây dựng các khu công nghiệp hỗ trợ tập trung để tạo cụm liên kết ngành; phát triển các ngành công nghiệp vật liệu nhằm tăng cường tính tự chủ về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Năm là, thúc đẩy phát triển thị trường nội địa và thị trường ngoài nước để tạo điều kiện phát triển công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển.

Sáu là, nâng cao năng lực doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ: Xây dựng và vận hành hiệu quả các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng và địa phương từ vốn đầu tư trung hạn của Trung ương và địa phương trên cơ sở nhu cầu, mục tiêu phát triển và nguồn lực sẵn có nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, tạo cơ hội tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Bên cạnh đó, cần tập trung nâng cao năng lực khoa học công nghệ cho doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và chế biến,

chế tạo ưu tiên phát triển nhằm tạo sự bứt phá về hạ tầng công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ; tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học, công nghệ; đẩy mạnh thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Bảy là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống thống kê, cơ sở dữ liệu công nghiệp hỗ trợ và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kết nối giữa nhà cung cấp Việt Nam và các tập đoàn đa quốc gia, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và xây dựng chính sách về công nghiệp hỗ trợ; nâng cao chất lượng công tác thống kê, bảo đảm thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội về phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ.../.

Tài liệu tham khảo:

1. Quyết định số 879/QĐ-TTg, ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

2. Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 6/8/2020 của Chính phủ về các giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ.

3. Khơi thông chính sách cho công nghiệp hỗ trợ (<https://nhandan.vn/khoi-thong-chinh-sach-cho-cong-nghiep-ho-tro-post784862.html>).

Theo nhận định của các tổ chức quốc tế, kinh tế thế giới năm 2024 được cải thiện đáng kể nhưng vẫn duy trì nhịp tăng trưởng chậm, nhu cầu giao dịch hàng hóa trong năm 2024 tăng trở lại. Tuy nhiên, tình hình thế giới vẫn đang tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường làm cho giá đôla Mỹ, giá vàng tăng cao; giá dầu thô, hàng hóa cơ bản, dịch vụ vận tải biến động mạnh.

Trong nước, những thời cơ, thuận lợi và khó khăn, thách thức đan xen, là nước đang phát triển, nền kinh tế đang chuyển đổi, quy mô còn khiêm tốn, độ mở cao, sức chống chịu hạn chế nên những biến động của tình hình thế giới tác động trực tiếp đến kinh tế nước ta cũng như tình hình sản xuất kinh doanh (SXKD) của doanh nghiệp. Với sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, có hiệu quả của Chính phủ, kinh tế 6 tháng đầu năm 2024 ghi nhận nhiều kết quả tích cực: GDP ước tăng 6,42%; vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội theo giá hiện hành ước tăng 6,8%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành ước tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước; cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 11,63 tỷ USD.

Nhiều tín hiệu tích cực đối với khu vực doanh nghiệp (khu vực chiếm trên 60% GDP) cả về số doanh nghiệp mới gia nhập thị trường và doanh nghiệp đang tham gia SXKD

Một là, số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường trong 6 tháng đầu năm 2024 đạt 119.612 doanh nghiệp, mức cao nhất trong giai đoạn 2019-2024 và cao hơn số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Mặc dù số lượng doanh nghiệp tạm thời hoặc rút lui khỏi thị trường vẫn tiếp tục gia tăng, nhưng tỷ lệ doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập so với doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 6 tháng đầu năm là 108,4%, cao hơn rất nhiều so với quý I/2024 (chỉ đạt 80,9%).

TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP THÁO GỖ KHÓ KHĂN CHO DOANH NGHIỆP TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM

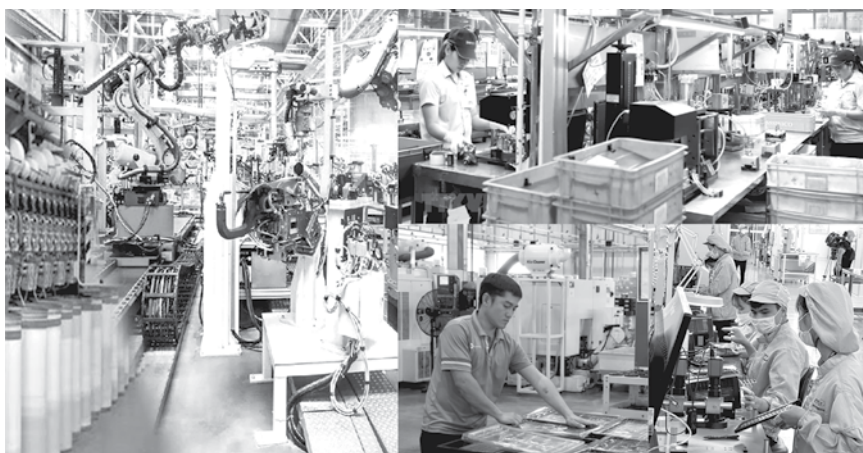
Phí Thị Hương Nga

Vụ trưởng Vụ Thống kê Công nghiệp và Xây dựng - TCTK

Hai là, trong 110.316 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường trong 6 tháng đầu năm, phần lớn là doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh trong ngắn hạn (chiếm 64,7%); số doanh nghiệp giải thể và chờ làm thủ tục giải thể chỉ chiếm 35,3% và tập trung chủ yếu ở nhóm doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, có quy mô vốn dưới 10 tỷ đồng (chiếm 88,7%). Số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường tập trung chủ yếu trong tháng 1/2024 (53,9 nghìn doanh nghiệp) và xu hướng được cải thiện một cách rõ rệt trong các tháng tiếp theo, với số lượng doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường bình quân mỗi tháng là 18,4 nghìn doanh nghiệp.

Ba là, chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) ở ngưỡng trên 50 điểm trong 4/5 tháng đầu năm, thể hiện sản xuất trong nước được mở rộng. Theo báo cáo khảo sát chuyên đề của TCTK thực hiện trong tháng 6/2024, có 73,5% DN đánh giá hoạt động SXKD quý II/2024 tốt hơn và giữ ổn định so với quý I/2024 (25,9% tốt hơn và 47,6% giữ ổn định).

Bốn là, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp chế biến chế tạo 6 tháng đầu năm tăng 8,5%; chỉ số tiêu thụ tăng 10,8% so với cùng kỳ năm trước (cao hơn 2,3 điểm phần trăm so với chỉ số sản xuất); tỷ lệ tồn kho bình quân



6 tháng đầu năm là 76,9%, giảm mạnh so với cùng kỳ (83,1%). Tỷ lệ doanh nghiệp sản xuất có số lượng đơn hàng mới quý II/2024 tăng lên so với quý trước và dự kiến tiếp tục có xu hướng tăng cao hơn trong quý III/2024.

Tuy nhiên, hoạt động SXKD của doanh nghiệp vẫn gặp khó khăn, cụ thể: Trong 6 tháng đầu năm 2024, có 110.316 doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm 2023. Tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 6 tháng năm 2024 là 1.537.122 tỷ đồng (giảm 7,7% so với cùng kỳ năm 2023). Vốn đăng ký bình quân 1 doanh nghiệp có xu hướng giảm so với giai đoạn trước đây, giai đoạn 2017-2022 vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp cao hơn 10 tỷ đồng, năm 2023 và năm 2024 giảm còn 9,2 tỷ đồng/doanh nghiệp.

Một số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh trong một số ngành vẫn gặp khó khăn hoặc dấu hiệu phục hồi chưa thực sự rõ nét, thể hiện qua chỉ số sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm vẫn giảm so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất ô tô và xe có động cơ giảm 5,5%; sản xuất mô tô, xe máy giảm 3%; sản xuất xi măng, vôi, thạch cao giảm 2%; sản xuất bia và mạch nha ủ men bia giảm 3,9%.

Các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong 6 tháng cuối năm

- Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, 03 Chương trình mục tiêu quốc gia. Tập trung đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là về các công trình, dự án hạ tầng quan trọng, trọng điểm quốc gia, các dự án đường bộ cao tốc, hệ thống kết cấu hạ tầng

cảng biển, cảng hàng không, góp phần mở rộng, khai thác các không gian phát triển mới, giảm chi phí logistics.

- Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả; phối hợp đồng bộ, hài hòa, chặt chẽ với chính sách tài khóa mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm và các chính sách khác. Tiếp tục rà soát các điều kiện cho vay, đơn giản hóa quy trình, thủ tục cho vay thuận lợi, thông thoáng, linh hoạt, khả thi, hợp lý hơn để tăng tiếp cận tín dụng cho doanh nghiệp; thúc đẩy giải ngân các gói tín dụng 120 nghìn tỷ đồng cho vay nhà ở xã hội, nhà ở công nhân và 30 nghìn tỷ đồng cho nông, lâm, thủy sản.

- Tiếp tục thực hiện việc miễn, giảm, gia hạn thời hạn nộp thuế, phí, lệ phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

- Tăng cường quản lý giá cả, thị trường; bảo đảm kiểm soát lạm phát theo mục tiêu đề ra.

- Tiếp tục làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống, cụ thể:

Về đầu tư, tạo thuận lợi thu hút, giải ngân đầu tư xã hội; quyết liệt xử lý vướng mắc, tích cực hỗ trợ đẩy nhanh triển khai các dự án đầu tư; tăng cường vận động, thu hút FDI, ODA thế hệ mới, tài chính xanh thúc đẩy các động lực tăng trưởng mới, tạo đột phá cho hợp tác kinh tế đối với hạ tầng chiến lược.

Về xuất khẩu, củng cố các thị trường truyền thống, mở rộng các thị trường mới (UAE, châu Phi, Mỹ La tinh, thị trường Halal...); thực hiện hiệu quả các FTA đã ký kết và thúc đẩy ký kết các FTA mới; thông tin kịp thời cho doanh nghiệp về việc điều chỉnh các chính sách, quy định của các nước về xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa, đặc biệt là hàng nông sản chủ lực

như gạo, cà phê,...; chủ động phương án xử lý, hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện thủ tục, cung cấp hồ sơ, thông tin đáp ứng các quy định mới của nước đối tác.

Về tiêu dùng, đẩy mạnh thực hiện các chương trình kích cầu tiêu dùng trong nước, các chương trình bình ổn thị trường, xúc tiến nông sản, mỗi xã một sản phẩm (OCOP), đưa hàng Việt về nông thôn...; thúc đẩy phân phối hàng hóa qua nền tảng số, thương mại điện tử; đẩy mạnh công tác quản lý thị trường, đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại; kịp thời điều tra, xử lý các vụ kiện phòng vệ thương mại đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam theo quy định.

- Thúc đẩy mạnh mẽ các động lực tăng trưởng mới: (1) Đẩy mạnh hoàn thiện thể chế, pháp luật để huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực; (2) Thúc đẩy mạnh mẽ 6 vùng KTXH; (3) Tranh thủ các cơ hội mới từ sự dịch chuyển chuỗi cung ứng sản xuất, thương mại, đầu tư toàn cầu và khu vực; (4) Thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tuần hoàn, các ngành, lĩnh vực mới như chip bán dẫn, trí tuệ nhân tạo; (5) Thu hút nguồn lực tài chính xanh, tín dụng xanh ưu đãi để phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng mới, Hydrogen; (6) Xây dựng và phát triển trung tâm tài chính khu vực và quốc tế tại Việt Nam.



- Tập trung phát triển mạnh các ngành, lĩnh vực chủ yếu.

Về công nghiệp, thúc đẩy phát triển mạnh mẽ sản xuất công nghiệp, trong đó: (i) Tập trung tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy công nghiệp chế biến chế tạo, công nghiệp phụ trợ; (ii) Đẩy nhanh tiến độ các dự án quy mô lớn, công nghệ cao, có tính lan tỏa mạnh mẽ; (iii) Đẩy mạnh sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy sản, tận dụng, khai thác tốt các Hiệp định thương mại tự do đã ký để thúc đẩy xuất khẩu nông sản.

Về nông nghiệp, thúc đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, nhất là lương thực, thực phẩm, phát triển công nghiệp chế biến nông sản; (ii) Tận dụng tốt cơ hội xuất khẩu nông sản; (iii) Khẩn trương khắc phục "thẻ vàng" (IUU).

Về dịch vụ, du lịch, phát triển mạnh các ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế, ứng dụng công nghệ cao; tiết giảm chi phí vận tải, logistics; (ii) Đẩy mạnh thu hút du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ, xúc tiến du lịch các thị trường trọng điểm; (iii) Tăng cường công tác quản lý giá dịch vụ du lịch, lưu trú, ăn uống tại các điểm du lịch.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính gắn với đổi mới sáng tạo, tích cực ứng dụng chuyển đổi số trong khu vực công nhằm tiết giảm chi phí, thời gian tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp./



TĂNG CƯỜNG LIÊN KẾT

TẠO SỨC BẬT MỚI CHO NGÀNH DU LỊCH

Bích Ngọc

Tóm tắt: Với chính sách thị thực thông thoáng và các chương trình xúc tiến quảng bá hiệu quả, ngành du lịch Việt Nam lấy lại “ánh hào quang”, phục hồi mạnh mẽ và trở thành điểm sáng, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của kinh tế Việt Nam. Tuy nhiên, một trong những trở ngại đã và đang tác động bất lợi đến sự phát triển của ngành là các hãng hàng không bị giảm năng lực cung ứng và phải điều chỉnh tăng giá vé máy bay nội địa. Hiện hãng hàng không và ngành du lịch các địa phương đang xây dựng những giải pháp tăng cường liên kết, thu hút du khách và kích cầu du lịch nội địa, để cán đích mục tiêu năm 2024 là đón 17-18 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 110 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 840 nghìn tỷ đồng.

Từ khóa: du lịch, hàng không, khách du lịch, liên kết

Nửa đầu năm 2024 - du lịch Việt phục hồi mạnh mẽ

Từ đầu năm 2024, ngành Du lịch nước ta vẫn phải đối mặt với một số khó khăn, thách thức trong bối cảnh tình hình thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, tạo sức ép lên lạm phát và tăng trưởng kinh tế toàn cầu; xung đột ở các khu vực chưa có dấu hiệu hạ nhiệt, biến đổi khí hậu ngày càng rõ nét hơn; cạnh tranh giữa các điểm đến du lịch trong cùng khu vực ngày càng gay gắt...

Với tinh thần “tăng tốc, sáng tạo, về đích”, ngành du lịch đã tăng cường thực hiện hàng loạt các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch ở ngoài nước như: Tham gia Diễn đàn Du lịch ASEAN và Hội chợ Travex 2024 tại Lào; Tổ chức chương trình giới thiệu du lịch Việt Nam tại các thị trường Đức - Pháp - Ý; Tổ chức Lễ hội Xúc tiến

du lịch và Hợp tác văn hóa Việt Nam tại Hàn Quốc, ký kết Biên bản ghi nhớ về hợp tác xúc tiến du lịch Việt Nam - Hàn Quốc giai đoạn 2025- 2026 với Tổng cục Du lịch Hàn Quốc; Tổ chức Chương trình giới thiệu du lịch Việt Nam tại Nga trong khuôn khổ những ngày văn hóa Việt Nam tại Nga...

Đồng thời, tăng cường tuyên truyền các chương trình du lịch trong nước như: Chương trình Năm Du lịch quốc gia - Điện Biên 2024 với chủ đề “Vinh quang Điện Biên Phủ - Trải nghiệm bất tận”; Lễ hội pháo hoa Đà Nẵng; triển khai hoạt động kích cầu nhằm thúc đẩy phát triển du lịch nội địa năm 2024 với chủ đề “Người Việt đi du lịch Việt - Việt Nam tôi yêu”, “Người Hà Nội và du khách trải nghiệm dịch vụ tại các khách sạn 4 - 5 sao” nhằm thu hút khách du lịch nội địa đến với Thủ đô Hà Nội...

Tại các địa phương, đặc biệt là các trọng điểm du lịch, hoạt động du lịch diễn ra khá sôi động, phong phú. Các địa phương cùng đồng hành với doanh nghiệp lữ hành giới thiệu các chương trình du lịch mới, tạo thêm nhiều trải nghiệm có chất lượng dịch vụ tốt nhằm tăng tính hấp dẫn với du khách; đảm bảo an ninh, an toàn, môi trường sạch sẽ, văn minh cho hoạt động du lịch ...

Với chính sách thị thực thông thoáng và các chương trình xúc tiến quảng bá hiệu quả, ngành du lịch Việt Nam lấy lại “ánh hào quang”, phục hồi mạnh mẽ và trở thành điểm sáng, đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của kinh tế Việt Nam.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong 6 tháng đầu năm 2024, khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 8,8 triệu lượt người,

tăng 58,4% so với cùng kỳ năm trước và tăng 4,1% so với cùng kỳ năm 2019 - năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

Trong tổng số 8,8 triệu lượt khách quốc tế đến Việt Nam 6 tháng đầu năm 2024, khách đến bằng đường hàng không đạt 7,4 triệu lượt người, chiếm 83,8% lượng khách quốc tế đến Việt Nam. Trong tổng lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong nửa đầu năm nay, lượng khách du lịch đến từ Hàn Quốc dẫn đầu với 2,2 triệu lượt. Đứng vị trí thứ 2 là Trung Quốc là 1,8 triệu lượt. Hai thị trường này đóng góp tới 47,2% tổng số khách quốc tế đến trong 6 tháng qua.

Bên cạnh đó, lượng khách nội địa ước đạt 66,5 triệu lượt, tăng 4% so với cùng kỳ năm ngoái (64 triệu lượt) và tăng 46,5% so với cùng kỳ năm 2019 (45,5 triệu lượt). Số liệu Cục Du lịch quốc gia Việt Nam ước tính tổng thu từ khách du lịch trong 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt khoảng 436,5 nghìn tỉ đồng, cao hơn nhiều con số năm ngoái thu được là 343,1 nghìn tỷ đồng.

Chặng đường nửa đầu năm 2024 khép lại đánh dấu bước phục hồi mạnh mẽ của du lịch Việt Nam về cả số lượng khách và doanh thu từ du lịch. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là so với cùng kỳ năm 2023, lượt khách quốc tế đến Việt Nam trong 6 tháng đầu năm nay tăng tới 58,4%, cao hơn nhiều so mức tăng 4% của lượng khách nội địa.

Cần sự liên kết mạnh mẽ hơn nữa

Một vấn đề đã và đang tác động bất lợi đến sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam là các hãng hàng không bị giảm năng lực cung ứng và phải điều chỉnh tăng giá vé máy bay nội địa vào giai đoạn cao điểm do sự thiếu hụt máy bay trên toàn cầu cùng với biến động mạnh của tỷ giá,

chi phí nhiên liệu đầu vào gia tăng và biến động quy mô đội tàu bay những tháng gần đây.

Theo Cục Hàng không Việt Nam, đội tàu bay của các hãng hàng không Việt Nam đang khai thác dao động khoảng 165-170 tàu bay, giảm khoảng 40-45 tàu so với bình quân tàu bay khai thác năm 2023. Các hãng trong nước phải cân đối lực lượng tàu bay khai thác nội địa và quốc tế để cạnh tranh, duy trì thị phần quốc tế với các hãng nước ngoài... Bamboo Airways cũng nêu con số đáng lo ngại, khi số lượng đội máy bay trong nước chỉ còn 160 chiếc so với hơn 230 chiếc trước dịch Covid-19.

Thực tế, có những thời điểm giá vé máy bay trong nước ở Việt Nam gần ngang bằng so với giá vé máy bay đi các nước trong khu vực. Do đó, nhiều gia đình Việt Nam lựa chọn đi du lịch nước ngoài thay vì trong nước khiến du lịch nội địa bị ảnh hưởng. Điều này dẫn đến vòng lặp nhu cầu đi du lịch trong nước giảm, số lượng chuyến bay giảm theo và kéo theo giá vé máy bay nội địa lại tiếp tục tăng cao để bù chi phí...

Theo góc nhìn từ các doanh nghiệp du lịch, trong những tháng đầu năm, nhiều liên kết phát triển du lịch đã bị phá vỡ bởi sự xung đột quyền lợi. Nhiều chương trình kích cầu du lịch không triển khai được do lo ngại nguy cơ một số doanh nghiệp khác trong ngành không tham gia nhưng lại được hưởng lợi.

Vấn đề trên cho thấy sự liên kết thiếu chặt chẽ giữa du lịch - hàng không - doanh nghiệp lữ hành địa phương. Điều này đã không chỉ làm giảm sức cạnh tranh của các điểm đến trong nước, mà còn hạn chế khả năng tăng tốc phát triển của ngành du lịch Việt Nam.

Du lịch và hàng không được ví như như đôi cánh cùng góp phần phát triển nền kinh tế quốc gia. Ngành hàng không tăng trưởng cũng là một trong những động lực thúc đẩy du lịch, tạo cơ hội cho du khách khám phá các điểm đến mới. Ngược lại, du lịch đóng vai trò thúc đẩy sự phát triển của hàng không, hình thành nhu cầu cũng như dịch vụ, đóng góp cho sự phát triển kinh tế, tạo ra cơ hội cho sự đổi mới và cải tiến.

Năm 2024 là năm “nước rút” có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Với ý nghĩa và tầm quan trọng đó, ngành du lịch Việt Nam đặt mục tiêu phấn đấu đón 17-18 triệu lượt khách quốc tế, gần về mức kỷ lục của năm 2019 (năm chưa xảy ra đại dịch Covid-19) và phục vụ 110 triệu lượt khách du lịch nội địa; tổng thu từ khách du lịch đạt khoảng 840 nghìn tỷ đồng.

Việc hoàn thành mục tiêu năm 2024 đầy thách thức trong bối cảnh nước ta vẫn tiếp tục phải đối mặt với những yếu tố bất lợi trong bức tranh khó khăn chung của du lịch toàn cầu. Để Việt Nam không chỉ là điểm đến hấp dẫn đối với du khách nước ngoài mà còn mang lại cơ hội khám phá, trải nghiệm mới đối với du khách trong nước, rõ ràng cần có sự ngồi lại của hai bên Du lịch - Hàng không để bàn kế hoạch hợp tác đưa ra những chính sách ưu đãi hợp lý (từ vé máy bay, phòng khách sạn, tour du lịch) trên cơ sở chia sẻ lợi ích và trách nhiệm giữa các bên.

Hiện hãng hàng không và ngành du lịch các địa phương đã xây dựng những giải pháp tăng cường liên kết, thu hút du khách và kích cầu du lịch nội địa. Đơn cử

là hãng hàng không Vietnam Airlines sẽ cung ứng gần 1 triệu chỗ bay đêm, khởi hành sau 21 giờ và trước 6 giờ hằng ngày trên nhiều đường bay nội địa, với mức giá khuyến mại rất hấp dẫn.

Bên cạnh đó, Vietnam Airlines cũng đã xây dựng cơ chế hợp tác với ngành du lịch địa phương nhằm tạo ra sản phẩm hướng tới khách du lịch nội địa ngay trong cao điểm hè này. Theo đó, Vietnam Airlines đề xuất các tỉnh, thành phố kêu gọi, giới thiệu tới các công ty lữ hành - du lịch, cơ sở lưu trú, khu vui chơi, điểm tham quan,... trên địa bàn cùng chung tay tham gia chiến dịch kích cầu các chuyến bay đêm. Đồng thời, công bố danh sách cơ sở cung ứng dịch vụ trên các phương tiện truyền thông để khách hàng nhận biết và chủ động đặt dịch vụ.

Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa là 2 địa phương đầu tiên đồng hành trong chiến dịch này của Vietnam Airlines. Theo thỏa thuận, Vietnam Airlines và các địa phương hợp tác phát động chương trình kích cầu du lịch từ nay đến cuối năm 2024, triển khai thêm sản phẩm bay giờ sáng sớm và tối muộn với mức giảm lên đến 30% giá vé so với mức giá các chuyến bay vào giờ thông thường.

Bên cạnh đó, thời gian tới, Cục Hàng không Việt Nam và Cục Du lịch quốc gia Việt Nam cũng sẽ “bắt tay” tăng cường các giải pháp thúc đẩy liên kết, hợp tác để thúc đẩy và phát triển hoạt động kết nối hàng không - du lịch; tổ chức hội nghị liên ngành du lịch và hàng không để quảng bá địa điểm và sản phẩm; đề xuất các chính sách tạo thuận lợi cho ngành hàng không - du lịch...

Hy vọng rằng, với sự hợp tác giữa các bên, ngành du lịch sẽ tiếp tục đột phá trong những tháng tiếp theo và về đích thành công, trở thành động lực quan trọng cho tăng trưởng kinh tế đất nước./.

CHỦ ĐỘNG VƯỢT THÁCH THỨC GIỮ ĐÀ TĂNG TRƯỞNG XUẤT KHẨU NÔNG SẢN

Thu Hiền

Năm 2024, xuất khẩu nông sản Việt Nam có khởi đầu sôi động nhờ những tín hiệu tích cực của thị trường, đặc biệt là giá cả nông sản xuất khẩu tăng cao. Điều này đem lại kỳ vọng tươi sáng cho xuất khẩu nông sản những tháng còn lại. Tuy nhiên, trước thực trạng giá cả nông sản có nhiều biến động cùng những diễn biến mới của thị trường thế giới, doanh nghiệp cần có sự chuẩn bị tốt để ứng phó kịp thời

Từ khóa: giá xuất khẩu, nông sản, sản lượng, xuất khẩu.

Xuất khẩu nông sản góp thêm gam màu sáng cho bức tranh thương mại nửa đầu năm

Những tháng đầu năm 2024, thị trường nông sản nội địa và xuất khẩu trở nên sôi động khi giá cả nhiều loại nông sản tăng cao, thậm chí liên tiếp lập các kỷ lục mới về giá. Theo nhận định của Tổng cục Thống kê, ngành Nông nghiệp Việt Nam đã có một khởi đầu khá tốt khi duy trì được mức tăng trưởng ổn định, nhất là khi sản xuất nông nghiệp vừa được mùa, vừa được giá. Số liệu thống kê cho thấy, bình quân 6 tháng đầu năm 2024 chỉ số giá bán sản phẩm nông nghiệp tăng 10,29% so với bình quân cùng kỳ năm 2023, trong đó chỉ số giá sản phẩm cây hàng năm tăng 11,27%; cây lâu năm tăng 22,3%.

Điển hình với cây lúa - cây trồng chủ lực, cũng là một trong những sản phẩm nông sản xuất khẩu chủ lực, sản lượng lúa vụ Đông Xuân 2024 của Việt Nam ước đạt 20,32 triệu tấn, tăng 132,5 nghìn tấn so với vụ Đông Xuân năm 2023. Giá lúa ở mức cao, bình quân 6 tháng đầu năm 2024 tăng 20,41% so với bình quân cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá xuất khẩu gạo bình quân 6 tháng đầu năm 2024 tăng 18,33% so với cùng kỳ năm 2023. Cụ thể, xuất khẩu gạo 6 tháng đầu năm 2024 ước đạt 4,68 triệu tấn với kim ngạch đạt 2,98 tỷ USD, tăng 10,4% về lượng và tăng tới 32% về giá trị.

Không chỉ riêng cây lúa, đối với cây lâu năm, sản lượng cây ăn quả 6 tháng đầu năm 2024 cũng đạt khá. Trong đó riêng sản lượng sầu riêng ước đạt 487,7 nghìn tấn, tăng 20,3% so với cùng kỳ năm trước; cây ăn quả khác như ổi, mít, chanh leo, nhãn,... sản lượng cũng tăng khoảng 3-6%. Giá bán hầu hết sản phẩm trái cây tăng, bình quân 6 tháng đầu năm tăng 6,12% so với bình quân cùng kỳ năm 2023. Đặc biệt, giá sầu riêng ở mức khá cao, cụ thể: Tại Tiền Giang, thời điểm đầu mùa, sầu riêng thu mua tại vườn đã có giá từ 140-215 nghìn đồng/kg tùy loại (tăng khoảng 30.000 đồng so với đầu tháng 3/2023) và cũng là mức tăng cao nhất từ trước đến nay.

Cùng với đó, một số cây công nghiệp lâu năm tăng cả về sản lượng thu hoạch và giá bán, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm nông sản và thu nhập của người sản xuất. Cụ thể: Sản lượng hồ tiêu đạt 238,2 nghìn tấn, tăng 2,3% và giá bán tăng 44,06%; cao su tăng đạt 410,7 nghìn tấn, tăng 2% và giá bán tăng 8,96%; chè đạt 522,9 nghìn tấn, tăng 2,4% và giá bán tăng 2,91% ...

Tại thời điểm tháng 6/2024, nhiều loại nông sản Việt Nam có mức giá xuất khẩu tăng cao so với tháng trước đó và so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó phải kể đến: Giá bình quân xuất khẩu cà phê ước đạt 4.489 USD/tấn, tăng 5,0% so với tháng trước và tăng 67,3% so với cùng kỳ năm 2023; giá bình quân xuất khẩu hạt điều ước đạt 5.973 USD/tấn, tăng 9,2% so với tháng trước và tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2023. Trong khi đó, giá xuất khẩu cao su bình quân ở mức 1.586 USD/tấn, giảm 0,5% so với tháng 5/2024, nhưng tăng 19,6% so với tháng 6/2023.

Tính chung 6 tháng đầu năm 2024, giá bình quân xuất khẩu cà phê của Việt Nam ước đạt mức 3.570 USD/tấn, tăng 50,4% so với cùng kỳ năm 2023; giá bình quân xuất khẩu hạt điều ước tính chỉ đạt 5.496 USD/tấn, giảm 6,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Nửa đầu năm 2024, xuất khẩu chè ước đạt 61 nghìn tấn, trị giá 108 triệu USD, tăng 26,7% về lượng và tăng 32,1% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Giá bình quân xuất khẩu chè ước đạt 1.759,9 USD/tấn, tăng 4,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Sản lượng nông sản tăng không chỉ đáp ứng nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn đóng góp tích cực vào xuất khẩu hàng hóa, nhờ đó, kim ngạch xuất khẩu một số nông sản tăng cả về lượng và giá trị, giá xuất khẩu. Theo số liệu

của Tổng cục Thống kê, kim ngạch xuất khẩu hàng nông, lâm sản 6 tháng đầu năm 2024 đạt 16,64 tỷ USD, tăng 25% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó: Kim ngạch xuất khẩu rau quả đạt trên 3,4 triệu USD, tăng 28,2%, chỉ số giá xuất khẩu rau quả bình quân 6 tháng đầu năm 2024 tăng 1,97%; kim ngạch xuất khẩu hạt tiêu đạt 632 triệu USD, tăng 30,9% và chỉ số giá xuất khẩu tăng 13,31%; cao su đạt khoảng 1,2 tỷ USD, tăng 4,5% và chỉ số giá xuất khẩu tăng 11,86%; chè đạt 108 triệu USD, tăng 26,7% và chỉ số giá xuất khẩu tăng 10,13%.

Đáng chú ý, thời gian qua, xuất khẩu sầu riêng tăng cao, trở thành một trong những mặt hàng nông sản xuất khẩu tiêu điểm. Theo Hiệp hội Rau quả Việt Nam, sầu riêng Việt Nam có lợi thế với sản lượng dồi dào, thu hoạch rải vụ quanh năm, nhiều thời điểm không bị cạnh tranh trực tiếp với sầu riêng Thái Lan. Cùng với đó, thời gian vận chuyển nhanh và giá thành hợp lý, đặc biệt khi sầu riêng đông lạnh được kiểm soát chất lượng tốt hơn. Nhờ đó, trong tháng Sáu, lượng sầu riêng xuất khẩu đạt khoảng 600 triệu USD, nâng tổng kim ngạch xuất khẩu sầu riêng 6 tháng đầu năm 2024 lên đến 1,5 tỷ USD.

Doanh nghiệp cần chủ động ứng phó với diễn biến giá cả để tiếp đà tăng trưởng xuất khẩu

Từ các số liệu kể trên có thể thấy, xuất khẩu nông sản trong nửa đầu năm đang đạt kết quả khá tích cực. Tuy nhiên, việc giá nông sản tăng cao bên cạnh lợi ích đem lại cho các ngành hàng còn tiềm ẩn một số rủi ro khó lường, đòi hỏi người nông dân cũng như doanh nghiệp cần nâng cao cảnh giác, chủ động các phương án ứng phó với diễn biến của thị trường. Rủi ro cũng trở nên lớn hơn đối với cả người dân

sản xuất và doanh nghiệp thu mua, xuất khẩu trước những nguy cơ mở rộng diện tích thiếu bền vững, hiện tượng tranh mua - tranh bán, đầu cơ... khiến khó dự báo tình hình. Một số nơi, xuất hiện tình trạng doanh nghiệp khó mua hàng do giá cả tăng mạnh nên người nông dân hạn chế bán ra, chờ mức giá cao hơn, có thể dẫn đến tình trạng giá ảo trên thị trường.

Mặt khác, đến giữa năm, giá xuất khẩu của một số mặt hàng nông sản có hiện tượng chững lại, thậm chí bắt đầu giảm theo xu hướng chung của thị trường thế giới. Theo Hiệp hội Cà phê và Ca cao Việt Nam (Vicofa), yếu tố thời tiết không thuận lợi kết hợp với sự bùng phát của rệp sáp cùng nhện đỏ được sự báo có thể làm giảm sản lượng vụ Robusta tiếp theo ở Việt Nam từ 15% đến 20%. Theo ước tính của Vicofa, sản lượng cà phê Robusta vụ 2023-2024 là khoảng 26,7 triệu bao, vụ mùa tiếp theo 2024-2025 của Việt Nam dự kiến sẽ ở mức từ 21,40 đến 22,70 triệu bao. Con số này thấp hơn đáng kể so với dự báo sơ bộ trước đây là 24 triệu bao và thấp hơn nhiều so với ước tính của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) đã đưa ra mới đây là 27,85 triệu bao. Tại thời điểm ngày 28/6/2024, giá cà phê Robusta tại thị trường nội địa đã giảm 3.600 - 4.200 đồng/kg so với ngày 31/5/2024, xuống còn 118.800 - 119.900 đồng/kg. Ngành chè cũng chung thực trạng khi giá bình quân xuất khẩu cả 2 chủng loại chè chính đều có xu hướng giảm nhẹ.

Trong khi đó, dù xuất khẩu ghi nhận tốc độ tăng trưởng 2 con số trong nửa đầu năm 2024, nhưng ngành điều Việt Nam đang đối mặt với tình hình biến động giá nguyên liệu. Lý giải nguyên nhân, theo Hiệp hội Hạt điều Việt Nam (Vinacas) cho biết, thời gian

gần đây, doanh nghiệp chế biến Việt Nam không nhận được đầy đủ nguyên liệu từ đối tác là các nước Tây Phi trước tình hình giá điều thô tăng mạnh. Nguyên nhân là do sản lượng hạt điều tại khu vực Tây Phi giảm và một số nước như Bờ Biển Ngà áp dụng chính sách tạm ngừng xuất khẩu hạt điều thô để hỗ trợ các nhà máy sản xuất hạt điều nội địa.

Theo Hiệp hội Lương thực Việt Nam (VFA), thời điểm ngày 26/6/2024, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam thấp hơn Thái Lan và Pakistan. Cụ thể: Gạo 100% tấm ổn định ở mức 468 USD/tấn; gạo tiêu chuẩn 5% tấm hiện ở mức 567 USD/tấn; gạo 25% tấm ổn định ở mức 543 USD/tấn. Với mức giá trên, gạo Việt Nam đang thấp hơn Thái Lan 35 USD (gạo tiêu chuẩn 5% tấm của Thái ở mức 602 USD/tấn) và thấp hơn Pakistan 16 USD (gạo nước này có giá 583 USD/tấn), trong khi trước đó, gạo Việt Nam xuất khẩu từng có thời điểm cao hơn Thái Lan.

Đến cuối tháng 6/2024, giá hồ tiêu cũng liên tiếp giảm mạnh sau những ngày tăng nóng. Dù đang ở đỉnh giá trong vòng 8 năm trở lại đây nhưng, giá hồ tiêu xuất khẩu điều chỉnh giảm liên tiếp khiến thị trường trong nước cũng bị ảnh hưởng theo. Do có sự biến động giá cả liên tục nên dự báo về giá nông sản trở nên khó đoán định, gây ít nhiều khó khăn cho doanh nghiệp trong dự tính sản lượng thu mua và dự tính giá xuất khẩu cho những lô hàng đặt trước.

Bên cạnh đó, doanh nghiệp xuất khẩu nông sản Việt Nam còn đứng trước cạnh tranh khốc liệt với các quốc gia có thể mạnh xuất khẩu cùng ngành hàng. Theo Tổng cục Hải quan, từ giữa năm, Trung Quốc đã ra thông báo sẽ cấm nhập khẩu sầu riêng từ 18 vùng trồng và 15 cơ sở đóng gói của Việt Nam

do phát hiện tồn dư kim loại nặng vượt mức cho phép. Quyết định trên của Trung Quốc được đưa ra trong bối cảnh sầu riêng Việt Nam đang chịu áp lực cạnh tranh với sầu riêng Malaysia, khi nước này vừa lần đầu tiên được cấp phép xuất khẩu sầu riêng tươi vào đất nước tỷ dân. Còn Indonesia, một trong những nhà sản xuất và xuất khẩu sầu riêng hàng đầu thế giới, đã đặt mục tiêu đạt 8 tỷ USD xuất khẩu sầu riêng sang thị trường Trung Quốc.

Trong khi đó, sản lượng xuất khẩu gạo của Ấn Độ chiếm 40% thị phần thế giới nên bất kỳ động thái, chính sách nào của nước này đối với gạo lập tức ảnh hưởng đến thị trường toàn cầu, nhất là với những nước xuất khẩu gạo lớn, trong đó có Việt Nam. Chính vì vậy, ngành gạo Việt Nam cũng rất quan tâm đến thời điểm có thể Ấn Độ sẽ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo được thực hiện từ năm 2023 đến nay.

Xuất khẩu nông sản những tháng cuối năm được dự báo sẽ tăng trưởng mạnh nhưng cũng tiếp tục đối mặt với nhiều thách thức. Do đó, một số giải pháp thiết thực để Việt Nam giữ vững đà tăng trưởng trong bối cảnh hiện nay đó là:

Một là, đẩy mạnh tái cơ cấu ngành lúa, gạo, rau quả theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả. Làm tốt công tác định hướng quy hoạch vùng trồng, tổ chức sản xuất, cơ cấu giống, kỹ thuật canh tác, ứng dụng công nghệ trong sản xuất, thu hoạch, bảo quản....

Hai là, chú trọng xây dựng các tiêu chuẩn về sản xuất, chế biến và chất lượng sản phẩm phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế để nâng cao khả năng cạnh tranh và giá trị sản phẩm gạo, rau quả Việt Nam nhằm khẳng định thương hiệu ở các thị trường

truyền thống và mở rộng thị phần tại các thị trường tiềm năng.

Ba là, phát huy vai trò của hiệp hội ngành hàng trong việc hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là hỗ trợ các hộ sản xuất, doanh nghiệp tiếp cận thông tin, khai thác tối đa ưu đãi từ các Hiệp định thương mại (FTA), đảm bảo đáp ứng những yêu cầu của từng thị trường cũng như bảo vệ thương hiệu sản phẩm, ngành hàng.

Bốn là, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, xây dựng thương hiệu để phát triển thị trường sản phẩm nông sản một cách trọng tâm, trọng điểm; tăng cường xúc tiến thương mại, quảng bá thương hiệu, sử dụng chỉ dẫn địa lý, thương hiệu quốc gia... nhằm gia tăng thị phần tại các thị trường truyền thống, khai mở và sử dụng hiệu quả những hiệp định tại các thị trường mới còn nhiều tiềm năng.

Bên cạnh đó, các doanh nghiệp xuất khẩu Việt cần nhanh nhạy nắm bắt tình hình, đưa ra dự báo và chủ động các phương án ứng phó. Chăm sóc tốt thị trường mới, tiềm năng và các thị trường truyền thống và xây dựng tinh thần hợp tác lâu dài với các thị trường nhiều tiềm năng. Chủ động nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh, khả năng đàm phán, ký kết, thực hiện hợp đồng xuất khẩu; tận dụng tối đa lượng hạn ngạch thuế quan và xử lý có hiệu quả các vụ kiện phòng vệ và tranh chấp thương mại quốc tế (nếu phát sinh)/.

Tài liệu tham khảo:

1. Điểm sáng trong sản xuất nông nghiệp 6 tháng đầu năm 2024, Tổng cục Thống kê.
2. Báo cáo Tình hình kinh tế xã hội Quý II và 6 tháng đầu năm 2024, Tổng cục Thống kê.
3. Bản tin thị trường Nông, lâm, thủy sản số ra ngày 30/6/2024, Bộ Công Thương./.

Tiềm năng bán tín chỉ Carbon tại Việt Nam

Trúc Linh

Theo các chuyên gia, Việt Nam có tiềm năng lớn về nguồn cung tín chỉ carbon, kỳ vọng mang lại lợi ích kinh tế cao. Phát triển thị trường tín chỉ carbon sẽ giúp Việt Nam xanh hoá nền kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh xuất khẩu hàng hóa của doanh nghiệp.

Từ khóa: Tiềm năng, thị trường, tín chỉ Carbon, hành lang pháp lý

Nguồn lợi tiềm năng từ bán tín chỉ carbon

Việt Nam là một trong những quốc gia giàu tiềm năng về rừng, với tỷ lệ che phủ rừng từ 40,84% năm 2015 lên 42,02% vào năm 2022; duy trì, phát triển hơn 14,7 triệu ha rừng, trong đó có 4,6 triệu ha rừng trồng. Các chuyên gia đánh giá, Việt Nam có nhiều tiềm năng với các dự án về tín chỉ carbon rừng, khi có thể tạo ra khoảng 50-70 triệu tín chỉ carbon rừng mỗi năm, tạo nguồn thu lên đến hàng nghìn tỷ đồng nếu xuất khẩu thành công.

Tín chỉ carbon rừng được tạo ra từ các hoạt động dự án giảm phát thải nhà kính, như giảm mất rừng và suy thoái rừng; tăng cường bể hấp thụ từ hoạt động trồng rừng, trồng lại rừng, tái tạo thảm thực vật và hoạt động tăng cường quản lý rừng. Chủ rừng có thể quy đổi diện tích rừng đang quản lý, bảo vệ ra lượng hấp thụ khí CO₂ ra tín chỉ carbon và có thể bán tín chỉ này tại thị trường carbon qua cơ chế giảm phát thải khí nhà kính.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho biết, Việt Nam đang tham gia vào thị trường tín chỉ carbon, hiện đứng thứ 5 trong các nước tạo tín chỉ carbon

và đã thu được tiền nhờ bán tín chỉ này. Năm 2023, đánh dấu cột mốc rất quan trọng khi lần đầu lĩnh vực lâm nghiệp tại Việt Nam đã bán thành công 10,3 triệu tín chỉ carbon rừng (10,3 triệu tấn CO₂) thông qua Ngân hàng Thế giới (WB) với đơn giá 5 USD/tấn, thu về 51,5 triệu USD (tương đương 1200 tỷ đồng). Đây là bước khởi đầu về tiềm năng bán tín chỉ carbon rừng tại Việt Nam.

Đến nay, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam đã tiếp nhận số tiền thanh toán đợt một từ WB là 41,2 triệu USD và giải ngân toàn bộ để các địa phương thuộc tiểu vùng Bắc Trung Bộ lập kế hoạch chi trả chủ rừng. Khu vực Bắc Trung Bộ gồm 6 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên Huế có hơn 3,1 triệu ha đất có rừng, với độ che phủ 57,4% (chiếm hơn 21,2% diện tích rừng cả nước).

Quảng Bình là một trong những địa phương đầu tiên được chi trả tiền bán tín chỉ carbon. Trong giai đoạn 2023-2025, tỉnh Quảng Bình chuyển nhượng hơn 2,4 triệu tấn CO₂ và được chi trả khoảng 235 tỷ đồng, tính riêng năm 2023, nhận 82,4 tỷ đồng. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

tỉnh Quảng Bình, diện tích rừng của tỉnh được chi trả từ dịch vụ bán tín chỉ carbon là 469.317 ha trong tổng số gần 600.000 ha rừng tự nhiên. Các chuyên gia cho rằng, điều đáng mừng không chỉ ở số tiền cụ thể, mà quan trọng hơn, Quảng Bình và các tỉnh Bắc Trung Bộ sẽ có được nguồn thu lâu dài hằng năm từ việc bán tín chỉ này.

Theo các chuyên gia, ngoài rừng, thị trường tín chỉ carbon ở Việt Nam còn có tiềm năng phát triển ở các lĩnh vực khác như năng lượng tái tạo hay trồng cây xanh đô thị. Bên cạnh đó, Việt Nam có tiềm năng lớn khi có nguồn năng lượng mặt trời, gió, thủy điện dồi dào. Các dự án năng lượng tái tạo có thể tạo ra tín chỉ carbon từ việc giảm phát thải khí nhà kính do sử dụng nhiên liệu hóa thạch.

Viện Nghiên cứu phát triển kinh tế tuần hoàn cho biết, dư địa tín chỉ carbon của Việt Nam rất lớn, không chỉ từ rừng mà còn các ngành năng lượng tái tạo, nông nghiệp... Trong đó ngành nông nghiệp đặc biệt tiềm năng nhờ các hoạt động cải thiện điều kiện canh tác tương đối dễ dàng, có thể chuyển đổi nhanh. Ngoài ra, nhiều lĩnh vực khác như xây dựng, sản xuất công nghiệp, giao thông,

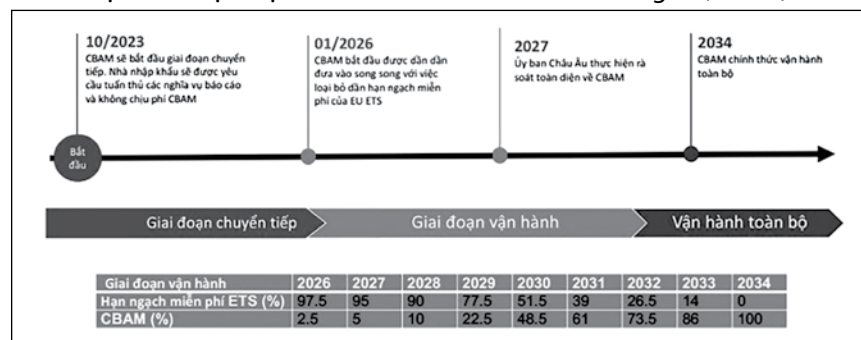
vận tải, xây dựng cũng là lĩnh vực tiềm năng, song các lĩnh vực này cần nhiều thời gian, nguồn lực lớn để thay đổi về hạ tầng, kỹ thuật, đầu tư máy móc.

Có thể nói, tiềm năng thị trường tín chỉ carbon của Việt Nam rất lớn và đang có cơ hội thuận lợi để phát triển. Trong xu hướng chuyển dịch xanh, nhiều doanh nghiệp cũng đã cam kết và đưa ra lộ trình cắt giảm phát thải, hướng tới trung hòa carbon. Nhu cầu tín chỉ carbon lớn là cơ hội để phát triển thị trường carbon tại Việt Nam. Giới chuyên gia cho rằng, thị trường tín chỉ carbon năm 2024 của Việt Nam được dự báo tiếp tục phát triển mạnh mẽ, với tiềm năng tăng trưởng lên đến 20%.

Cần hành lang pháp lý hoàn thiện để biến tiềm năng thành nguồn lực

Chính phủ Việt Nam đã ban hành Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định cụ thể về lộ trình phát triển, thời điểm triển khai thị trường carbon trong nước. Đây được xem là văn bản pháp quy đầu tiên thể hiện sự cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam trong nỗ lực góp phần chống biến đổi khí hậu toàn cầu. Theo đó, kể từ năm 2025, Việt Nam sẽ thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ carbon; đến hết năm 2027, Việt Nam sẽ xây dựng quy định quản lý tín chỉ carbon phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; từ năm 2028 sẽ chính thức tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ carbon trên phạm vi toàn cầu. Như vậy theo lộ trình, đến thời điểm này, Việt Nam còn đang trong giai đoạn tiền vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ carbon.

Lộ trình thực hiện cơ chế điều chỉnh carbon biên giới (CBAM)



Để biến tiềm năng carbon rừng hay năng lượng tái tạo thành hàng hóa, mang lại nguồn thu thì việc sớm nghiên cứu ban hành khung pháp lý hoàn chỉnh chuyên sâu nhằm thúc đẩy đầu tư và vận hành thị trường tín chỉ carbon là việc làm có ý nghĩa tiên quyết. Đây cũng là giải pháp quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu nước ta đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 như Thủ tướng Chính phủ đã tái cam kết tại COP28.

Trước hết, cần phải xem tín chỉ carbon là hàng hóa. Các quy định của pháp luật đến thời điểm này, ngay cả tín chỉ carbon rừng cũng chưa rõ có được coi là một loại lâm sản hay không. Một khi chưa xác định tín chỉ carbon là hàng hóa thì việc giao dịch mua bán trên thị trường thông qua phương thức nào cũng đều không thể coi là “danh chính ngôn thuận”. Vì vậy, Luật Lâm nghiệp và các luật có liên quan cần được điều chỉnh, bổ sung theo hướng công nhận carbon được hấp thụ và lưu giữ trong rừng là một loại lâm sản; hoặc carbon thu giữ được các ngành năng lượng tái tạo là một loại hàng hóa đặc biệt.

Xác định quyền sở hữu tín chỉ carbon để hạn chế phát sinh tranh chấp. Khi tín chỉ carbon trở thành hàng hóa giao dịch thành công trên thị trường giống như bất cứ một loại hàng hóa khác thì chắc chắn sẽ phát sinh tranh chấp quyền sở hữu. Vì vậy hành lang pháp lý cần có (trong Bộ luật Dân sự và các luật có liên quan), đó là phải có quy định cụ thể về quyền sở hữu đối với tín chỉ carbon. Xác lập quyền sở hữu tín chỉ carbon phải đảm bảo đồng thời đạt được mục đích kép: Vừa hạn chế đến mức thấp nhất sự tranh chấp giữa các chủ rừng hay các chủ dự án khai thác năng lượng tái tạo; và cũng vừa khuyến khích được các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và khai thác tín chỉ carbon. Ví dụ: Tín chỉ carbon của những khu rừng tự nhiên giao cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, các tổ chức ngoài nhà nước thì những chủ thể này là chủ sở hữu những tín chỉ carbon tăng thêm do thực hiện các hoạt động bảo vệ rừng, khoanh nuôi, xúc tiến tái sinh rừng; hoặc tín chỉ carbon của rừng trồng là rừng sản xuất do chủ rừng tự đầu tư thì thuộc về sở hữu của chủ rừng...

Luật hóa quy trình xây dựng và vận hành tín chỉ carbon. Carbon rừng nói riêng và carbon thu được từ các năng lượng tái tạo khác chỉ trở thành hàng hóa khi được xác nhận là tín chỉ. Có nghĩa phải qua quá trình nghiên cứu khả thi, lập dự án, thẩm tra hồ sơ, xác nhận tín chỉ, phát hành và chuyển nhượng, trao đổi, bù trừ. Đây là một quá trình đặc thù, nhiều giai đoạn phải được các tổ chức độc lập thực hiện. Trong khi đó, đến thời điểm này Việt Nam chưa có các quy định điều chỉnh việc thực hiện các bước hoặc có nhưng chưa phù hợp với thị trường carbon và thông lệ quốc tế...



Những trở ngại từ Đề án bán tín chỉ carbon rừng ở Quảng Nam cho thấy, nút thắt nằm ở chỗ thiếu quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật, dẫn đến các hoạt động quản lý nhà nước về carbon rừng như điều tra, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến và giám sát rừng hằng năm chưa được công bố. Vì vậy, nếu không có hành lang pháp lý điều chỉnh để các cơ quan có chức năng của nhà nước có nghĩa vụ phối hợp, thì các địa phương rất khó để thiết kế và tổ chức thực hiện thành công tín chỉ carbon.

Theo các chuyên gia, những vướng mắc, bất cập trên cần sớm được khắc phục, bởi nếu không có hành lang pháp lý điều chỉnh phù hợp để khuyến khích đầu tư và khai thác tín chỉ carbon thì rất khó biến tiềm năng thành hiện thực và đưa thị trường tín chỉ carbon vận hành theo đúng lộ trình mà Chính phủ đã đặt ra.

Hiện, Bộ Tài Nguyên và môi trường đang trình Thủ tướng phê duyệt Đề án phát triển thị trường carbon. Trong đó, giai đoạn đầu sẽ lựa chọn doanh nghiệp, các ngành có phát thải lớn nhất, có đủ số liệu kiểm kê để kiểm soát trước làm thí điểm trước khi đưa lên sàn. Dự kiến sẽ áp trần phát thải carbon cho doanh nghiệp trong ba lĩnh vực nhiệt điện, xi măng, sắt thép trước, sau đó sẽ tiến hành với lĩnh vực khác. Theo đó các doanh nghiệp trong 3 lĩnh vực này muốn tăng sản lượng, sản xuất, vượt hạn ngạch phát thải được phân bổ thì phải mua lại hạn ngạch phát thải từ các doanh nghiệp phát thải ít, kiểm soát tốt lượng phát thải trong sản xuất, chưa sử dụng hết hạn ngạch phát thải được phân bổ./.

Tài liệu tham khảo:

- Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 07/1/2022 của Chính phủ quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng Ô-dôn;
- Thỏa thuận giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ;
- Dự thảo đề án phát triển thị trường carbon tại Việt Nam của Bộ Tài Nguyên và môi trường.

Còn nhiều bất cập

Trong khoảng 15 năm trở lại đây, công tác phát triển NOXH luôn là vấn đề được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm và dành cho nhiều cơ chế ưu đãi về đất đai, thuế, vốn vay... Chính phủ cũng đã ban hành một Chương trình quốc gia về phát triển NOXH giai đoạn 2011 - 2020 và Đề án Xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ NOXH giai đoạn 2021 - 2030. Tuy nhiên, trên thực tế công tác phát triển NOXH vẫn chưa đạt được mục tiêu đề ra.

Số liệu của Bộ Xây dựng cho thấy, giai đoạn 2011 - 2020 mục tiêu cả nước phải xây dựng được 12,5 triệu mét vuông sàn NOXH, nhưng tổng kết cả giai đoạn này mới hoàn thành 5,1 triệu mét vuông, chiếm khoảng 41,4%. Tương tự, trong Đề án Xây dựng ít nhất 1 triệu căn NOXH giai đoạn 2021 - 2023, thì giai đoạn 2021 - 2025 phải hoàn thành khoảng 428.000 căn, nhưng đến thời điểm hết quý I/2024 mới chỉ hoàn thành được 75 dự án, quy mô 39.884 căn; khởi công 127 dự án, quy mô 114.984 căn; và chấp thuận chủ trương đầu tư 301 dự án, quy mô 263.332 căn. Trước thực trạng như hiện nay, mục tiêu giai đoạn 1 của Đề án có nguy cơ lại bị "lở hện".

Công tác phát triển NOXH gặp nhiều khó khăn, bất cập do vướng mắc bởi những quy định của pháp luật. Theo các chuyên gia đánh giá, một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là do thiếu quỹ đất quy hoạch để phát triển NOXH và nguồn vốn đầu tư, mặc dù các quy định của pháp luật liên quan đến 2 nội dung này đã tương đối đầy đủ, tuy nhiên thực tế triển khai lại chưa đạt được như kỳ vọng.

Cụ thể, tại khoản 2 Điều 5 Nghị định 100/2015/NĐ-CP về phát triển và quản lý NOXH cho phép chủ đầu tư các dự án nhà ở thương mại diện tích dưới 10ha được chuyển giao quỹ NOXH (20% diện tích xây dựng) bằng hình thức nộp tiền tương đương. Mặc dù nội dung quy định này là tiến bộ, phù hợp với quyền của doanh nghiệp, nhưng thực tế thì hầu hết đều lựa chọn hoán đổi bằng tiền và không chuyển giao hoán đổi quỹ đất cho NOXH ở vị trí khác tương đương với giá trị quỹ đất 20% tại dự án đó. Vì vậy, dẫn đến tình trạng NOXH mất đi một quỹ đất để phát triển.

Hiệp hội bất động sản (BDS) TP. Hồ Chí Minh cho biết, trong giai đoạn từ 01/7/2015 - 31/3/2021 thực hiện Điều 5 Nghị định 100/2015/NĐ-CP đối với dự án nhà ở thương mại có diện tích từ 10 ha trở lên, sau đó Nghị định 49/2021/NĐ-CP quy định dự án từ 2 ha trở lên thì "bắt buộc" chủ đầu tư phải xây dựng NOXH trên quỹ đất ở 20% của dự án đó. Tuy nhiên, rất nhiều dự án khu đô thị, nhà ở thương mại quy mô diện tích rất lớn lên đến hàng chục, hàng trăm ha nhưng hầu như không thấy "bóng dáng" NOXH trong dự án.

Theo chia sẻ của lãnh đạo Tập đoàn BĐS Hòa Bình, cùng một diện tích xây dựng sàn khoảng 150.000 m², một dự án nhà ở thương mại có thể mang về khoảng 2.500 tỷ đồng lợi nhuận, nhưng nếu làm nhà ở xã hội chỉ lời được 200 tỷ đồng (chưa đến 10%). Chưa kể, doanh nghiệp phải mất hơn 500 ngày, thậm chí nhiều hơn... mới được cấp chủ trương đầu tư dự án làm nhà ở xã hội cho một khu đất.

Còn đại diện Tập đoàn Vingroup cho hay, để dự án nhà ở xã hội thực sự là các khu đô thị hiện đại, văn minh, đầy đủ tiện ích

PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI: BÀI TOÁN NGUỒN VỐN VÀ QUỸ ĐẤT

Thu Hường

Ban Bí thư TW Đảng vừa ban hành Chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội (NÓXH) trong tình hình mới, trong đó đặc biệt nhấn mạnh tập trung vào việc ưu tiên bố trí quỹ đất và nguồn vốn. Đây là 2 vấn đề đặc biệt quan trọng và được xem là nguyên nhân chính gây ra những khó khăn cho công tác phát triển NÓXH thời gian gần đây.

nhằm nâng cao cuộc sống của người dân, bên cạnh nâng cao chất lượng căn hộ, việc xây dựng đồng bộ các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, thương mại dịch vụ phục vụ người dân là rất cần thiết, đặc biệt với những dự án quy mô lớn. Tuy nhiên, chính sách hỗ trợ đối với việc đầu tư xây dựng các công trình hạng mục này chưa rõ ràng. Vì vậy, nếu chủ đầu tư thực hiện đầu tư đồng bộ thì dễ dẫn đến tăng chi phí, tăng giá bán nhà ở xã hội.

Bên cạnh thiếu hụt quỹ đất thì nguồn vốn dành cho phát triển NÓXH cũng chưa được bố trí đầy đủ. Sau khi gói tài chính 30.000 tỷ đồng hỗ trợ NÓXH giai đoạn 2014 - 2016 kết thúc, Chính phủ không còn bố trí được thêm gói tài chính nào tương đương. Ngoài ra, giai đoạn 2016 - 2020 nhu cầu nguồn vốn cho NÓXH khoảng 9.000 tỷ đồng, nhưng chỉ bố trí được khoảng 3.000 tỷ đồng.

Trong báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ về tình hình triển khai đề án "Xây dựng ít nhất 1 triệu căn nhà ở xã hội đến năm 2030" mới đây, Bộ Xây dựng cho biết, tính đến đầu tháng 6/2024, mới giải ngân



được 1.144 tỷ đồng trong gói tín dụng 120.000 tỷ đồng dành cho lĩnh vực này, trong đó 1.133 tỷ đồng cho chủ đầu tư các dự án vay, 11 tỷ đồng cho người mua nhà vay. So với thời điểm cuối tháng 3/2024, số tiền giải ngân hiện tăng gần gấp đôi nhưng cũng chỉ đạt gần 1% quy mô gói vay, tiến độ giải ngân còn rất chậm. Bên cạnh đó, lãi suất vay gói tín dụng 120.000 tỷ đồng khá cao (từ 7-8,2%/năm) là nguyên nhân chính khiến việc giải ngân diễn ra chậm.

Ngoài ra, theo Ngân hàng Nhà nước, nhiều dự án còn gặp vướng mắc về pháp lý, giải phóng

mặt bằng, thủ tục tính tiền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất... khiến các tổ chức tín dụng thiếu cơ sở để cấp tín dụng cho chủ đầu tư dự án.

Theo Bộ Xây dựng, đến nay, có 30 địa phương trên cả nước công bố danh mục 72 dự án nhà ở xã hội đủ điều kiện vay vốn từ gói tín dụng 120.000 tỷ đồng, nhưng việc phát triển nhà ở xã hội tại nhiều địa phương còn hạn chế. Nhiều nơi có tỷ lệ triển khai thấp so với mục tiêu đề án, dù tập trung nhiều khu công nghiệp như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Cần Thơ, Long An...

**Cần cơ chế riêng**

Chỉ thị 34-CT/TW do Ban Bí thư ban hành nêu rõ, phát triển nhà ở xã hội là quyết tâm chính trị, là nhiệm vụ quan trọng của Đảng và cả hệ thống chính trị, thể hiện đặc trưng bản chất tốt đẹp của chế độ, là một trong những nhiệm vụ trọng tâm cần ưu tiên trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chỉ thị 34-CT/TW cũng nêu rõ nguyên nhân chủ yếu dẫn tới những hạn chế trong công tác phát triển NOXH là do một số cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, nhất là người đứng đầu chưa nhận thức sâu sắc, đầy đủ, thiếu quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển NOXH và thực hiện các chủ trương, chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách; hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách về phát triển NOXH chậm được đổi mới, hoàn thiện...

Qua đó, Ban Bí thư TW Đảng đã yêu cầu các địa phương phải đưa chỉ tiêu phát triển NOXH vào hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm của địa phương mình. Chỉ thị yêu cầu thực hiện quy hoạch, bố trí các khu nhà ở xã hội độc lập hoặc trong các dự án nhà ở thương mại tại các vị trí thuận tiện về giao thông, gần với các trung tâm công nghiệp, bảo đảm đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội thiết yếu. Nhà nước ưu tiên bố trí quỹ đất, nguồn vốn, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển nhà ở xã hội, có cơ chế, chính sách ưu đãi thực chất, đủ hấp dẫn để thu hút khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển nhà ở xã hội và thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng.

Bên cạnh đó, tại cuộc họp trực tiếp kết hợp trực tuyến toàn quốc về dự thảo Nghị định quản lý

và phát triển nhà ở xã hội vào tháng 5/2024, Phó Thủ tướng Trần Hồng Hà cho biết, cần có thêm các quy định mang tính dài hơi về quy hoạch, bố trí quỹ đất trong phát triển đô thị, nông thôn, dành ngân sách nhà nước kết hợp với các nguồn khác cho các dự án nhà ở xã hội.

Phó Thủ tướng yêu cầu Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước... nghiên cứu cơ chế huy động, sử dụng nguồn lực cho phát triển nhà ở xã hội một cách thống nhất, tập trung. Trong đó, nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng với nguồn tiền đóng góp để phát triển nhà ở xã hội từ các chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại và các nguồn xã hội khác, không để gánh nặng cho các ngân hàng thương mại khi tham gia các gói tín dụng ưu đãi cho nhà ở xã hội.

Để hoàn thành mục tiêu Đề án phát triển 1 triệu căn hộ NOXH cần tập trung giải quyết vướng mắc về quỹ đất và nguồn vốn.

Để giải quyết các vướng mắc trong việc thực hiện nhà ở xã hội, Hiệp hội Bất động sản TP.Hồ Chí Minh đề xuất, Bộ Xây dựng chỉ đạo Sở xây dựng các địa phương thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 dự án nhà ở xã hội đã có chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư; Ngân hàng Nhà nước xem xét mở rộng thêm 2 đối tượng được vay gói tín dụng 125.000 tỷ đồng bao gồm người mua nhà ở thương mại có giá từ 3,5 tỷ đồng/căn trở xuống và chủ nhà trọ được vay để xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp nhà trọ cho công nhân, lao động thuê ở.

Theo các chuyên gia kinh tế, để tháo gỡ khó khăn và tạo động lực cho công tác phát triển NOXH

cần phải thực hiện đồng bộ các giải pháp. Trong đó, quan trọng nhất là tổ chức rà soát, hoàn thiện lại công tác quy hoạch, bố trí quỹ đất cho phát triển NOXH, khắc phục tình trạng phát triển một cách tự phát, dẫn tới lệch pha cung - cầu.

Nhà nước tiếp tục duy trì và mở rộng các cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế đất, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, hỗ trợ kiện toàn hạ tầng cơ bản trong và ngoài dự án NOXH; Đơn giản hóa, rút ngắn các thủ tục hành chính liên quan đến lập quy hoạch, cấp phép xây dựng dự án NOXH, giảm bớt khâu trung gian để tiết giảm chi phí đầu tư...

Một trong những vấn đề quan trọng nhất hiện nay đó là nguồn vốn ưu đãi cho NOXH. Hiện nay, đã có gói tài chính 125.000 tỷ đồng được huy động từ 4 ngân hàng Nhà nước và 1 ngân hàng thương mại, thời hạn giải ngân đến hết năm 2030. Tuy nhiên, tiến độ giải ngân vốn diễn ra rất chậm và mức lãi suất được đánh giá là khá cao. Vì vậy, Ngân hàng Nhà nước cần nới lỏng điều kiện vay vốn, kéo dài thời hạn vay vốn; đồng thời nghiên cứu mở rộng thêm nguồn vốn và hạ lãi suất cho vay bằng mức lãi suất tại Ngân hàng Chính sách xã hội đối với các khoản vay cho NOXH...

Hiện nay, các dự án luật sửa đổi, bổ sung liên quan đến thị trường BĐS, nhà ở đã được Quốc hội thông qua. Trong đó, nhiều quy định mới liên quan đến NOXH được bổ sung, sửa đổi theo hướng gỡ khó cho người mua nhà và chủ đầu tư dự án NOXH. Hy vọng rằng, với những cơ chế đặc thù cho phân khúc NOXH sẽ giải quyết những vướng mắc còn tồn tại, góp phần hoàn thành mục tiêu Đề án phát triển 1 triệu căn hộ NOXH vào năm 2030/.



Quyết tâm

GỖ “THẺ VÀNG” IUU TRONG NĂM 2024

Quang Vinh

Thủy sản được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, đóng góp đáng kể vào nền kinh tế, không chỉ mang lại kim ngạch xuất khẩu “tỷ đô”, mà còn là sinh kế, là miếng cơm, manh áo của hàng triệu lao động. Tuy nhiên, phát triển ngành thủy sản Việt Nam chưa bền vững, sau gần 7 năm Việt Nam chưa gỡ được cảnh báo “thẻ vàng” của Ủy ban Châu Âu (EC) đưa ra năm 2017. Do đó, năm 2024, gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của EC được xác định là một trong những nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị và lực lượng chức năng trong cả nước.

Trong đợt kiểm tra lần thứ 4 vào tháng 10/2023, Đoàn Thanh tra của Ủy ban châu Âu (EC) ghi nhận, đánh giá cao nỗ lực của Việt Nam trong thực hiện các khuyến nghị trước đó, nhất là việc hoàn thiện khung pháp lý và một số cải thiện trong quản lý đội tàu, truy xuất nguồn gốc và xử phạt các hành vi vi phạm IUU. Tuy nhiên, cảnh báo “thẻ vàng” vẫn chưa thể tháo gỡ do các tồn tại, hạn chế chưa được giải quyết dứt điểm. EC yêu cầu Việt Nam tiếp tục tập trung

khắc phục 4 nhóm khuyến nghị, gồm: Hoàn thiện khung pháp lý; quản lý đội tàu, theo dõi, kiểm soát và giám sát hoạt động tàu cá; truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác; và thực thi pháp luật, xử lý vi phạm hành chính.

Xác định gỡ cảnh báo “thẻ vàng” của EC về khai thác thủy sản trong năm 2024 là quyết tâm, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và lực lượng chức năng trong cả nước, ngày 10/4/2024, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ban hành

Chỉ thị số 32-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác chống khai thác IUU và phát triển bền vững thủy sản. Theo đó, Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu các ngành, địa phương có trách nhiệm tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách nhằm đẩy mạnh công tác chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định, bảo đảm phát triển bền vững ngành Thủy sản.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ và Ban chỉ đạo quốc gia về chống khai thác IUU cùng các Bộ, ngành, địa phương quyết liệt thực hiện các giải pháp theo khuyến nghị của EC để phục vụ đoàn kiểm tra vào khoảng tháng Mười năm nay, thay vì tháng Năm như dự kiến hồi đầu năm.

Sau lần kiểm tra gần nhất của EC, hệ thống khung pháp lý cho hoạt động chống IUU tiếp tục được hoàn thiện, nổi bật là 2 Nghị định sửa đổi, hướng dẫn Luật Thủy sản theo khuyến nghị của EC: Nghị định số 37/2024/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 26/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thủy sản; Nghị định số 38/2024/NĐ-CP thay thế Nghị định 42/2019/NĐ-CP của Chính phủ về quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thủy sản. Mới đây, ngày 12/6/2024, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự về truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi liên quan đến khai thác, mua bán, vận chuyển trái phép thủy sản.

Quản lý chặt chẽ đội tàu khai thác hải sản là một trong những khuyến nghị quan trọng của EC. Hiện số lượng tàu cá từ 15m trở lên đã được lắp đặt thiết bị giám sát hành trình VMS đạt tỷ lệ khá cao 98,25%. Tuy nhiên, vẫn có tới trên 510 tàu cá chưa được lắp đặt tại các tỉnh. Thêm vào đó, theo Cục Thủy sản, tỷ lệ số lượng tàu cá có kết nối trung bình hằng ngày qua hệ thống VMS hiện nay đạt khoảng 60%. Bên cạnh một số tỉnh có số lượng tàu cá nhiều và tỷ lệ tàu cá duy trì kết nối hằng ngày rất cao từ 70 - 90%, thì có một số tỉnh dù có số lượng tàu cá nhiều

nhưng tỷ lệ tàu cá duy trì kết nối hằng ngày thấp dưới 50%. Đáng chú ý, một số tỉnh có số lượng tàu cá không nhiều, chỉ khoảng vài trăm tàu, nhưng tỷ lệ tàu cá duy trì kết nối hằng ngày rất thấp như: Đà Nẵng 28%, Hà Tĩnh 34%, Hải Phòng 46%.

Một vấn đề khác là tình trạng tàu cá nước ta đi khai thác hải sản trái phép ở vùng biển nước ngoài vẫn diễn biến phức tạp. Điều đáng nói là tỷ lệ các trường hợp vi phạm bị xử phạt thấp. Theo số liệu báo cáo tại Hội nghị trực tuyến Chính phủ với các Bộ, ngành và 28 tỉnh, thành phố ven biển để triển khai các giải pháp tháo gỡ “thẻ vàng” IUU theo khuyến cáo của EU, từ sau đợt thanh tra lần thứ 4 tính đến nay, chỉ có 12/127 tàu cá có chiều dài từ 24 m trở lên vi phạm mất kết nối trên 10 ngày không quay về bờ bị xử phạt và chỉ xử phạt được 18 lượt tàu/8.788 lượt tàu vi phạm mất tín hiệu kết nối trên 06 giờ đến 10 ngày trên biển và không báo cáo vị trí định kỳ theo quy định.

Bên cạnh đó, tình trạng mua bán, sang tên, đổi chủ tàu cá giữa các địa phương chưa được kiểm soát chặt chẽ; hoạt động sai vùng xảy ra thường xuyên, dẫn đến tình trạng tàu cá, ngư dân Việt Nam vi phạm khai thác vùng biển nước ngoài bị bắt giữ, xử lý...

Nếu các vấn đề trên không được giải quyết thì khả năng gỡ được cảnh báo “thẻ vàng” trong năm 2024 là rất thấp, thậm chí bị chuyển màu thành cảnh báo “Thẻ đỏ” trong đợt thanh tra lần thứ 5 sắp tới của EC.

Trước nguy cơ đó, thực hiện yêu cầu của Ban Bí thư tại Chỉ thị số 32-CT/TW, Chính phủ đặt mục tiêu hoàn thành tích hợp sử dụng tài khoản VneID đăng nhập và thực hiện các thủ tục về đăng ký tàu cá, khai thác thủy sản trước ngày 01/7/2024. Ngày 15/5, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính ký Công điện số 49/CĐ-TTg yêu cầu tập trung phát hiện, điều tra và xác minh thông tin để xử lý vi phạm quy định về Hệ thống giám sát hành trình tàu cá (VMS).

Triển khai nhiệm vụ Chính phủ giao, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tích cực rà soát lại toàn bộ hệ thống VMS, bổ sung các tính năng quản lý tàu cá nhằm đảm bảo phát hiện ngay, kịp thời các trường hợp tự ý ngắt kết nối, tháo gỡ thiết bị VMS sang các tàu khác; ban hành Thông tư số 06/2024/TT-BNNPTNT ngày 6/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số quy định về đăng kiểm tàu cá; công nhận cơ sở đăng kiểm tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật tàu cá, tàu kiểm ngư; đăng ký tàu cá, tàu công vụ



thủy sản; xóa đăng ký tàu cá và đánh dấu tàu cá.

Cùng với đó, các cơ quan chức năng thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin, nhằm kịp thời phát hiện các trường hợp tàu cá vi phạm các quy định về VMS, điều tra, xác minh thông tin, củng cố hồ sơ để xử phạt theo quy định; đồng thời truyền thông sâu rộng đến cộng đồng ngư dân các trường hợp chủ tàu, ngư dân bị xử phạt để răn đe, nâng cao nhận thức, giáo dục cộng đồng.

Ngoài quản lý chặt chẽ đội tàu khai thác hải sản, việc truy xuất nguồn gốc thủy sản khai thác cũng được triển khai thực hiện chặt chẽ hơn. Cục Thủy sản đã xây dựng và triển khai hệ thống truy xuất nguồn gốc thủy sản điện tử (eCDT) nhằm tăng cường quản lý, giám sát sản lượng khai thác, truy xuất nguồn gốc hải sản ở nước ta. Hệ thống này liên thông đồng bộ dữ liệu hoạt động của tàu cá, kiểm soát sản lượng thủy sản từ khai thác, công tác xác nhận, chứng nhận nguồn gốc tại cảng cá, chi cục thủy sản và cơ sở, doanh nghiệp thu mua, chế biến, xuất khẩu thủy sản... đảm bảo kiểm soát được tính minh bạch, hợp pháp đối với các sản phẩm thủy sản khai thác xuất khẩu. Nhờ đó, từ sau đợt thanh tra lần thứ 4 vào tháng 10/2023 đến nay, chưa phát hiện các lô hàng xuất khẩu sang thị trường châu Âu vi phạm khai thác IUU.

Tại các địa phương ven biển đã và đang tích cực triển khai nhiều giải pháp trọng tâm, trọng điểm như quản lý các tàu cá thường xuyên hoạt động ngoài địa bàn; ký kết quy chế phối hợp quản lý giữa các tỉnh, thành phố ven biển để kịp thời chia sẻ thông tin, xử lý nhanh những trường hợp có nguy cơ dẫn đến vi phạm ở vùng biển nước ngoài. Tập trung nguồn lực,

kinh phí để rà soát đảm bảo 100% tàu cá trên 15 m khi tham gia khai thác trên biển phải lắp đặt thiết bị và duy trì kết nối hệ thống VMS theo quy định của Luật Thủy sản và các quy định pháp luật khác có liên quan; kiểm tra tình trạng lắp đặt và duy trì kết nối hệ thống VMS của 100% tàu cá khi ra vào cảng và đang hoạt động trên các vùng biển để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý vi phạm quy định về VMS.

Một số tỉnh đã có cách làm sáng tạo nhằm nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của ngư dân trong khai thác, đánh bắt thủy hải sản cũng như hành động quyết liệt hơn để chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU), sớm gỡ “thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu (EC). Đơn cử như tỉnh Bạc Liêu kiên quyết không cấp giấy rời cảng cũng như xuất bến đối với các tàu cá không đảm bảo quy định về IUU; ghi nhật ký hành trình khai thác, đánh bắt đúng các ngư trường được phép, tạo thuận lợi cho việc xác định nguồn gốc xuất xứ của các loại hải sản khai thác... Sự đồng hành của ngư dân là một trong những điểm then chốt góp phần tháo gỡ thẻ vàng IUU, do đó đoàn kiểm ngư tỉnh Bạc Liêu đã chủ động và trực tiếp gặp gỡ ngư dân đánh bắt thủy sản để vận động, hướng dẫn ngư dân đánh bắt đúng quy định.

Cùng với 28 tỉnh, thành phố có biển, các lực lượng chức năng là Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển cùng phối hợp tổng kiểm tra, rà soát toàn bộ tàu cá “3 không” (không đăng ký, không giấy phép khai thác, không đăng kiểm), tàu cá chưa lắp thiết bị VMS và kiên quyết xử lý nghiêm đối với tàu vi phạm nhằm kịp thời răn đe, phòng ngừa vi phạm. Đặc biệt là xử lý nghiêm hành vi môi giới,

móc nối đưa tàu cá, ngư dân Việt Nam đi khai thác bất hợp pháp ở vùng biển nước ngoài.

Thời gian đoàn thanh tra EC sang Việt Nam đang tới gần. Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang - Trưởng Ban chỉ đạo Quốc gia chống khai thác IUU yêu cầu từ nay đến tháng 9/2024, các Bộ, ngành và địa phương triển khai tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị, Nghị quyết của Trung ương và Chính phủ, các ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về chống khai thác IUU. Các địa phương tập trung nguồn lực, lãnh đạo chỉ đạo đợt cao điểm này để thực hiện nghiêm túc việc quản lý đội tàu, nhất là xử lý dứt điểm tàu cá “03 không”.

Cục Kiểm ngư (Bộ NNPTNN) xác định những nội dung chính triển khai các nhiệm vụ giải pháp trọng tâm mạnh từ nay đến tháng Mười là ngăn chặn giảm thiểu tối đa tình trạng tàu cá vi phạm vùng biển nước ngoài, kiên quyết xử lý triệt để những tàu cá vi phạm. Cùng với đó, lực lượng chức năng có biện pháp quản lý tàu cá để đảm bảo điều kiện khai thác trên biển. Các cơ quan chuyên ngành tăng cường kiểm soát, xác nhận nguồn gốc thủy sản tại cảng. Cơ quan chức năng và doanh nghiệp đảm bảo tuyệt đối hàng xuất khẩu sang thị trường EC và các thị trường khác đảm bảo tính hợp pháp, không để xảy ra tình trạng trộn lẫn nguyên liệu...

Hy vọng rằng, sau đợt thanh tra lần thứ 5 của EC, Việt Nam hoàn thành nhiệm vụ là tháo gỡ được thẻ vàng IUU trong năm nay, để thủy sản Việt tự tin tiến sâu và rộng hơn vào thị trường xuất khẩu chủ lực EU, cũng như các thị trường quan trọng khác như Hoa Kỳ, Nhật Bản... và mở ra cơ hội để ngành Thủy sản phát triển có trách nhiệm và bền vững./.

Cảnh báo nguy hiểm cháy rừng trong cao điểm mùa khô

Theo thông tin công bố hiện trạng rừng toàn quốc của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tính đến 31/12/2023, diện tích rừng cả nước (gồm diện tích rừng chưa đủ tiêu chí tính tỷ lệ che phủ rừng) đạt trên 14,86 triệu ha, trong đó rừng tự nhiên là 10,12 triệu ha, rừng trồng là 4,73 triệu ha. Tỷ lệ che phủ toàn quốc là 42,02%. Trong số các vùng sinh thái, vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung có diện tích rừng lớn nhất với 5,62 triệu ha, tỷ lệ che phủ rừng cũng lớn nhất, 54,23%. Tiếp theo là vùng Trung du và miền núi phía Bắc với 5,5,44 triệu ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 54,04%. Khu vực Tây Nguyên có 2,59 triệu ha rừng, tỷ lệ che phủ rừng đạt 46,34%. Trong số các tỉnh có rừng trên toàn quốc, Nghệ An là tỉnh có diện tích rừng lớn nhất với 1,02 triệu ha; tiếp theo là Quảng Nam với 681,16 nghìn ha, xếp thứ 3 là Sơn La với 676,89 nghìn ha. Ngoài ra, một số tỉnh có diện tích rừng lớn như: Thanh Hóa, Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Lạng Sơn.

Nhờ chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tích cực đẩy mạnh công tác trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng kết hợp với khai thác hợp lý, diện tích rừng của Việt Nam tăng lên đáng kể. Cụ thể, diện tích rừng năm 2023 tăng 70,23 nghìn ha so với năm 2022 (14,79 triệu ha; trong đó rừng tự nhiên có 10,13 triệu ha, rừng trồng có 4,65 triệu ha). Tuy nhiên, các cánh rừng Việt Nam luôn đứng trước nguy cơ bị thiệt hại mỗi năm do nạn chặt phá rừng, khai thác bừa bãi, đặc biệt những năm gần đây thiệt hại về rừng có xu hướng tăng lên do biến đổi khí hậu và các nguyên nhân gây nắng nóng, hay sự bất cẩn của con người dẫn đến



TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY RỪNG

Minh Hà

Biến đổi khí hậu khiến nhiệt độ tăng cao, lượng mưa giảm, thời tiết trở nên nắng nóng gay gắt ở một số nơi, đặc biệt vào cao điểm mùa khô là một trong những nguyên nhân gây nên các vụ cháy rừng. Cháy rừng không chỉ gây thiệt hại về kinh tế mà còn đe dọa nghiêm trọng đến môi trường, hệ sinh thái, là một trong những vấn nạn mà Việt Nam cũng như nhiều nước trên thế giới phải nghiêm túc đối mặt và có biện pháp phòng, chống quyết liệt.

Từ khóa: Cháy rừng, thiệt hại, phòng cháy, chữa cháy, nguy cơ, cảnh giác

gia tăng các vụ cháy rừng. Theo Cơ quan Giám sát Khí hậu của Liên minh Châu Âu, các đợt nắng nóng trong 12 tháng gần đây đều phá kỷ lục nhiệt độ so với cùng kỳ năm trước. Tổ chức Khí tượng Thế giới cho biết có 86% khả năng có một năm nóng hơn 2023 xuất hiện trong vòng 5 năm tới. Tương tự, mùa hè năm nay cũng có nhiều dấu hiệu cho thấy nó có thể vượt qua hè 2023 và trở thành mùa hè

nóng nhất trong 2.000 năm lịch sử. Trong khi đó, nhiệt độ tại nhiều địa phương miền Bắc của Việt Nam đã vượt ngưỡng lịch sử; miền Trung chạm mốc lịch sử, còn miền Nam nắng nóng kéo dài liên tục với thời gian nắng nói kéo dài từ 10-12 tiếng đồng hồ mỗi ngày. Theo dự báo của Trung tâm Dự báo khí tượng thủy văn quốc gia, do tác động của biến đổi khí hậu và ảnh hưởng của hiện tượng



El Nino kéo dài, nắng nóng gay gắt sẽ tiếp tục diễn ra tại nhiều địa phương; tâm điểm là khu vực Bắc Bộ, Trung Bộ, Nam Bộ, nhiều khả năng kỷ lục về nhiệt độ cao sẽ tiếp tục bị phá vỡ.

Từ tháng Mười hai năm trước đến tháng Hai năm sau thường là những tháng thấp điểm của công tác phòng, chống cháy rừng mùa khô. Tuy nhiên, từ giữa tháng 1/2024 đến nay thời tiết liên tục nắng nóng. Thời tiết nắng nóng kéo dài kèm theo thiếu hụt lượng mưa dẫn đến tình trạng cháy rừng và cảnh báo cháy rừng với cấp độ cao diễn ra phức tạp tại các địa phương có rừng trên cả nước.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2023, cả nước có 1.722,3 ha rừng bị thiệt hại, tăng 53,5% so với năm trước, trong đó diện tích rừng bị chặt, phá là 1.047,8 ha, giảm 3%; diện tích rừng bị cháy là 674,5 ha, gấp 16,3 lần so với năm 2022. Diện tích rừng bị cháy của năm 2023 chủ yếu tập trung vào những tháng hè do thời tiết nắng nóng kéo dài. Từ đầu năm đến nay, nhiều vụ cháy rừng nghiêm trọng đã xảy ra. Đáng nói là, chỉ tính đến cuối tháng Sáu, con số thiệt hại đã là 683,9 ha rừng bị cháy, tăng 25,9% so với cùng kỳ, thậm chí còn vượt qua tổng diện tích rừng bị cháy của cả năm 2023.

Điển hình tại tỉnh Hà Giang, trong các ngày 26-27/4/2024, cháy rừng đã xảy ra tại khu vực giáp ranh 3 xã: Phương Tiến, Lap Chải, Xín Chải của huyện Vị Xuyên gây thiệt hại rừng, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái và đời sống của người dân trên địa bàn. Đáng buồn là, vụ cháy không chỉ thiêu rụi gần 20 ha rừng mà còn khiến hai cán bộ kiểm lâm hy sinh và một kiểm lâm khác bị thương khi làm nhiệm vụ chữa cháy rừng.

Thông tin từ Hệ thống Quản lý cháy rừng, mất rừng và khai thác thông tin của Cục Kiểm lâm, từ đầu năm tính đến ngày 26/6/2024, cả nước có 32 địa phương có báo cáo điểm cháy rừng. Trong đó, Điện Biên là địa phương đứng đầu về số điểm cháy rừng với 13.802 điểm cháy; đứng thứ hai là Gia Lai với 12.890 điểm cháy; thứ ba là Đắk Lắk với 10.246 điểm cháy. Cũng theo Hệ thống Quản lý cháy rừng, mất rừng và khai thác thông tin, tại thời điểm ngày 26/06/2024, một số khu vực đã có nhiều ngày không mưa, thời tiết khô hanh kéo dài, có nguy cơ cháy rừng. Trong đó, có 149 vùng cảnh báo cháy cấp IV tại các tỉnh, thành phố: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận và 2 vùng

cảnh báo cháy cấp V - cấp cao nhất tại thị xã Ayun Pa và huyện Krông Pa thuộc tỉnh Gia Lai.

Cháy rừng không chỉ gây thiệt hại lớn về kinh tế mà còn gây ra thiệt hại về người và nhiều tác hại nghiêm trọng cho môi trường như: Mất đa dạng sinh học, ô nhiễm không khí, mất đất và dinh dưỡng đất, tác động đến hệ thống thủy văn, mất cân bằng hệ sinh thái. Đồng thời, thiệt hại do cháy rừng cũng khiến cho nhiều gia đình sống nhờ vào lâm nghiệp phải rơi vào tình trạng nghèo đói, tái nghèo.

Chủ động ứng phó kiểm soát tình hình cháy rừng và giảm thiệt hại

Trước thực trạng cháy rừng kể trên, công tác phòng cháy, chữa cháy rừng luôn được các cấp chính quyền và người dân quan tâm và triển khai thực hiện, nhất là vào giai đoạn cao điểm mùa khô. Theo đó, để công tác phòng cháy chữa cháy rừng đạt hiệu quả cao, cần tuân thủ nguyên tắc lấy hoạt động phòng ngừa là chính; chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời cháy rừng. Chủ động, sẵn sàng nhân lực, nguồn lực, phương tiện, trang thiết bị cho hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng; phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội tham gia hoạt động phòng cháy và chữa cháy rừng.

Đồng thời, thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ cháy rừng phải được thông báo nhanh chóng, kịp thời cho chủ rừng, chính quyền địa phương và các cơ quan chịu trách nhiệm về phòng cháy và chữa cháy rừng. Thực hiện phương châm 4 tại chỗ, bao gồm: Chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ. Chỉ đạo, chỉ huy thống nhất; phối hợp chặt chẽ các lực lượng tham gia chữa cháy rừng. Ngoài ra, trong quá trình chữa cháy rừng cần đảm bảo an toàn theo thứ tự ưu tiên: Người, tài sản, các công trình, phương tiện, thiết bị tham gia chữa cháy rừng.

Từ đầu năm đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 03 Công điện về chủ động, quyết liệt tăng cường triển khai có hiệu quả các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng trên phạm vi cả nước. Tại Công điện số 43/CĐ-TTg gần đây, Thủ tướng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan liên quan theo chức năng và thẩm quyền được giao, tiếp tục thực hiện nghiêm Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW, ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Công điện số 31/CĐ-TTg ngày 04/4/2024, Công điện số 41/CĐ-TTg ngày 27/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc chủ động, tăng cường các biện pháp cấp bách phòng cháy, chữa cháy rừng và các văn bản chỉ đạo có liên quan; tuyệt đối không chủ quan, lơ là, mất cảnh giác, nhất là trong thời kỳ cao điểm về nắng, nóng.

Để công tác phòng cháy, chữa cháy rừng đạt hiệu quả cao, các địa phương có rừng cần nêu cao tinh thần cảnh giác, ý thức trách nhiệm

của cả hệ thống chính trị và người dân, chung sức thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, thực hiện nghiêm trách nhiệm quản lý về công tác phòng cháy, chữa cháy rừng, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát về phòng cháy, chữa cháy rừng từ sớm, từ xa, ngay từ cơ sở, phải coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt.

Hai là, tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân trong công tác phòng cháy, chữa cháy rừng. Đồng thời, kiểm tra, đôn đốc, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng lửa trong rừng và gần rừng của người dân, nhất là hoạt động đốt nương làm rẫy, tạm dừng việc dùng lửa để xử lý thực bì; xử lý nghiêm các hành vi dùng lửa có nguy cơ gây cháy rừng trong suốt thời kỳ cao điểm, nguy cơ cháy rừng cao.

Ba là, chủ động và khẩn trương rà soát kế hoạch, phương án phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương với phương châm “bốn tại chỗ”; bố trí lực lượng, phương tiện, vật tư, kinh phí phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; Trực tiếp chỉ đạo công tác phối hợp giữa các lực lượng tham gia phòng cháy, chữa cháy rừng, đảm bảo hiệu quả, an toàn; tăng cường đào tạo, tập huấn nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy rừng cho lực lượng làm công tác phòng cháy, chữa cháy rừng; đảm bảo trang thiết bị bảo hộ lao động, phòng chống khói độc, công tác hậu cần, lương thực, thực phẩm, nước uống, vật tư y tế phục vụ các lực lượng thực hiện nhiệm vụ chữa cháy rừng.

Bốn là, phân công lực lượng ứng trực 24/24 giờ trong suốt mùa khô; bố trí các điểm chốt chặn, tuần tra canh gác ở những khu vực trọng điểm dễ xảy ra

cháy rừng, kiểm soát chặt chẽ người ra vào những khu vực rừng có nguy cơ cháy rừng cao; kịp thời phát hiện điểm cháy, huy động các lực lượng tham gia khống chế và dập tắt cháy rừng trong thời gian ngắn nhất.

Năm là, có phương án, kế hoạch di dời người dân, tài sản của Nhân dân, nhà nước và doanh nghiệp ra khỏi các khu vực bị ảnh hưởng bởi cháy rừng khi có cháy rừng xảy ra; có biện pháp đảm bảo an toàn tuyệt đối và có chính sách phù hợp, hiệu quả cho các lực lượng tham gia làm nhiệm vụ chữa cháy rừng; tổ chức thực hiện có hiệu quả Đề án Nâng cao năng lực cho lực lượng kiểm lâm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng giai đoạn 2021 - 2030 theo Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 10/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Sáu là, chủ động chỉ đạo các cơ quan chức năng, phối hợp điều tra làm rõ nguyên nhân, xử lý nghiêm những đối tượng cố tình vi phạm các quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy rừng; xử lý trách nhiệm quản lý của người đứng đầu khi để xảy ra cháy rừng; kịp thời biểu dương, khen thưởng những tổ chức, cá nhân tích cực tham gia phòng cháy, chữa cháy rừng; chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ nếu để xảy ra cháy rừng trên diện rộng và gây thiệt hại lớn về rừng trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý.

Bảy là, thường xuyên theo dõi thông tin về dự báo, cảnh báo nguy cơ nắng nóng, nguy cơ cháy rừng và phát hiện sớm cháy rừng; kịp thời thông tin, báo cáo ngay khi có cháy rừng; đảm bảo thông tin đầy đủ, chính xác để phối hợp chỉ đạo và huy động lực lượng chữa cháy rừng từ các địa phương khác khi cần thiết./.

ỨNG DỤNG HỌC MÁY PHÂN TÍCH ẢNH VIỄN THÁM: GIẢI PHÁP MỚI PHÂN TÍCH DỮ LIỆU CÂY CÀ PHÊ TẠI VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Quốc Hưng - ThS. Phạm Thị Nga
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

Tóm tắt: Trước bối cảnh nhiều triển vọng và thách thức đan xen của ngành cà phê Việt Nam, việc thu thập và phân tích dữ liệu liên quan đến loại cây trồng này là rất cần thiết. Khi phương pháp thu thập dữ liệu truyền thống còn hạn chế, và không thể đáp ứng hết các yêu cầu, kỳ vọng trong kỷ nguyên Trí tuệ nhân tạo (AI) phát triển, công nghệ viễn thám kết hợp học máy cung cấp giải pháp hiệu quả để thu thập và phân tích dữ liệu về cây cà phê. Ảnh viễn thám giúp giám sát cây trồng và môi trường, trong khi học máy tự động hóa phân loại và phân tích. Hy vọng sự kết hợp này sẽ mang đến sự chính xác, nhanh nhạy trong nghiên cứu thực nghiệm, góp phần giúp ngành cà phê Việt Nam phát triển bền vững và cạnh tranh toàn cầu.

Từ khoá: Ảnh viễn thám, Cây cà phê, Học máy

Đặt vấn đề

Việt Nam là một trong những nước xuất khẩu cà phê hàng đầu thế giới. Hàng năm, giá trị xuất khẩu cà phê đạt hàng tỷ USD, tạo nguồn thu lớn cho ngân sách quốc gia và cân bằng cán cân thương mại. Đối với người nông dân, cà phê mang lại thu nhập ổn định, giúp nhiều hộ gia đình thoát nghèo và nâng cao mức sống. Ngành cà phê cũng tạo nhiều việc làm, thông qua các khâu từ trồng trọt, thu hoạch đến chế biến và xuất khẩu, giảm tỷ lệ thất nghiệp ở địa phương. Tuy nhiên, ngành này hiện đang đối mặt với nhiều thách thức, liên quan tới biến đổi khí hậu, sâu bệnh, cũng như các quy định mới của châu Âu (EU) về việc ngăn chặn việc nhập khẩu các sản phẩm có liên quan đến phá rừng vào EU. Vì vậy, việc thu thập và phân tích thông tin về cây cà phê là rất quan trọng, bởi hiểu rõ thực trạng canh tác và tiêu thụ

cà phê sẽ giúp nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng thu nhập và phát triển bền vững. Đồng thời, thông tin chính xác và kịp thời giúp các nhà hoạch định chính sách đưa ra những chiến lược phù hợp để hỗ trợ và thúc đẩy ngành cà phê phát triển. Hiện nay, việc thu thập dữ liệu về cây cà phê thông qua các cuộc khảo sát thực địa đã đạt những kết quả nhất định, nhưng cũng đối mặt một số khó khăn về mặt chi phí, thời gian, phạm vi tiếp cận địa hình, chất lượng và tính cập nhật của số liệu. Bài viết này sẽ tóm lược thực trạng và thách thức của ngành cà phê hiện nay và đề xuất ứng dụng công nghệ ảnh viễn thám kết hợp trí tuệ nhân tạo giúp thu thập và phân tích dữ liệu cây cà phê một cách chính xác, nhanh chóng, tiết kiệm chi phí, hỗ trợ nông dân và nhà quản lý trong giám sát và thiết lập bản đồ ranh giới đất, chứng minh cà phê không được canh tác trên đất phá rừng.

Ngành cà phê Việt Nam: Thực trạng và Thách thức

Việt Nam hiện là quốc gia xuất khẩu cà phê lớn thứ hai thế giới, chỉ sau Brazil. Hiện nay, Việt Nam có khoảng 650.000 ha diện tích trồng cà phê, chủ yếu là hai giống chính là cà phê Robusta và cà phê Arabica. Trong đó, cà phê Robusta chiếm khoảng 95% diện tích trồng và sản lượng, chủ yếu được xuất khẩu dưới dạng cà phê thô; trong khi cà phê Arabica chiếm 5% còn lại, nhưng lại có giá trị kinh tế cao hơn. Cây cà phê được trồng chủ yếu ở các tỉnh Tây Nguyên như Đắk Lắk, Lâm Đồng, Gia Lai, và Kon Tum, nơi có điều kiện khí hậu và thổ nhưỡng phù hợp cho sự phát triển của cây trồng này. Theo dữ liệu thu thập và khảo sát cho thấy, các thông tin về ngành cà phê trong những năm gần đây mang lại một bức tranh khá tích cực. Phần lớn các địa phương có diện tích gieo trồng, năng suất,

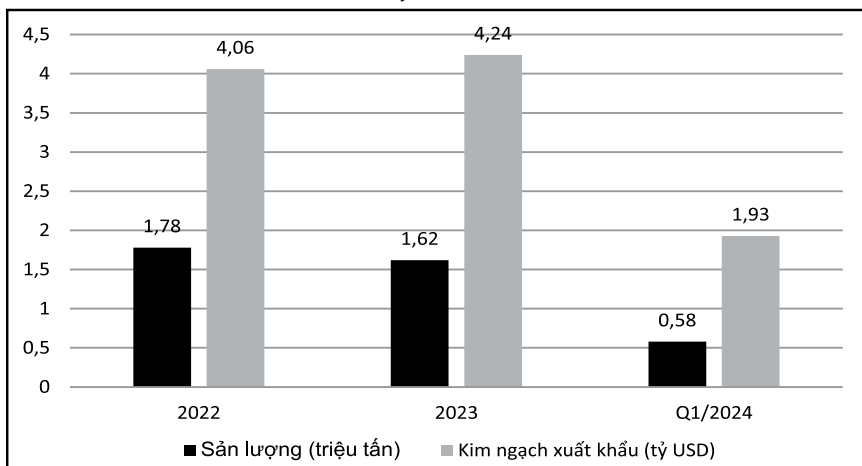
và tổng sản lượng cà phê đều tăng lên so với các năm trước. Năm 2022, Việt Nam xuất khẩu 1,78 triệu tấn cà phê, thu về 4,06 tỷ USD. Mặc dù năm 2023 sản lượng giảm xuống còn 1,62 triệu tấn (giảm 8,7%), nhưng kim ngạch xuất khẩu lại tăng lên 4,24 tỷ USD (tăng 4,6%), đạt mức cao nhất từ trước đến nay nhờ giá cà phê tăng cao. Trong quý I năm 2024, Việt Nam xuất khẩu khoảng 579.449 tấn cà phê, kim ngạch đạt 1,93 tỷ USD. Sản lượng chỉ tăng 4,9% nhưng giá trị tăng mạnh 57,3% so với cùng kỳ năm trước nhờ giá xuất khẩu tiếp tục tăng cao.

**Thay đổi diện tích, năng suất, tổng sản lượng
cà phê so với 5 năm gần nhất**

	Tăng	Giảm	Không đổi
Thay đổi diện tích gieo trồng cây cà phê so với 5 năm gần nhất	62,30%	25,80%	11,90%
Thay đổi năng suất cây cà phê so với 5 năm gần nhất	58,9 %	23,2%	17,9%
Thay đổi tổng sản lượng cà phê của xã so với 5 năm gần nhất	66,9 %	23,2%	9,9%

Nguồn: Dữ liệu VHLSS 2020

**Tình hình xuất khẩu cà phê của Việt Nam từ năm 2022
đến Quý I năm 2024**



Nguồn: Tổng hợp từ Tổng cục Thống kê và VnEconomy

Bên cạnh những triển vọng, ngành cà phê hiện nay đang đối mặt với những thách thức về nhiều mặt như: Giá cà phê trên thị trường thường xuyên biến động, biến đổi khí hậu, thời tiết khắc nghiệt và sâu bệnh. Bên cạnh đó, việc tiêu thụ và xuất khẩu cà phê ngày càng phải đáp ứng nhiều hơn yêu cầu khắt khe về chứng nhận tiêu chuẩn sản phẩm. Trên thực tế, Quy định về chống phá rừng của Liên minh châu Âu (EUDR) sẽ được chính thức áp dụng từ ngày 30/12/2024. Quy định này nhằm đảm bảo rằng các hàng hóa như cà phê, dầu cọ, gỗ, đậu nành và một số loại hàng hóa khác khi được đưa vào thị trường EU phải không liên quan đến phá rừng. Điều này là thách thức rất lớn khi EU là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất, chiếm 40% tổng khối lượng và 38% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Do vậy, các nông hộ cần lập bản đồ ranh giới đất, thu thập dữ liệu GPS và chứng minh rằng cà phê không canh tác trên đất bị phá rừng từ năm 2020.

Hiện nay, thông tin về việc canh tác và tiêu thụ cà phê được Tổng cục Thống kê thu thập. Các thông tin chính được điều tra bao gồm diện tích và thay đổi diện tích trồng cà phê, sản lượng, năng suất, thu nhập từ cà phê, và tình hình tiêu thụ cà phê tại địa phương. Những nguồn thông tin này có vai trò nhất định trong nghiên cứu và hoạch định chính sách để phát triển ngành cà phê bền vững và hiệu quả. Tuy nhiên, việc thu thập thông tin thông qua khảo sát thực địa truyền thống đối mặt với một số hạn chế về nhân lực, thời gian, chi phí, độ trễ số liệu. Hiện nay, các kỹ thuật AI phát triển có thể giúp quá trình thu thập dữ liệu nói chung, dữ liệu trồng cà phê nói riêng được tự động hóa, nhanh chóng và chính xác hơn.

Ảnh viễn thám: công nghệ đột phá cho tương lai

Enveritas, một tổ chức phi lợi nhuận chuyên hoạt động trong lĩnh vực chứng nhận và giám định thông tin về nguồn gốc và chuỗi cung ứng các nông sản, đặc biệt là trong chuỗi sản xuất cà phê, đã đề xuất một giải pháp tiên tiến nhằm hỗ trợ ngành cà phê Việt Nam đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt của EUDR mà không làm tăng gánh nặng tài chính cho nông dân. Giải pháp này sử dụng ảnh vệ tinh và thuật toán học máy để xác minh nguồn gốc và đảm bảo tính bền vững của đất trồng cà phê.

Ảnh viễn thám, với khả năng cung cấp thông tin chi tiết và liên tục từ không gian, đã trở thành công cụ đắc lực trong nông nghiệp hiện đại. Ảnh viễn thám cho phép quan sát diện rộng và liên tục, giúp phát hiện sớm các vấn đề như dịch bệnh, thiếu nước hay sự phát triển không đồng đều của cây trồng. Hơn nữa, ảnh viễn thám còn cho phép theo dõi sự biến đổi theo thời gian, giúp nông dân

và nhà quản lý có thể điều chỉnh kịp thời các biện pháp canh tác.

Với công nghệ hiện đại, ảnh viễn thám có độ phân giải cao, cho phép thu thập dữ liệu chính xác về tình trạng cây trồng, đất đai và môi trường. Các hình ảnh từ vệ tinh và máy bay không người lái (drone) cung cấp thông tin chi tiết về màu sắc, độ ẩm, nhiệt độ và nhiều thông số khác, giúp đánh giá chính xác tình trạng cây trồng và môi trường xung quanh. So với khảo sát thực địa truyền thống, việc sử dụng ảnh viễn thám tiết kiệm thời gian và chi phí đáng kể. Không cần phải di chuyển đến từng vùng trồng cà phê, ảnh viễn thám cho phép thu thập dữ liệu từ không gian, bao phủ diện rộng và cung cấp thông tin liên tục. Điều này giúp giảm bớt gánh nặng về nhân lực và chi phí cho việc thu thập và phân tích dữ liệu.

Quy trình thu thập và chuẩn bị dữ liệu ảnh viễn thám

Dữ liệu ảnh vệ tinh có thể được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau như Google Earth Engine và Microsoft Planetary Computer, bao gồm dữ liệu từ các vệ tinh Sentinel-1 và Sentinel-2. Sentinel-1 là một hệ thống quan sát Trái đất sử dụng công nghệ radar khẩu độ tổng hợp (SAR), hoạt động ở băng tần C với tần số 5.405 GHz và độ dài sóng 56 nM, cho phép thu thập hình ảnh không bị ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết. Trong khi đó, Sentinel-2 cung cấp hình ảnh với 13 dải quang phổ khác nhau, bao gồm vùng nhìn thấy được, cận hồng ngoại và hồng ngoại sóng ngắn, rất hữu ích cho việc lập bản đồ sử dụng đất và nhiều ứng dụng khác.

Có rất nhiều yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng của hình ảnh vệ tinh. Rừng cây cà phê thường được trồng trên các mảnh đất nhỏ, với cảnh quan xung quanh không

đồng nhất, ở độ cao lớn trên địa hình dốc. Cảnh quan này bao gồm nhiều yếu tố như rừng, khu vực đô thị, cánh đồng nông nghiệp và vùng nước, gây khó khăn cho việc gán nhãn các khu vực. Địa hình dốc cũng gây ra sự biến đổi về góc độ ánh sáng mặt trời chiếu vào bề mặt, dẫn đến các mức độ chiếu sáng và bóng râm khác nhau. Hơn nữa, hệ thống trồng cà phê có bóng râm có thể bị nhầm lẫn với rừng nguyên sinh và thứ sinh, trong khi hệ thống trồng cà phê không có bóng râm có thể bị nhầm lẫn với đồng cỏ hoặc các loại cây trồng không có bóng râm khác, dẫn đến sai lệch giá trị phản xạ phổ, làm cho việc phân loại hoặc phân tích hình ảnh vệ tinh trở nên khó khăn. Ngoài ra, yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến chất lượng hình ảnh là mây che phủ, có thể che khuất các khu vực lớn trong ảnh, làm giảm độ chính xác của việc phát hiện sự thay đổi theo thời gian. Do đó, sau khi thu thập đủ dữ liệu ảnh viễn thám về khu vực nghiên cứu, tất cả dữ liệu sẽ được tải lên một module tiền xử lý chuyên dụng. Tại đây, dữ liệu sẽ trải qua một loạt các bước xử lý như giảm nhiễu để loại bỏ các yếu tố gây nhiễu không mong muốn, chuẩn hóa và tái lấy mẫu không gian tự động để đảm bảo tính nhất quán khi tất cả các ảnh đều có cùng độ phân giải không gian.

Ảnh viễn thám cung cấp khả năng bao phủ rộng rãi các khu vực trên bề mặt hành tinh, đặc trưng bởi những đối tượng phức tạp như rừng. Việc phân loại các khu vực rừng theo loại hình lâm nghiệp hoặc phân biệt giữa các yếu tố nhân tạo và tự nhiên đòi hỏi sự khảo sát tỉ mỉ. Điều này làm cho việc gán nhãn ảnh vệ tinh trở nên tốn nhiều thời gian và đòi hỏi độ chính xác cao, cần kết hợp giữa kinh nghiệm của các chuyên gia

trong phân biệt ảnh viễn thám cũng như sử dụng các mô hình học máy cao cấp như VGG16 hay Transformer để tự động hóa quá trình phân loại và kiểm tra độ chính xác.

Sau khi các ảnh đã được dẫn nhãn, kiểm tra độ chính xác, so sánh với dữ liệu trên mặt đất hoặc các nguồn dữ liệu đáng tin cậy khác cũng như tính nhất quán của các nhãn được gán cho từng khu vực trong ảnh, mô hình học máy như VGG16 hoặc Transformer được đưa vào sử dụng để tự động hóa quá trình phân loại và dự đoán, đảm bảo mô hình hoạt động tốt trên dữ liệu thử nghiệm. Cuối cùng, dựa trên kết quả đánh giá, thực hiện các điều chỉnh cần thiết cho mô hình học máy, như tinh chỉnh tham số hoặc cải thiện thuật toán học máy, để tối ưu hóa hiệu suất và đảm bảo độ chính xác cao nhất cho các phân tích tiếp theo.

Tuy nhiên, để thực hiện thành công sử dụng ảnh viễn thám để thu thập và phân tích dữ liệu về cây cà phê, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các nhà khoa học, các cơ quan quản lý và người nông dân. Việc đầu tư vào nghiên cứu và phát triển công nghệ, đào tạo nhân lực và xây dựng hệ thống dữ liệu đồng bộ sẽ là những yếu tố then chốt để hiện thực hóa tiềm năng của học sâu và ảnh viễn thám trong ngành cà phê./

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (2022). Báo cáo thường niên ngành cà phê Việt Nam.
2. Tổng cục Thống kê (2022). Số liệu thống kê xuất khẩu cà phê.
3. Trung tâm Nghiên cứu và Ứng dụng Công nghệ Viễn thám Việt Nam (2022). Báo cáo nghiên cứu ứng dụng ảnh viễn thám trong nông nghiệp.
4. Các nghiên cứu quốc tế về ứng dụng học sâu trong nông nghiệp, được công bố trên các tạp chí khoa học uy tín.

TÁC ĐỘNG CỦA XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ SỐ ĐẾN NGHIỆP VỤ VÀ QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

ThS. Nguyễn Khánh Linh

Khoa Tài chính - kế toán - Đại học Công nghệ Đông Á

Tóm tắt: Hiện nay, công nghệ đang trở thành yếu tố quyết định trong sự phát triển cũng như tạo ra cơ hội và thách thức cho ngành ngân hàng. Sự gia tăng của trí tuệ nhân tạo, blockchain và dịch vụ tài chính trực tuyến đã thay đổi cách thức hoạt động và quản lý tài chính trong ngân hàng. Sự xuất hiện của các công ty công nghệ tài chính (Fintech) đang thúc đẩy sự cạnh tranh và đổi mới trong ngành ngân hàng, mở ra cơ hội hợp tác giữa ngân hàng truyền thống và các công ty công nghệ. Để mang lại hiệu quả cao trong ứng dụng công nghệ trong kinh doanh và mang lại những trải nghiệm tốt nhất cho khách hàng của mình, các ngân hàng cần đổi mới phương thức hoạt động kinh doanh bằng việc ứng dụng công nghệ số, từ đó nâng cao cạnh tranh và thích ứng với môi trường kinh doanh ngày càng số hóa. Bài viết nghiên cứu về các xu thế công nghệ mới trong ngành dịch vụ tài chính - ngân hàng và các tác động của nó đến nghiệp vụ ngân hàng.

Từ khóa: Chuyển đổi số, fintech, ngành dịch vụ tài chính - ngân hàng, tác động, công nghệ tài chính.

1. Đặt vấn đề

Thực tiễn chứng minh chuyển đổi số là kết quả của cuộc cách mạng Công nghiệp (CMCN) 4.0 đã tác động mạnh mẽ đến ngành tài chính - ngân hàng trên toàn thế giới. Nhất là trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến vô cùng phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế toàn cầu thì chuyển đổi số được coi là động lực mới, là giải pháp giúp cho sự tăng trưởng của ngành ngân hàng. Việc các ngân hàng bắt tay với công ty công nghệ tài chính (Fintech) là nhu cầu tất yếu do sự thay đổi của nhu cầu khách hàng, áp lực

cạnh tranh trong nội bộ ngành tài chính ngân hàng. Các ứng dụng mới, đa dạng do Fintech tạo ra đã tác động đến hầu hết các hoạt động của ngành dịch vụ tài chính - ngân hàng, nó là chiến lược mà tất cả các doanh nghiệp quan tâm và quyết tâm dồn mọi nguồn lực. Do đó, chuyển đổi số làm thay đổi toàn diện ngành tài chính - ngân hàng và gây ra những tác động không nhỏ.

2. Cơ sở lý thuyết

Chuyển đổi số và Fintech là gì?

Chuyển đổi số trong ngân hàng là việc tích hợp số hóa và công nghệ số vào mọi lĩnh vực

ngân hàng. Sự tích hợp này cho phép tạo mới – hoặc sửa đổi các quy trình kinh doanh, văn hóa và trải nghiệm khách hàng hiện có nhằm đáp ứng các yêu cầu thay đổi của thị trường và mong muốn của khách hàng. Fintech là viết tắt của từ financial technology (công nghệ tài chính), là một thuật ngữ rộng được sử dụng chung cho tất cả các công ty sử dụng công nghệ thông tin và viễn thông để cung cấp dịch vụ tài chính. Fintech ra đời để cập đến việc sử dụng công nghệ hiện đại để cải thiện việc cung cấp các dịch vụ tài chính (giao dịch thanh toán, tín dụng).

Các nền tảng công nghệ thường được sử dụng phổ biến như: API, EKYC, Blockchain, Blockchain, P2P Lending, AI, sinh trắc học, ... Việc ứng dụng các nền tảng này giúp ngân hàng tiết kiệm chi phí và hợp lý hóa các quy trình hoạt động và sự tích hợp các nền tảng này giúp mang lại trải nghiệm khách hàng dễ dàng và hấp dẫn hơn.

Tác động của các xu hướng công nghệ tới nghiệp vụ và quản trị ngân hàng.

Tác động của Open API: Open Banking là thuật ngữ mới xuất hiện trong ngành dịch vụ tài chính – ngân hàng. Theo đó, ngân hàng cho phép bên thứ ba viết ứng dụng và cung cấp dịch vụ từ chính dữ liệu của ngân hàng. Với việc ứng dụng giao diện lập trình (API) – công nghệ cho phép các bên thứ ba truy cập vào dữ liệu mở hay truy cập bảo mật đến các dữ liệu đóng của một tổ chức khi được sự đồng ý của chủ sở hữu dữ liệu và tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan. Tuy nhiên, những quy định ngặt nghèo về quản lý và bảo vệ bí mật thông tin khách hàng làm cho quá trình hợp tác giữa hai bên trở nên khó khăn. Để giải quyết vấn đề này các công ty Fintech đã nghiên cứu áp dụng giải pháp Open API trong quá trình hợp tác với các ngân hàng. Qua đó Open API sẽ thiết lập một giao diện tương tác cho các Công ty Fintech dựa trên các thông tin được trích xuất từ corebanking của các ngân hàng mà không cần phải kết nối trực tiếp. Giải pháp này sẽ đảm bảo hài hòa được yêu cầu của hai bên, khi ngân hàng vẫn đảm bảo được quyền quản lý toàn vẹn thông tin khách hàng đồng thời các công ty Fintech vẫn có đầy đủ thông tin để thực hiện xử lý giao dịch cho khách hàng của ngân hàng. Khi thông tin

được chia sẻ thông qua Open API, dữ liệu có thể được sử dụng để các công ty Fintech tạo thêm nhiều ứng dụng mới, cung cấp thêm tiện ích cho khách hàng, hỗ trợ khách hàng kiểm soát thông tin cũng như ra quyết định tốt hơn.

Tác động của eKYC (Electronic Know Your Customer): là quá trình nhận biết danh tính khách hàng trên các tài khoản điện tử từ xa mà không cần giấy tờ xác định danh tính khách hàng khi mở tài khoản và sử dụng tài khoản ngân hàng điện tử. Khi thực hiện eKYC giúp các ngân hàng đơn giản hóa thủ tục, giảm chi phí và thời gian điền các mẫu đơn, giấy tờ giao dịch, điện tử hóa chứng từ của khách hàng cũng như giảm chi phí công chứng, thuê luật sư đánh giá mức độ chính xác của các giấy tờ gốc và lưu trữ tại ngân hàng. Ngoài ra eKYC còn giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng, nâng cao độ bảo mật, cũng như giúp chuyên viên tư vấn nhận diện được người dùng, giảm nguy cơ rửa tiền khi cơ sở hạ tầng về định danh khách hàng được các tổ chức tín dụng cùng chia sẻ. Việc sử dụng eKYC này dễ dàng giúp cho các nhân viên ngân hàng lựa chọn hình thức thủ thuật bán hàng khuyến khích khách hàng mua thêm các sản phẩm kèm theo sản phẩm chính (Cross sales) hay thủ thuật kích thích người dùng lựa chọn phiên bản cao cấp, đắt tiền hơn trong cùng một loại sản phẩm (Up sales). Ngoài ra, nó còn đáp ứng được nhu cầu của khách hàng ngày càng hoàn thiện hơn theo hướng One Stop Shopping (khách hàng chỉ truy cập một nơi và đáp ứng mọi nhu cầu giao dịch tài chính của mình).

Tác động của Blockchain: Blockchain là công nghệ chuỗi – khối, cho phép truyền tải dữ liệu

một cách an toàn dựa trên hệ thống mã hóa vô cùng phức tạp, tương tự như cuốn sổ cái kế toán của một công ty, nơi mà tiền được giám sát chặt chẽ và ghi nhận mọi giao dịch trên mạng ngang hàng. Trong trường hợp này, blockchain là một cuốn sổ cái kế toán hoạt động trong lĩnh vực kỹ thuật số. Blockchain sở hữu tính năng đặc biệt đó là việc truyền tải dữ liệu không đòi hỏi một trung gian để xác nhận thông tin. Blockchain giúp cho các ngân hàng giảm thời gian và chi phí thực hiện tài trợ thương mại; giảm yêu cầu xác thực và chứng từ phức tạp thủ công. Ngoài ra, blockchain còn tập trung hóa quản lý dữ liệu trong ngân hàng giúp giảm thiểu rủi ro do nhầm lẫn các thao tác, khống chế và hack dữ liệu. Việc cập nhật dữ liệu liên tục, chia sẻ dữ liệu giữa các tổ chức tín dụng toàn cầu với chi phí thấp, đồng nhất giúp cho các ngân hàng dễ dàng định danh khách hàng và chống rửa tiền. Giảm chi phí giao dịch, giảm trung gian, rút ngắn quy trình, tăng mức độ tin tưởng giữa các bên giao dịch.

Tác động của Digital Banking:

Đây đang là xu hướng mới trong ngành ngân hàng và được xem là giải pháp hoàn hảo giúp các ngân hàng tăng trải nghiệm của khách hàng. Nói cách khác, tất cả những gì khách hàng có thể làm ở các chi nhánh ngân hàng bình thường, giờ đây đã được số hóa và tích hợp vào một ứng dụng ngân hàng số duy nhất. Qua Digital Banking khách hàng có thể: Rút tiền, chuyển tiền, gửi tiết kiệm, quản lý tài khoản thanh toán và tài khoản tiết kiệm, thanh toán hóa đơn, vay ngân hàng, sử dụng dịch vụ tiện ích khác. Tất cả những hoạt động trên đều được gói gọn trên website hoặc thiết bị

di động, khách hàng chỉ cần có kết nối mạng là có thể quản lý hoặc giao dịch thành công mà không cần giao dịch trực tiếp tại ngân hàng. Digital Banking giúp ngân hàng thu thập thông tin đầy đủ hơn với các khách hàng, đáp ứng các yêu cầu phòng chống rửa tiền và định danh khách hàng, ngoài ra còn giúp ngân hàng giảm chi phí mở các điểm giao dịch/chi nhánh ở khu vực nông thôn, giảm rủi ro, tăng mức độ tiếp cận và đáp ứng nhu cầu về dịch vụ chuyển tiền.

Tác động của AI (Trí tuệ nhân tạo): Ngân hàng có thể sử dụng AI để tự động hóa các quy trình giao dịch, từ xử lý giao dịch đến phân tích rủi ro. AI cũng có thể được sử dụng để phân tích dữ liệu từ các khoản giao dịch, tài khoản, và hoạt động của khách hàng để cung cấp dịch vụ cá nhân hóa cho khách hàng. Theo đó, AI có thể dự đoán rủi ro, tăng năng suất và hiệu quả trong quản trị ngân hàng. Tác động của AI trong việc nâng cao trải nghiệm của khách hàng có thể thấy rõ ràng nhất qua Chatbot. Với ứng dụng này, khách hàng không cần phải đến ngân hàng để tìm hiểu thông tin về sản phẩm dịch vụ, giải đáp thắc mắc, lỗi gặp phải khi đang dùng sản phẩm hiện tại mà chỉ cần thực hiện tất cả những điều này qua một hệ thống nhắn tin trực tuyến phục vụ 24/7.

Bên cạnh đó, ngân hàng có thể tận dụng trí tuệ thông minh của công nghệ AI để đưa ra quyết định đầu tư của chính mình và những khách hàng của mình. Lúc này, AI đóng vai trò như một nhà tư vấn tài chính bằng việc phân tích nhu cầu, dữ liệu giao dịch của khách hàng để tư vấn các quyết định đầu tư. Và đặc biệt là AI sẵn sàng phục vụ bất cứ khi nào khách hàng cần. Ngoài ra, khả năng phân tích khối lượng dữ liệu khổng lồ cho phép

AI có thể phát hiện các giao dịch bất thường, các hành vi gian lận nhanh chóng và chính xác hơn, từ đó phát hiện hành vi gian lận, rửa tiền hay tài trợ khủng bố trong hệ thống tài chính.

3. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết này nhóm tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính, đã tìm hiểu về thực tế việc sử dụng các xu hướng công nghệ hiện nay tại các ngân hàng thương mại cổ phần và tác động của các xu hướng công nghệ tới một số nghiệp vụ tại các ngân hàng.

4. Thực tế việc sử dụng một số xu hướng công nghệ hiện nay tại các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam.

Thứ nhất, e-KYC.

Thông thường, các ngân hàng định danh khách hàng bằng việc gặp mặt trực tiếp và thông qua đối chiếu chứng từ gốc như là chứng minh nhân dân, thẻ căn cước công dân hay hộ chiếu nhưng hiện nay khi sử dụng giải pháp định danh điện tử eKYC, một số ngân hàng thương mại cổ phần như Ngân hàng VPbank, BIDV, Sacombank, MBbank,... đã thực hiện định danh khách hàng bằng phương thức điện tử mà không cần gặp mặt. Nhờ việc chuyển đổi số đang được thực thi mạnh mẽ, các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam đã sớm hợp tác với các công ty công nghệ hàng đầu trên thị trường để nghiên cứu, ứng dụng công nghệ eKYC, hỗ trợ khách hàng đăng ký dịch vụ mà không bị ảnh hưởng bởi rào cản địa lý hay thời gian.

Giải pháp eKYC giúp khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ Digibank của các ngân hàng dễ dàng hơn. Người dùng chỉ cần tải ứng dụng, nhập thông tin và scan giấy tờ tùy thân ngay trên ứng dụng, chụp ảnh khuôn mặt

theo yêu cầu hệ thống để hoàn thành việc đăng ký và trải nghiệm các tiện ích cơ bản trên ứng dụng.

Thứ hai, Blockchain

Trong lĩnh vực ngân hàng, công nghệ Blockchain được các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam sử dụng chủ yếu trong hoạt động tài trợ thương mại, điển hình là các ngân hàng MB, VPbank, Vietcombank,... Ứng dụng Blockchain giúp việc phát hành và thông báo tín dụng thư bằng tiền đồng này được thực hiện thành công trong vòng 27 phút, nhanh hơn rất nhiều so với phương thức truyền thống vốn thường mất từ ba đến năm ngày làm việc. Bên cạnh đó, khi các bên thực hiện giao dịch này việc xuất trình bộ chứng từ trên Contour thay cho việc phải gửi chứng từ giấy qua đường chuyển phát với nhiều công đoạn thủ công, phát sinh nhiều chi phí. Hệ thống Contour đã giúp cho quá trình trao đổi giữa các bên về việc từ chối/chấp nhận bộ chứng từ trở nên thuận tiện và nhanh chóng hơn rất nhiều, giảm thời gian từ lúc xuất trình chứng từ đến khi chấp nhận thanh toán, cũng như tăng hiệu quả vốn lưu động. Nền tảng này cho phép việc trao đổi chứng từ không giấy tờ, tiết kiệm từ năm tới mười ngày so với phương thức giao dịch truyền thống, đồng thời hỗ trợ chia sẻ thông tin và cập nhật trạng thái ngay lập tức. Giải pháp này tiết kiệm thời gian, loại bỏ những hoạt động không hiệu quả, loại bỏ việc lưu trữ giấy tờ thủ công, đồng thời cung cấp không gian lưu trữ trực tuyến.

Bên cạnh đó, nhờ vào công nghệ Blockchain, toàn bộ quá trình tích điểm và đổi quà được lưu trữ, cập nhật tự động trên ứng dụng Digibank của các ngân hàng,

cho phép khách hàng chủ động tra cứu lịch sử tích điểm và thực hiện đổi quà.

Thứ ba, Digital Bank

Trước sự phát triển của công nghệ 4.0, để gia tăng lợi thế cạnh tranh của mình, các ngân hàng thương mại cổ phần xác định Ngân hàng số (Digital Banking) sẽ là công cụ hàng đầu. Điển hình như Vietcombank, TP bank, MBbank,... đã có bước tiên phong trong việc khẳng định hướng đi giao dịch không cần đến ngân hàng (branchless banking). Các ngân hàng thương mại cổ phần hiện nay đã nhanh chóng lồng ghép, ứng dụng các công nghệ hiện đại vào trong các sản phẩm, dịch vụ để đáp ứng nhu cầu, tạo sự tiện lợi tối đa và hạ thấp chi phí giao dịch ngân hàng cho khách hàng.

Với Digital Bank, các nền tảng giao dịch trên Internet Banking và Mobile Banking kết hợp với nhau đã cung cấp trải nghiệm liền mạch, thống nhất cho khách hàng trên các phương tiện điện tử như máy tính (PC/laptop) và thiết bị di động (điện thoại/tablet). Chỉ cần nhập tên đăng nhập và mật khẩu, đồng nhất hạn mức giao dịch, nhận thông báo giao dịch mọi lúc, mọi nơi qua tin nhắn... các giao dịch tài chính của người dùng có thể được đáp ứng chỉ trong vòng 60 giây. Việc ứng dụng công nghệ trong các sản phẩm dịch vụ của ngân hàng giúp cho khách hàng có những trải nghiệm thuận tiện nhất đồng thời nâng cao năng lực cạnh tranh giữa các ngân hàng với nhau.

Thứ tư, AI (Trí tuệ nhân tạo)

Tại các nước có nền công nghệ phát triển, việc sử dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong các hoạt động như đánh giá tín dụng, quản lý rủi ro, phát hiện gian lận, quản lý danh mục đầu tư, kiểm tra

khách hàng, chatbot phục vụ khách hàng,... không còn mới với các ngân hàng. Việc ứng dụng AI trong hoạt động ngân hàng đã giúp các ngân hàng này tiết kiệm được chi phí vận hành, gia tăng hiệu suất hoạt động, giảm thiểu được rủi ro. Ở Việt Nam, một số ngân hàng thương mại cổ phần như Vietcombank, VPbank, MBbank, TPbank, Techcombank, VIB và ACB đang dần áp dụng AI vào một số chức năng như Chatbot, phân tích dữ liệu tự động, bảo mật, quản lý tài sản. Các ngân hàng này đã bắt tay với các công ty về công nghệ xây dựng và phát triển nền tảng chatbot để hỗ trợ và tương tác với khách hàng, chăm sóc khách hàng nhằm mang tới trải nghiệm tốt hơn cho khách hàng mỗi ngày. Hiện tại, AI trở thành một trợ lý ảo có khả năng phản hồi tức thì và gần như chính xác các câu hỏi thường gặp của khách hàng 24/7 ở hầu hết các mảng nghiệp vụ mà khách hàng có nhu cầu hỗ trợ như: Thẻ, cho vay, lãi suất; thông tin ưu đãi, tỉ giá, mạng lưới... Trường hợp khách hàng có yêu cầu hỗ trợ ngoài phạm vi tư vấn của Trợ lý ảo sẽ được chuyển tiếp yêu cầu đến tư vấn viên để tiếp tục hỗ trợ khách hàng xử lý các nghiệp vụ chuyên sâu hơn một cách nhanh chóng, giảm thời gian chờ đợi của khách hàng.

5. Kết luận

Ứng dụng các xu hướng công nghệ số trong hoạt động của ngân hàng giúp các ngân hàng Việt Nam theo kịp với xu thế phát triển của các ngân hàng trên thế giới. Việc ứng dụng các xu hướng công nghệ số đã và đang mang đến cho các ngân hàng thương mại cổ phần ở Việt Nam những lợi thế cạnh tranh, giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Các ngân hàng cần đưa ra chiến lược

phù hợp để ứng dụng các xu hướng công nghệ một cách hiệu quả trong việc thực hiện các nghiệp vụ và trong công tác quản trị ngân hàng./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Lê Huyền Ngọc (2018), Hội thảo Khoa học tương lai của FINTECH và Ngân hàng, phát triển và đổi mới, Tác động của Fintech đối với hoạt động ngân hàng và một số đề xuất để ngân hàng - Fintech cùng hoạt động và phát triển ở Việt Nam.
2. Phạm Thị Mỹ Nay (2024), Tạp chí Ngân hàng, Pháp luật về định danh khách hàng điện tử trong hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.
3. ThS. Phạm Thị Phương Thảo (2023), Tạp chí Công thương, Ứng dụng blockchain trong hoạt động ngân hàng.
4. TS. Nguyễn Văn Thích, ThS. Lữ Hữu Chí (2023), Tạp chí Ngân hàng, Công nghệ Blockchain và sự định hình lại mô hình kinh doanh trong lĩnh vực ngân hàng
5. ThS. Nguyễn Thị Ánh Ngọc, ThS. Nguyễn Thị Diễm (2022), Trí tuệ nhân tạo và các ứng dụng trong lĩnh vực ngân hàng
6. Trang thông tin điện tử Digital FPT (2020), Chuyển đổi số trong ngành dịch vụ tài chính ngân hàng
7. Thanh Di (2020), Trang thông tin điện tử Vnexpress, Vietcombank áp dụng định danh điện tử e-KYC
8. Trang thông tin điện tử ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng số VCB Digibank (2015)
9. Trang thông tin điện tử ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (2020), HSBC Việt Nam và Vietcombank đồng thực hiện giao dịch tín dụng thư nội địa trên nền tảng chuỗi khối đầu tiên tại Việt Nam

ĐO LƯỜNG HÌNH ẢNH ĐIỂM ĐẾN CẦN THƠ TRONG TÂM TRÍ KHÁCH DU LỊCH NỘI ĐỊA

ThS. Phạm Minh Triết - ThS. Ngô Thị Thoại An - ThS. Trần Thị Hồng Cúc
Phân hiệu Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long

Tóm tắt

Việc xây dựng và quản lý hình ảnh điểm đến du lịch một cách chuyên nghiệp và hiệu quả là cơ sở rất quan trọng để thúc đẩy phát triển du lịch và tăng cường uy tín của địa điểm trong lòng du khách. Với 145 quan sát, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để đo lường và đánh giá tác động của các yếu tố hình ảnh thuộc tính và hình ảnh tổng thể của điểm đến trong tâm trí của du khách nội địa tại Cần Thơ. Dựa vào kết quả đo lường, nghiên cứu đưa ra các giải pháp cải thiện hình ảnh điểm đến nhằm thu hút một lượng lớn du khách đến với Cần Thơ trong tương lai.

Từ khóa: Cần Thơ; Hình ảnh điểm đến; Khách du lịch nội địa

Abstract

Building and managing the image of a tourist destination in a professional and effective manner is essential to promote tourism development and enhance the reputation of the location among tourists. With 145 observations, the study utilized descriptive statistical methods to measure and evaluate the impact of image attributes and overall destination imagery in the minds of domestic tourists in Can Tho. Based on the measurement results, the study provides solutions to improve the destination's image to attract a large number of tourists to Can Tho in the future.

Keywords: Can Tho; Destination imagery; Domestic tourists

1. Giới thiệu

Với vị trí địa lý thuận lợi, phong cảnh đẹp hữu tình văn hóa lâu đời và các điểm tham quan đặc sắc, hấp dẫn, Cần Thơ có đủ yếu tố để trở thành điểm đến hàng đầu cho du khách. Cần Thơ đã được tạp chí "Departures" của Mỹ xếp hạng là 1 trong 9 tỉnh có hệ thống kênh và sông ngòi tuyệt vời nhất cho du lịch. Điều này giúp thúc đẩy sự phát triển của ngành du lịch và định hình hình ảnh của Cần Thơ trong tương lai. Theo báo cáo từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Cần Thơ năm 2023, du lịch Cần Thơ đón gần 5,99 triệu lượt khách, tăng 17% so với cùng kỳ năm 2022; trong đó khách lưu trú có gần 2,98 triệu lượt. Khách lưu trú quốc tế đạt khoảng 159.000 lượt. Tổng doanh thu du lịch đạt 5.420 tỉ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2022, mặc dù số lượng du khách đến Cần Thơ tăng, nhưng vẫn chưa tương xứng với tiềm năng du lịch của tỉnh. Để thúc đẩy phát triển mạnh mẽ cho du lịch Cần Thơ và trở thành trung tâm du lịch lớn nhất vùng đồng bằng sông Cửu Long cần nâng cao hình ảnh điểm đến, quảng bá hiệu quả, thu hút du khách và nâng cao năng lực cạnh tranh du lịch.

Để đáp ứng nhu cầu của du khách và phát triển du lịch Cần Thơ, việc nghiên cứu và thu thập thông tin

đánh giá khách quan về hình ảnh điểm đến trong tâm trí du khách là cần thiết. Điều này giúp đánh giá hình ảnh điểm đến của Cần Thơ trong tâm trí du khách nội địa và đề xuất giải pháp cũng như xây dựng mục tiêu phát triển du lịch cho Cần Thơ trong tương lai.

2. Cơ sở lý thuyết và Phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý thuyết

Theo Gunn (1988), hình ảnh điểm đến du lịch là tổng hợp của niềm tin, ý tưởng ấn tượng về điểm đến mà mọi người có được. Crompton (1979) cũng đồng tình với quan điểm trên, cho rằng hình ảnh điểm đến là sự kết hợp của niềm tin, ý tưởng và ấn tượng mà một người có về điểm đến đó. Echtner & Ritchie (2003) cho rằng hình ảnh điểm đến là nhận thức về các thuộc tính riêng biệt của điểm đến và ấn tượng tổng thể về điểm đến đó. Trong nghiên cứu này, hình ảnh điểm đến được hiểu là những nhận thức về các thuộc tính đơn lẻ cũng như suy nghĩ, cảm nhận, ấn tượng tổng thể và toàn diện của du khách về một điểm đến cụ thể.

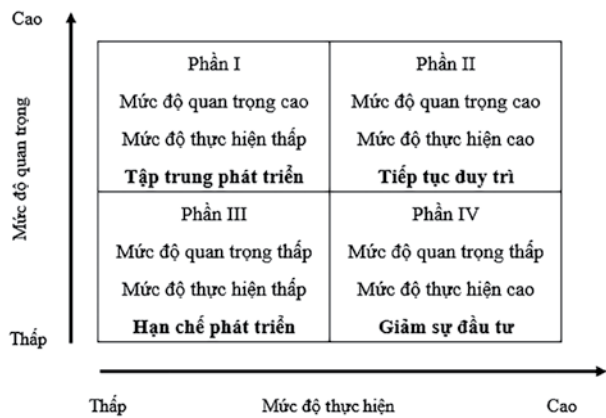
Đo lường hình ảnh điểm đến

Đo lường hình ảnh điểm đến bao gồm cả hai khía cạnh thuộc tính và tổng thể. Mỗi khía cạnh này cần được đo lường thông qua các đặc điểm chức năng

và tâm lý của điểm đến. Trong quá trình đo lường hình ảnh điểm đến, không chỉ cần thu thập thông tin thông thường mà còn cần nắm bắt những đặc điểm độc đáo để phân biệt giữa các điểm đến.

Mô hình IPA bao gồm 3 bước chính: Đầu tiên, các đặc tính của sản phẩm hoặc dịch vụ được xác định thông qua việc tham khảo nghiên cứu trước đó, dựa trên cơ sở lý luận, sử dụng phương pháp thảo luận nhóm hoặc phỏng vấn trực tiếp. Tiếp theo, khách hàng sẽ được hỏi về mức độ quan trọng và mức độ thể hiện của từng đặc tính. Cuối cùng, điểm số giữa mức độ quan trọng và mức độ thể hiện sẽ được tính toán cho từng đặc tính. Kết quả này sẽ được biểu thị trên sơ đồ IPA, với trục tung (Y) đại diện cho mức độ quan trọng và trục hoành (X) đại diện cho mức độ thể hiện.

Hình 1: Mô hình phân tích mức độ quan trọng và thực hiện IPA



Nguồn: Martilla và James, 1977

- Phần 1 (Phát triển tập trung): Các thuộc tính trong phần này được coi là rất quan trọng đối với khách hàng, nhưng mức độ thực hiện của nhà cung ứng dịch vụ lại rất kém.

- Phần 2 (Duy trì và tiếp tục): Các thuộc tính trong phần này được coi là rất quan trọng đối với khách hàng và nhà cung ứng dịch vụ đã có mức độ thể hiện rất tốt.

- Phần 3 (Hạn chế phát triển): Các thuộc tính trong phần này được coi là có mức độ thể hiện thấp và không quan trọng đối với khách hàng.

- Phần 4 (Giảm đầu tư): Các thuộc tính trong phần này được coi là không quan trọng đối với khách hàng, nhưng mức độ thể hiện của nhà cung ứng lại rất tốt.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp thống kê mô tả: Đo lường và đánh giá tác động của các yếu tố hình ảnh thuộc tính

và hình ảnh tổng thể của điểm đến trong tâm trí của du khách nội địa tại Cần Thơ.

Phân tích phương sai một chiều (One-way ANOVA) và kiểm định Welch: Phân tích sự khác biệt trong đánh giá giữa các nhóm khách theo độ tuổi, trình độ học vấn và nghề nghiệp, vùng miền, số lần đến.

Kiểm định Independent-Samples T-Test: So sánh sự đánh giá của các nhóm du khách có giới tính khác nhau, bao gồm: Kiểm định sự đồng nhất phương sai

3. Kết quả

Đánh giá hình ảnh thuộc tính điểm đến Cần Thơ trong tâm trí khách du lịch nội địa

Bảng 1: Đánh giá của du khách về điểm đến Cần Thơ

Các thuộc tính	N	Xếp hạng	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
1. Hấp dẫn về du lịch sông nước	145	1	4,59	0,494
2. Nhiều khu du lịch sinh thái	145	2	4,49	0,668
3. Nhiều làng nghề truyền thống với những sản phẩm độc đáo	145	18	3,34	0,582
4. Nhiều loại hình nghệ thuật dân gian	145	20	3,12	0,692
5. Di tích lịch sử văn hóa, chùa cổ độc đáo	145	5	4,32	0,725
6. Nhiều loại trái cây đặc sản nổi tiếng của địa phương	145	12	3,93	0,788
7. Môi trường sạch sẽ, ít ô nhiễm	145	15	3,83	0,745
8. Thời tiết mát mẻ, dễ chịu	145	17	3,55	0,790
9. Cơ sở lưu trú đạt chất lượng	145	6	4,20	0,641
10. Có nhiều sự lựa chọn về nơi ăn uống	145	11	3,95	0,701
11. Có hệ thống giao thông đi lại thuận tiện	145	7	4,12	0,763
12. Điểm đến dễ tiếp cận	145	8	4,08	0,800
13. Không khí miệt vườn thu hút	145	3	4,40	0,660



Các thuộc tính	N	Xếp hạng	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
14. Môi trường an ninh và an toàn cho du khách	145	10	3,97	0,745
15. Người Cần Thơ hào sảng, hiếu khách	145	4	4,34	0,475
16. Giá cả dịch vụ mua sắm, tham quan hợp lý	145	14	3,84	0,733
17. Dịch vụ hỗ trợ thông tin du lịch sẵn có với nhiều hình thức	145	9	4,00	0,755
18. Đa dạng các địa điểm mua sắm và giải trí	145	19	3,26	0,667
19. Chất lượng dịch vụ tốt	145	16	3,73	0,784
20. Sự trải nghiệm cuộc sống bản địa tại điểm đến hấp dẫn và thu hút	145	13	3,90	0,748

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả năm 2023

Các thuộc tính như "Hấp dẫn du lịch sông nước", "Khu du lịch sinh thái", "Không khí mát mẻ", "Di tích văn hóa" và "Người Cần Thơ hiếu khách" được xếp vào nhóm có đánh giá cao nhất trong số 20 thuộc tính hình ảnh. Trong khi đó, các yếu tố như "Cơ sở lưu trú chất lượng", "Giao thông thuận tiện", "Dễ tiếp cận", "Dịch vụ hỗ trợ du lịch đa dạng", "Môi trường an toàn", "Lựa chọn ẩm thực đa dạng", "Trải nghiệm bản địa hấp dẫn", "Giá cả hợp lý", "Môi trường sạch sẽ", "Dịch vụ chất lượng", "Thời tiết dễ chịu" cũng được du khách đánh giá tích cực.

Về ẩm thực và địa điểm ăn uống, Cần Thơ được đánh giá cao vì là nơi tập trung nhiều món ăn đặc sản nổi tiếng và có đa dạng các hệ thống cơ sở ăn uống từ nhà hàng, quán ăn gia đình, đến quán hàng rong và ăn vặt. Lễ hội Bánh dân gian hàng năm tại Cần Thơ thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến tham dự. Ngoài ra, khách du lịch cũng đến Cần Thơ để khám phá các khu vườn trái cây đa dạng, phong phú với hương vị thơm ngon như dâu da Hạ Châu, sầu riêng, chùm ruột, vú sữa,... tại các vườn trái cây như Mỹ Khánh, Vàm Xáng, Cồn Sơn. Loại hình du lịch này đang nhận được sự quan tâm và phát triển trong tương lai.

Một trong những yếu tố mà du khách nội địa đánh giá thấp là "Môi trường sạch sẽ, ít ô nhiễm" (3,83). Cần Thơ được bao quanh bởi hệ thống sông ngòi

và kênh rạch chằng chịt, tạo ra không gian văn hóa sông nước đặc trưng. Thời tiết cũng là một yếu tố được đa số du khách đồng ý. Cần Thơ có hai mùa rõ rệt là mùa mưa và mùa khô. Mặc dù khí hậu cực đoan đang biến đổi phức tạp, dẫn đến nắng nóng kéo dài và mưa không đều, nhưng không ảnh hưởng nhiều đến các tour du lịch tham quan vườn trái cây, với hoa quả nhiệt đới chủ yếu được thu hoạch từ tháng Năm đến tháng Tám.

Thuộc tính "Dịch vụ hỗ trợ thông tin du lịch đa dạng" cũng được nhiều du khách đồng tình (4,00). Cần Thơ đã triển khai mô hình "Cổng thông tin du lịch và ứng dụng du lịch thông minh trên thiết bị di động" và tổ chức Hội chợ Du lịch quốc tế Việt Nam - VITM Cần Thơ 2023 để quảng bá và giới thiệu sản phẩm du lịch đến doanh nghiệp và du khách trong và ngoài nước. Trong tương lai, cần có nhiều hoạt động truyền thông và hỗ trợ khách du lịch để nâng cao hình ảnh về thông tin du lịch của Cần Thơ.

Các chỉ tiêu như "Nhiều làng nghề truyền thống", "Đa dạng địa điểm mua sắm và giải trí" và "Nhiều loại hình nghệ thuật dân gian" được đánh giá ở mức thấp. Mặc dù Cần Thơ có nhiều điểm giải trí như sân băng, rạp chiếu phim, vũ trường, quán bar, nhưng vẫn thiếu quy mô, số lượng và hiệu quả hoạt động. Thành phố chưa có khu vui chơi giải trí quốc tế và thiếu các điểm mua sắm chuyên phục vụ khách du lịch, dẫn đến doanh thu chưa cao và không xứng tầm với tiềm năng của thành phố.

Nhìn chung, khách du lịch nội địa ở mọi độ tuổi có mức độ đồng ý cao với các thuộc tính hình ảnh của Cần Thơ, nhưng họ chưa có nhu cầu đánh giá cao về hình ảnh của thành phố. Họ quan tâm nhiều đến con người Cần Thơ. Các tour trải nghiệm cuộc sống bản địa tại Cần Thơ đang được phát triển, với sự quan tâm đặc biệt đến văn hóa bản địa và con người địa phương. Du khách sẽ được dẫn đi trải nghiệm sinh hoạt hàng ngày của người dân địa phương, như đạp xe xung quanh làng quê, thăm gia đình ba thế hệ, hoặc tìm hiểu phong tục tập quán của người dân địa phương...

Các thuộc tính du lịch như du lịch sông nước, khu du lịch sinh thái, làng nghề truyền thống và nghệ thuật dân gian đang thu hút sự quan tâm của du khách. Tuy nhiên, nội dung du lịch tại Cần Thơ đang gặp sự trùng lặp với các tỉnh lân cận nên giảm cạnh tranh, ảnh hưởng đến số lượng du khách lưu trú. Nghệ thuật dân gian và làng nghề tại thành phố chưa được khai thác hiệu quả, với nghệ thuật hát bội và các làng nghề không có điều kiện phát triển và kế thừa. Các hoạt động du lịch tại các làng nghề

Bảng 2: Hình ảnh tổng thể của điểm đến Cần Thơ

Loại hình ảnh	Hình ảnh cụ thể	Tỷ lệ (%)
Những đặc điểm hay ấn tượng được gọi lên khi nghĩ về Cần Thơ là một điểm đến du lịch	1. Chợ nổi độc đáo	90
	2. Du lịch miệt vườn sông nước	35
	3. Nhiều khu du lịch sinh thái	34
	4. Nhiều di tích lịch sử	25
	5. Trải nghiệm cuộc sống bản địa	21
	6. Không khí trong lành, mát mẻ	19
	7. Người dân thân thiện, hiếu khách	17
	8. Các món ăn đặc trưng miền sông nước	14
	9. Điểm đến du lịch lý tưởng	14
	10. Trái cây ngon	13
	11. Nhiều sự kiện, lễ hội đặc sắc	12
	12. Khác	5
Hình ảnh tình cảm: Tâm trạng hoặc cảm nghĩ khi đến Cần Thơ	1. Thư giãn	64
	2. Thoải mái	59
	3. Bình yên	50
	4. Hào hứng	38
	5. Vui vẻ	31
	6. Thú vị	30
	7. Tuyệt vời	23
	8. Khác	5
Hình ảnh độc đáo: Những đặc điểm nổi bật ở Cần Thơ	1. Chợ nổi Cái Răng	68
	2. Cầu Cần Thơ	45
	3. Bến Ninh Kiều	41
	4. Vườn cò Bằng Lăng	33
	5. Chùa Ông	19
	6. Nhà cổ Bình Thủy	17
	7. Cầu Tình yêu	17
	8. Khu du lịch Cồn Sơn	15
	9. Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam	14
	10. Khu du lịch Mỹ Khánh	14
	11. Các miệt vườn trái cây	10
	12. Khác	6

(Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả năm 2023)

cũng chưa đa dạng, khiến du khách nội địa khó tiếp cận. Các nhóm du khách đến Cần Thơ lần đầu hoặc quay trở lại không có đánh giá khác biệt đáng kể. Thời gian lưu trú của họ không dài, do không có nhiều điểm mới để tham quan và thu hút họ ở lại.

Đánh giá hình ảnh tổng thể của điểm đến Cần Thơ trong tâm trí khách du lịch nội địa

Với 3 câu hỏi mở được thiết kế để nghiên cứu hình ảnh tổng thể của điểm đến Cần Thơ trong tâm trí khách du lịch nội địa. Kết quả Bảng 2 lần nữa thể hiện hình ảnh của Cần Thơ, với các đặc điểm như du lịch sông nước, khu du lịch sinh thái, di tích lịch sử, trái cây đặc sản, không khí miệt vườn và người dân hiếu khách.

Một hình ảnh được xem là tổng thể mạnh khi có 20% trở lên người liên tưởng đến nó (Pearce, 1988). Theo kết quả thống kê, “Văn hóa chợ nổi”, “Du lịch miệt vườn”, “Di tích lịch sử”, “Khu du lịch sinh thái”, “Người dân thân thiện” là những hình ảnh ấn tượng đối với du khách nội địa tại Cần Thơ. Thành phố có hệ thống sông ngòi phát triển, thuận lợi cho du lịch sông nước (Chợ nổi Cái Răng), cũng như nhiều di tích quốc gia (Mộ Thủ khoa Bùi Hữu Nghĩa) và du lịch cộng đồng ở Cồn Sơn. Do đó, trong tâm trí khách du lịch phần nào hiện hữu những hình ảnh bình dị của miền quê sông nước, các ghe trái cây của chợ nổi và cuộc sống bản địa hấp dẫn.

Tuy nhiên, ngoài những điểm tích cực, cũng có những vấn đề tiêu cực được du khách nhắc đến như sự thiếu “đa dạng địa điểm mua sắm và giải trí” cũng như “chất lượng dịch vụ” yếu về nguồn nhân lực và đào tạo. Sự chênh lệch trong trình độ và kỹ năng của lực lượng lao động giữa các đơn vị





dẫn đến thiếu hụt nguồn nhân lực cho ngành du lịch ở Cần Thơ. Thêm vào đó, thành phố chưa có nhiều điểm giải trí lớn và hoạt động không hiệu quả, dẫn đến doanh thu khiêm tốn và không xứng tầm với tiềm năng của vùng. Trong tương lai, cần có sự đầu tư, nâng cấp và phát triển thương hiệu du lịch của Cần Thơ.

Với câu hỏi thứ hai về tâm trạng của du khách khi nghỉ đến Cần Thơ, một số yếu tố như “Thư giãn” (64%), “Thoải mái” (59%), “Bình yên” (50%), “Hào hứng” (38%), “Vui vẻ” (31%), “Thú vị” (30%), “Tuyệt vời” (23%) được đề cập. Hình ảnh bình dị của làng quê sông nước kết hợp với nét hiện đại của đô thị giúp du khách cảm nhận được sự thư giãn, thoải mái khi nghỉ dưỡng và tham quan. Đồng thời, họ cảm thấy hào hứng để khám phá những địa điểm du lịch độc đáo, tuyệt vời của Thành phố Cần Thơ cả ngày lẫn đêm.

Cuối cùng, khi được hỏi về những nét độc đáo của điểm đến Cần Thơ, câu trả lời được lặp lại nhiều nhất là “Chợ nổi Cái Răng”, “Cầu Cần Thơ”, “Bến Ninh Kiều”, “Vườn cò Bằng Lăng”, “Chùa Ông”, “Nhà cổ Bình Thủy”, “Cầu Tình yêu”, “Khu du lịch Cồn Sơn”, “Thiền viện Trúc Lâm Phương Nam”, “Khu du lịch Mỹ Khánh” và “Các miệt vườn trái cây”. Cần Thơ thực sự xứng đáng với danh hiệu xứ Tây Đô với con người chân phương và cảnh sắc miền sông nước bình dị nhưng cuốn hút.

Đánh giá theo mô hình IPA

Theo phương pháp IPA, việc xác định gốc tọa độ trên mô hình vẫn gây tranh cãi, và nó nên được xác định dựa trên mục tiêu của nhà nghiên cứu. Do đó, trong nghiên cứu này, gốc tọa độ đã được xác định là mean = 4,00 cho cả trục X và Y.

Bảng 3: So sánh giữa mức độ quan trọng và mức độ thực hiện

TT	Các thuộc tính	Mức độ quan trọng	Mức độ thực hiện	Chênh lệch (P-I)	Giá trị P
1	Hấp dẫn về du lịch sông nước	4,21	4,59	+0,37	0,001
2	Nhiều khu du lịch sinh thái	4,23	4,49	+0,26	0,001
3	Nhiều làng nghề truyền thống với những sản phẩm độc đáo	3,37	3,34	-0,03	0,001
4	Nhiều loại hình nghệ thuật dân gian	3,39	3,12	-0,28	0,001
5	Di tích lịch sử văn hóa , chùa cổ độc đáo	3,90	4,32	+0,43	0,001
6	Nhiều loại trái cây đặc sản nổi tiếng của địa phương	3,83	3,93	+0,10	0,001
7	Môi trường sạch sẽ, ít ô nhiễm	3,78	3,83	+0,06	0,001
8	Thời tiết mát mẻ, dễ chịu	3,81	3,55	-0,26	0,001
9	Cơ sở lưu trú đạt chất lượng	4,28	4,20	-0,08	0,001
10	Có nhiều sự lựa chọn về nơi ăn uống	4,26	3,95	-0,31	0,001
11	Có hệ thống giao thông đi lại thuận tiện	4,05	4,12	+0,08	0,001
12	Điểm đến dễ tiếp cận	4,38	4,08	-0,30	0,001
13	Không khí miệt vườn thu hút	4,32	4,40	+0,08	0,001
14	Môi trường an ninh và an toàn cho du khách	4,12	3,97	-0,15	0,001
15	Người Cần Thơ hào sảng, hiếu khách	4,03	4,34	+0,30	0,001
16	Giá cả dịch vụ mua sắm, tham quan hợp lý	4,01	3,84	-0,17	0,001
17	Dịch vụ hỗ trợ thông tin du lịch sẵn có với nhiều hình thức	4,25	4,00	-0,25	0,001
18	Đa dạng các địa điểm mua sắm và giải trí	4,00	3,26	-0,74	0,001
19	Chất lượng dịch vụ tốt	4,30	3,73	-0,57	0,001
20	Sự trải nghiệm cuộc sống bản địa tại điểm đến hấp dẫn và thu hút	4,07	3,90	-0,17	0,001

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu của tác giả năm 2023

Nhóm 1: Tập trung phát triển (mức độ quan trọng $\geq 4,00$; mức độ thể hiện $< 4,00$) là nhóm mà các nhà quản lý điểm đến cần xem xét và quan tâm ngay lập tức. Có 06 thuộc tính cần được cải thiện trong nhóm này, bao gồm: “Có nhiều sự lựa chọn về nơi ăn uống” (10), “Môi trường an ninh và an toàn cho du khách” (14), “Giá cả dịch vụ mua sắm, tham quan hợp lý” (16), “Đa dạng các địa điểm mua sắm và giải trí” (18), “Chất lượng dịch vụ tốt” (19), “Sự trải nghiệm du lịch tại điểm đến hấp dẫn và thu hút” (20).

Nhóm 2: Tiếp tục duy trì (mức độ quan trọng $\geq 4,00$; mức độ thể hiện $\geq 4,00$) bao gồm các thuộc tính rất quan trọng và được thực hiện tốt, như: “Hấp dẫn về du lịch sông nước” (1), “Nhiều khu du lịch sinh thái” (2), “Có nhiều sự lựa chọn về nơi lưu trú” (9), “Có hệ thống giao thông đi lại thuận tiện” (11), “Điểm đến dễ tiếp cận” (12), “Không khí miệt vườn thu hút” (13), “Người Cần Thơ hào sảng, hiếu khách” (15), “Dịch vụ hỗ trợ thông tin du lịch sẵn có với nhiều hình thức” (17).

Nhóm 3: Hạn chế phát triển (mức độ quan trọng $< 4,00$; mức độ thể hiện $\geq 4,00$) bao gồm chỉ 01 thuộc tính không quan trọng nhưng được thực hiện tốt, đó là “Di tích lịch sử văn hóa độc đáo” (5).

Nhóm 4: Giảm sự đầu tư (mức độ quan trọng $< 4,00$; mức độ thể hiện $< 4,00$) cho thấy các thuộc tính trong nhóm này không quan trọng và chưa được thực hiện tốt. Vì vậy, không cần nỗ lực cải thiện ngay lập tức các thuộc tính trong nhóm này, bao gồm: “Nhiều làng nghề truyền thống với những sản phẩm độc đáo” (3), “Nhiều loại hình nghệ thuật dân gian” (4), “Nhiều loại trái cây đặc sản nổi tiếng của địa phương” (6), “Môi trường sạch sẽ, ít ô nhiễm” (7), “Thời tiết mát mẻ, dễ chịu” (8).

4. Kết luận và giải pháp

Kết quả cho thấy hình ảnh tổng thể của điểm đến Cần Thơ trong tâm trí du khách là một điểm đến lý tưởng với vẻ đẹp bình dị của làng quê sông nước, các khu du lịch sinh thái và khu vườn trái cây phong phú, cùng với những giá trị văn hóa và lịch sử độc đáo đã tạo nên điểm nhấn cho thành phố. Các điểm đặc trưng như Chợ nổi Cái Răng, cầu Cần Thơ, bến Ninh Kiều, vườn cò Bằng Lăng, chùa Ông, nhà cổ Bình Thủy,... được nhiều du khách coi là đặc biệt nhất.

Du khách đánh giá cao các hình ảnh thuộc tính liên quan đến du lịch sông nước, du lịch sinh thái, khu vườn trái cây và di tích lịch sử, cũng như sự thuận tiện của điểm đến. Ngược lại, hình ảnh thuộc tính liên quan đến dịch vụ, điểm mua sắm, giải trí, cơ sở hạ tầng du lịch, sản phẩm làng nghề, và các loại hình nghệ thuật dân gian lại nhận được đánh giá thấp hơn. Đồng thời, các hình ảnh thuộc tính mà du khách coi là quan trọng như sự đa dạng của các địa điểm mua sắm, giải trí cũng không được đánh giá cao khi xem xét về mức độ thể hiện.

Du lịch Cần Thơ vẫn chưa có chính sách quảng bá hình ảnh điểm đến hiệu quả, dẫn đến sự mơ hồ hoặc nhầm lẫn của một số du khách. Hơn nữa, ngành du lịch cũng gặp hạn chế trong việc cung cấp dịch vụ, khiến cho Cần Thơ chưa thực sự để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng du khách. Trong thời gian tới, ngành du lịch Cần Thơ cần tập trung vào một số giải pháp sau:

Thứ nhất, tăng cường và cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng du lịch bằng việc tiếp tục đầu tư và nâng cấp các phương tiện giao thông quan trọng như hàng không, đường thủy, đường bộ, đường sắt, và các tuyến kết nối giữa các điểm du lịch để tạo điều kiện thuận lợi cho du khách. Đồng thời, cần đầu tư xây dựng và hoàn thiện các hạng mục còn thiếu, nâng cấp cơ sở vật chất của phòng nghỉ và nhà hàng. Cần quy hoạch và xây dựng các cơ sở dịch vụ như nhà hàng, khu vui chơi giải trí, mua sắm, và dịch vụ văn hóa một cách hợp lý trên toàn bộ địa bàn Tỉnh.

Thứ hai, đa dạng hóa các sản phẩm du lịch bằng cách khai thác triệt để các tiềm năng có sẵn. Ngoài du lịch sinh thái, Cần Thơ

cần mở rộng ra các loại hình du lịch khác như du lịch văn hóa tâm linh, du lịch khoa học, du lịch thể thao, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, chữa bệnh, làm đẹp, và nhiều hơn nữa.

Thứ ba, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ phục vụ du khách bằng cách liên tục đầu tư và nâng cấp cơ sở lưu trú, cải thiện trang thiết bị nội thất, và cung cấp đầy đủ dịch vụ bổ sung cho khách du lịch. Cần tập trung vào việc đào tạo kỹ năng cho nhân viên phục vụ, nâng cao chất lượng nhà hàng, đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm, và đa dạng hóa thực đơn theo đặc trưng vùng miền sông nước. Khuyến khích phát triển các loại hình phương tiện giao thông phục vụ du khách, đặc biệt là xe điện tour để giảm ô nhiễm môi trường./.

Tài liệu tham khảo

1. Crompton, J. L. (1979). Motivations for pleasure vacation. *Annals of tourism research*, 6(4), 408-424.
 2. Echtner, C. M., & Ritchie, J. B. (2003). The meaning and measurement of destination image: [Reprint of original article published in v. 2, no. 2, 1991: 2-12.]. *Journal of tourism studies*, 14(1), 37-48.
 3. Gunn, C. A. (1988). *Vacation-scape: Designing tourist regions* (p. 208pp).
 4. Kotler, P., & Gertner, D. (2002). Country as brand, product, and beyond: A place marketing and brand management perspective. *Journal of brand management*, 9, 249-261.
 5. Martilla, J. A., & James, J. C. (1977). Importance-performance analysis. *Journal of marketing*, 41(1), 77-79.
 6. O'Leary, S., & Deegan, J. (2005). Ireland's image as a tourism destination in France: Attribute importance and performance. *Journal of travel research*, 43(3), 247-256.
- Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch Cần Thơ (2023). Báo cáo công tác văn hóa, thể thao và du lịch năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2024.



ĐÁNH GIÁ KHẢ NĂNG AN TOÀN TÀI CHÍNH THEO KHÍA CẠNH DÒNG TIỀN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP LOGISTICS NIÊM YẾT TRÊN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

ThS. Trần Thu Hằng
Đại học Công nghệ Đông Á

Tóm tắt: Xét cả ở tầm vi mô và vĩ mô thì thông tin về dòng tiền thuần (lưu chuyển tiền thuần) hữu ích cho các chủ thể quản lý hơn rất nhiều so với thông tin về dòng vốn hay dòng thu nhập, kể cả dòng lợi nhuận, bởi lẽ dòng tiền thuần là có thật còn các dòng vốn, doanh thu... lợi nhuận đôi khi chỉ tồn tại trên danh nghĩa do sự nhào nặn hay nghệ thuật quản lý và ngay cả giá trị ghi sổ được phản ánh theo các nghiệp vụ kế toán. Nghiên cứu nhằm phân tích khái quát dòng tiền thuần từ đó đánh giá khả năng an toàn tài chính của các doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2019 - 2023.

Từ khóa: logistics, doanh nghiệp logistics niêm yết, dòng tiền thuần, lưu chuyển tiền thuần.

1. Cơ sở lý thuyết

Lưu chuyển tiền thuần: Là dòng tiền chênh lệch giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra của doanh nghiệp phát sinh trong một kỳ hoạt động. Trong đó:

- Dòng tiền ra: Là dòng tiền phát sinh đi ra khỏi doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Ví dụ: Các khoản chi tiêu tiền của doanh nghiệp để đầu tư mua sắm tài sản, để thanh toán các khoản tiền mua nguyên vật liệu, trả lương, nộp thuế, nộp bảo hiểm mua dịch vụ bên ngoài cung cấp, trả nợ vay,...

- Dòng tiền vào: Là dòng tiền phát sinh đi vào doanh nghiệp trong quá trình hoạt động. Ví dụ: Các khoản tiền thu được từ bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, đi vay vốn, phát hành cổ phiếu, thanh lý tài sản, rút vốn đầu tư...

Lưu chuyển tiền thuần của doanh nghiệp gồm:

- Lưu chuyển tiền thuần (LCTT) từ hoạt động kinh doanh (HĐKD) là sự chênh lệch giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra từ hoạt động kinh doanh, công thức như sau:

LCTT từ HĐKD = Dòng tiền vào từ HĐKD - Dòng tiền ra từ HĐKD

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (HĐĐT) là sự chênh lệch giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra từ hoạt động đầu tư, công thức như sau:

LCTT từ HĐĐT = Dòng tiền vào từ HĐĐT - Dòng tiền ra từ HĐĐT

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (HĐTC) là sự chênh lệch giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra từ hoạt động tài chính, công thức như sau:

LCTT từ HĐTC = Dòng tiền vào từ HĐTC - Dòng tiền ra từ HĐTC

Như vậy:

$$\text{LCTT của doanh nghiệp} = \text{LCTT từ HĐKD} + \text{LCTT từ HĐĐT} + \text{LCTT từ HĐTC}$$

Mỗi doanh nghiệp khi xem xét LCTT trong kỳ có thể xảy ra một trong các trường hợp sau [4]:

Bảng 1: Tổng hợp đánh giá dòng tiền

Các trường hợp	1	2	3	4	5	6	7	8
1. LCTT từ HĐKD	+	+	+	+	-	-	-	-
2. LCTT từ HĐĐT	+	+	-	-	+	+	-	-
3. LCTT từ HĐTC	+	-	+	-	+	-	+	-
LCTT trong kỳ	+	?	?	?	?	?	?	-

Nguồn: Ngô Thế Chi, 2015.

Chú giải:
Dấu (+) là dòng tiền dương (thu > chi).
Dấu (-) là dòng tiền âm (thu < chi).
Dấu (?) là có thể xảy ra 1 trong 3 trường hợp ≥ 0 hoặc < 0 .
Ở mỗi trường hợp cụ thể của bảng trên, việc xét đoán trị số của chỉ tiêu này là khác nhau, nhưng có thể đưa ra những đánh giá ban đầu như sau:

Thứ nhất: Về tổng thể, lưu chuyển tiền thuần của doanh nghiệp nếu dương không thể khiến đơn vị gặp nguy hiểm ngay, còn nếu âm là dấu hiệu không bình thường đã xuất hiện.
Thứ hai: Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD dương sẽ kiến tạo bình yên cho doanh nghiệp, nếu dòng tiền này âm là đang có sự bất ổn trong kinh doanh, là dấu hiệu cảnh báo tình hình an toàn tài chính.

Mối quan hệ giữa LCTT từ các hoạt động:
Hoạt động kinh doanh phải là hoạt động tạo ra tiền để thông qua đó doanh nghiệp có thể bù đắp những chi phí hoạt động thường xuyên, chi phí đầu tư tài sản cố định và có được lợi nhuận. Tiền tạo được từ hoạt động kinh doanh được dùng để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản vay, chi trả cổ tức và mở rộng đầu tư, hay nói cách khác LCTT từ HĐKD sẽ cung cấp tiền chi cho các dòng lưu chuyển tiền của hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính. Ngược lại, nếu lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh thiếu (âm), doanh nghiệp có thể huy động dòng tiền vào từ hoạt động tài chính như đi vay, huy động thêm vốn góp của chủ sở hữu hoặc không chia lợi nhuận cho chủ sở hữu, để tài trợ cho tiền thiếu từ hoạt động

kinh doanh. Trong một số trường hợp việc thu hẹp đầu tư bằng cách bán bớt các tài sản dài hạn cũng tạo ra một dòng tiền vào từ hoạt động đầu tư để đáp ứng nhu cầu chi trả các khoản nợ đến hạn hoặc bù đắp phần tiền thiếu từ hoạt động kinh doanh (khi LCTT từ HĐKD âm).
LCTT từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế:
Giữa LCTT từ HĐKD và lợi nhuận sau thuế có sự khác biệt. Thước đo khả năng thanh toán của doanh nghiệp không thể là lợi nhuận sau thuế mà phải là LCTT từ HĐKD. Một doanh nghiệp có thể có lợi nhuận cao nhưng vẫn gặp khó khăn về khả năng thanh toán khi lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD âm, có nghĩa là tiền thu vào từ HĐKD không đủ chi cho hoạt động kinh doanh, điều này thường do nguyên nhân của sự gia tăng

Bảng 2.1: Đánh giá dòng tiền của doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX

TT	Mã CK	Năm 2023				Năm 2021				Năm 2019			
		LCTT từ HĐKD	LCTT từ HĐĐT	LCTT từ HĐTC	Tổng LCTT	LCTT từ HĐKD	LCTT từ HĐĐT	LCTT từ HĐTC	Tổng LCTT	LCTT từ HĐKD	LCTT từ HĐĐT	LCTT từ HĐTC	Tổng LCTT
1	CAG	+	+	-	+	+	+	-	+	+	-	-	-
2	CDN	+	-	-	+	+	-	-	+	+	-	-	-
3	DS3	-	+	+	+	+	+	-	+	+	-	-	+
4	DXP	+	-	+	+	+	-	0	+	+	-	0	-
5	HMH	+	-	-	+	+	+	-	+	+	+	-	+
6	NAP	+	-	+	+	+	-	-	-	+	-	-	+
7	PCT	+	-	+	+	-	+	+	-	-	+	0	-
8	PJC	+	-	-	+	+	+	-	+	+	-	+	+
9	PRC	-	+	-	-	+	+	-	+	+	-	-	+
10	PTS	+	-	-	-	+	-	-	+	+	+	-	+
11	TJC	-	-	-	-	+	-	+	-	+	+	-	+
12	VGP	+	-	-	-	-	+	+	-	-	-	+	+
13	VMS	+	+	-	+	-	+	-	-	+	-	-	-
14	VNF	-	-	-	-	-	-	+	+	+	+	+	+
15	VNT	+	+	-	-	+	-	+	+	+	+	-	+
16	VSA	-	+	-	-	+	+	-	+	-	+	-	+
17	VSM	+	-	-	+	+	-	-	+	+	-	+	-

(Nguồn: Tổng hợp BCTC các công ty niêm yết)

quá lớn nhu cầu vốn lưu động. Ngược lại, một doanh nghiệp có thể bị lỗ nhưng lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD lớn vẫn có khả năng thanh toán tốt, doanh nghiệp vẫn có khả năng trả được các khoản nợ vay, đảm bảo an toàn tài chính hoặc có khả năng mở rộng đầu tư.

2. Thực trạng dòng tiền của các doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam

Nghiên cứu được thực hiện trên mẫu gồm 39 doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng Việt Nam trong giai đoạn 2019 - 2023, trong đó có 17 doanh nghiệp niêm yết tại sàn HNX và 22 doanh nghiệp niêm yết tại sàn HOSE.

2.1. Đánh giá dòng tiền từ các hoạt động

Đối với các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX (bảng 2.1)

Năm 2019 là năm nền kinh tế Việt Nam bắt đầu chịu ảnh hưởng bởi những tác động của đại dịch Covid-19, tuy nhiên mức độ ảnh hưởng này đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp logistics là chưa lớn. Điều này được biểu hiện cụ thể là LCTT từ HĐKD của phần lớn các doanh nghiệp vẫn ở trạng thái dương (chiếm 82,4%), trong đó có một số doanh nghiệp logistics có LCTT từ HĐĐT âm, HĐTC âm và tổng LCTT dương, nghĩa là các doanh nghiệp này đang mở rộng hoạt động đầu tư vào cả bên trong và ra bên ngoài doanh nghiệp nhưng vẫn đảm bảo khả năng thanh toán như: DS3, NAP, PRC.

Năm 2021 nền kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi những tác động của đại dịch Covid 19, tuy nhiên dòng tiền của các doanh nghiệp logistics vẫn tương đối ổn định. Biểu hiện cụ thể là có tới 76,5% doanh nghiệp

có LCTT từ HĐKD dương, trong đó một số doanh nghiệp có khả năng thanh toán được đảm bảo như: CDN, PTS, VSM.

Giai đoạn 2022 - 2023 nền kinh tế Việt Nam phục hồi sau đại dịch Covid 19. So với các năm 2019 và 2021 thì năm 2023 dòng tiền của các doanh nghiệp logistics có xu hướng âm nhiều hơn ở cả 3 hoạt động HĐKD, HĐĐT và HĐTC, điều này cho thấy ở giai đoạn này các doanh nghiệp có xu hướng mở rộng đầu tư. Một số doanh nghiệp có trạng thái dòng tiền tốt như: CDN, HMM, PJC, VSM. Tuy nhiên cũng có một số doanh nghiệp khác cần lưu ý về tình hình tài chính, khả năng thanh toán bởi trạng thái tổng LCTT âm như PRC, TJC, VNF, VSA.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2019 - 2023, phần lớn các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX có sự kiểm soát quá trình vận động của dòng tiền hiệu quả, không có doanh nghiệp nào có LCTT từ HĐKD bị âm liên trong nhiều năm.

Đối với các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HOSE (Bảng 2.2)

Năm 2019, mặc dù trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam bắt đầu chịu ảnh hưởng bởi những tác động của đại dịch Covid-19 nhưng có đến 95,5% doanh nghiệp logistics niêm yết có LCTT từ HĐKD dương và các doanh nghiệp này hầu hết vẫn có hoạt động đầu tư nâng cao năng lực hoạt động (90,9% doanh nghiệp có LCTT từ HĐĐT âm) và đầu tư tài chính ra bên ngoài (77,3% doanh nghiệp có LCTT từ HĐTC âm). Duy nhất có VJC có sử dụng nguồn tài trợ bên ngoài để tài trợ cho hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư.

Năm 2021 có 86,4% doanh nghiệp logistics có LCTT từ HĐKD dương, tuy nhiên các doanh nghiệp

này cũng phải chịu sự ảnh hưởng bởi diễn biến căng thẳng của đại dịch Covid-19. Biểu hiện có 27,3% doanh nghiệp giảm quy mô sản xuất (LCTT từ HĐĐT dương) và 36,4% sử dụng nguồn tài trợ từ bên ngoài (LCTT từ HĐTC dương) để ổn định hoạt động kinh doanh. Trong đó, VJC vẫn sử dụng nguồn tài trợ bên ngoài để tài trợ cho hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư nhưng nguồn này vẫn không đáp ứng được nhu cầu sử dụng tiền của doanh nghiệp.

Năm 2023 có 81,8% doanh nghiệp logistics có LCTT từ HĐKD dương (giảm 4,6% so với năm 2021), 45,5% doanh nghiệp logistics có LCTT từ HĐĐT dương (tăng 8,2% so với năm 2021) và 22,7% doanh nghiệp logistics có LCTT từ HĐTC dương (giảm 4,6% so với năm 2021). Kết quả này cho thấy, các doanh nghiệp logistics đang có xu hướng thu hẹp đầu tư để bù đắp phần tiền thiếu hụt từ HĐKD hoặc đó là biểu hiện của quá trình cơ cấu lại nguồn vốn của doanh nghiệp. Năm 2023, VJC vẫn sử dụng nguồn tài trợ bên ngoài để tài trợ cho hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư, khác với năm 2021 nguồn tài trợ này hiện tại đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng tiền của doanh nghiệp.

Nhìn chung, trong giai đoạn 2019 - 2023, sự luân chuyển dòng tiền từ các hoạt động của các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HOSE là tương đối hiệu quả, đã góp phần đảm bảo an toàn tài chính cho các doanh nghiệp này.

2.2. Đánh giá biến động lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh

Đối với các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX

Qua biểu đồ 2.1 cho thấy trong giai đoạn 2019 - 2023, có 11/17

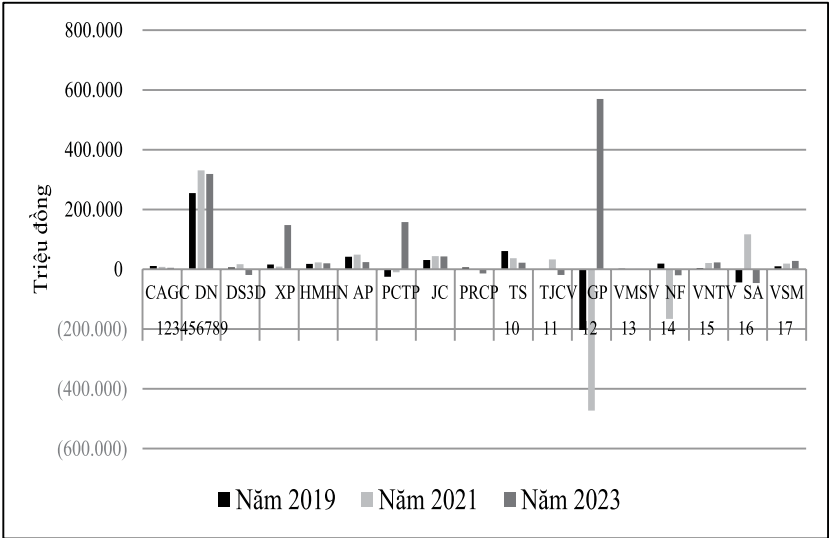
Bảng 2.2: Đánh giá dòng tiền của doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HOSE

TT	Mã CK	Năm 2023				Năm 2021				Năm 2019			
		LCTT từ HĐKD	LCTT từ HĐĐT	LCTT từ HĐTC	Tổng LCTT	LCTT từ HĐKD	LCTT từ HĐĐT	LCTT từ HĐTC	Tổng LCTT	LCTT từ HĐKD	LCTT từ HĐĐT	LCTT từ HĐTC	Tổng LCTT
1	CLL	+	+	-	+	+	+	-	+	+	-	-	-
2	DVP	+	-	-	-	+	-	-	+	+	-	-	-
3	GMD	-	+	-	+	+	-	-	+	+	-	-	+
4	GSP	+	+	-	+	+	-	+	+	+	-	+	+
5	HAH	+	-	+	-	+	-	+	+	+	-	+	-
6	HTV	-	+	-	-	+	-	-	-	+	-	-	-
7	MHC	+	+	-	-	-	-	+	+	+	-	-	+
8	NCT	+	-	-	+	+	-	-	+	+	-	-	+
9	PDN	+	-	-	-	+	-	-	+	+	-	-	+
10	PJT	+	+	-	+	+	-	+	-	+	-	+	-
11	PVT	+	-	+	-	+	-	+	-	+	-	+	-
12	SCS	+	+	-	+	+	-	-	+	+	-	-	+
13	SFI	+	+	-	+	+	+	-	+	+	-	-	+
14	SGN	+	-	-	+	+	+	-	+	+	-	-	-
15	STG	+	+	-	+	+	-	-	+	+	+	-	+
16	TCL	+	-	-	-	-	+	-	-	+	-	-	+
17	TMS	-	-	+	-	+	-	+	+	+	-	-	-
18	VIP	+	-	-	-	+	-	-	-	+	-	-	-
19	VJC	-	-	+	+	-	-	+	-	-	-	+	-
20	VOS	+	-	-	+	+	+	-	+	+	+	-	-
21	VSC	+	-	+	+	+	-	+	+	+	-	-	+
22	VTO	+	+	-	+	+	+	-	+	+	-	-	+

Nguồn: Tổng hợp BCTC các công ty niêm yết

doanh nghiệp logistics niêm yết (chiếm 74,7%) có LCTT từ HĐKD tương đối ổn định qua các năm, đặc biệt CDN có LCTT từ HĐKD dương được duy trì ở quy mô lớn. Trong số còn lại 6/17 doanh nghiệp logistics có sự biến động lớn LCTT từ HĐKD thì có 3 doanh nghiệp có sự tăng trưởng vượt bậc LCTT từ HĐKD ở năm 2023, khi nền kinh tế được phục hồi sau suy thoái do ảnh hưởng của đại dịch Covid 19, cụ thể DXP tăng 1.521,7%, PCT tăng 1.677,4%, VGP tăng 220,3%. Kết quả này phản ánh tình hình tài chính của các doanh nghiệp này là an toàn, khả năng thanh toán các khoản nợ từ nội lực của doanh nghiệp được đảm bảo.

Biểu đồ 2.1: LCTT từ HĐKD của doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX



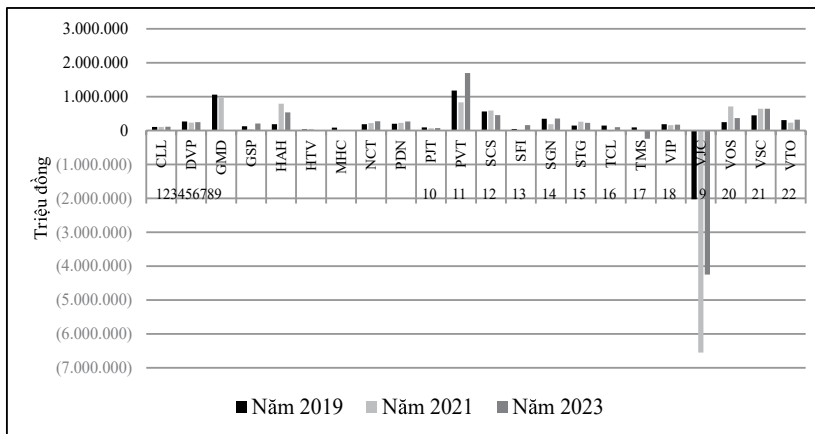
Nguồn: Tổng hợp BCTC các công ty niêm yết

Xét trên tổng thể ngành, dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HNX là tương đối lành mạnh, phần lớn các doanh nghiệp đã cố gắng duy trì được trạng thái LCTT dương ngay cả khi nền kinh tế bị khủng hoảng bởi những tác động của đại dịch Covid-19.

Đối với các doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HOSE

Qua biểu đồ 2.2 cho thấy, trong giai đoạn 2019 - 2023, hầu hết các doanh nghiệp logistics niêm yết đều có sự tăng trưởng LCTT từ HĐKD qua các năm, trong đó điển hình 6/22 doanh nghiệp duy trì LCTT từ HĐKD dương với quy mô lớn đạt mức trên 300 tỷ đồng, bao gồm: GMD, HAH, PVT, SCS, VOS, VSC. Duy nhất có VJC có LCTT từ HĐKD duy trì ở trạng thái âm liên tục từ năm 2019 đến năm 2023, kết quả này làm tăng nguy cơ mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp.

Biểu đồ 2.2: LCTT từ HĐKD của doanh nghiệp logistics niêm yết trên sàn HOSE



Nguồn: Tổng hợp BCTC các công ty niêm yết

3. Kết luận

Qua phân tích lưu chuyển tiền thuần của các doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2019 - 2023 cho thấy, nhìn chung các doanh nghiệp đều có tổng lưu chuyển tiền thuần ở trạng thái an toàn tài chính, có thể đảm bảo khả năng thanh toán toàn bộ hoặc một phần các khoản nợ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh, ngay cả khi nền kinh tế trong nước khủng hoảng do tác động của đại dịch Covid-19. Kết quả này là tiền đề quan trọng để các doanh nghiệp thuộc nhóm ngành mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh hay tăng lợi nhuận trong tương lai./.

Tài liệu tham khảo:

- [1]. Các doanh nghiệp logistics niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam (2019 - 2023), *Báo cáo tài chính*.
- [2]. Bùi Văn Vần (2015), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
- [3]. Ngô Kim Phượng, Lê Hoàng Vinh (2021), *Phân tích Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.
- [4]. Ngô Thế Chi, Nguyễn Trọng Cơ (2015), *Phân tích Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

Hoa Kỳ với những chính sách thương mại tăng cường quan hệ đối tác

Sau khi các biện pháp phong tỏa và giãn cách xã hội do tác động của đại dịch Covid-19 được gỡ bỏ, Hoa Kỳ đã tích cực triển khai thực hiện một số chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế. Nhờ đó, năm 2023, kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng mạnh trong bối cảnh lạm phát, lãi suất tăng và lo ngại về suy thoái. Giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế thế giới, những thay đổi khả quan của Hoa Kỳ được cho là sẽ có tác động nhất định tới nền kinh tế toàn cầu và ảnh hưởng không nhỏ đến các nước trên thế giới.

Trong lĩnh vực tài chính, cơ chế điều hành chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ liên bang (FED) và chính sách tài khóa của chính quyền đã có những điều chỉnh mang lại tác động tích cực tới lạm phát và những mục tiêu xã hội của Hoa Kỳ. Theo Báo cáo Phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương, năm 2023, chính sách thương mại của Hoa Kỳ tập trung vào những mục tiêu: Thúc đẩy chính sách thương mại lấy người lao động làm trung tâm; tái điều chỉnh quan hệ thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc; hợp tác với các đối tác thương mại chính và các tổ chức đa phương; và thúc đẩy phát triển thương mại công bằng. Trên cơ sở những mục tiêu này, nền kinh tế Hoa Kỳ đã tăng trưởng vượt kỳ vọng trong năm 2023, chủ yếu đến từ chi tiêu mạnh mẽ trong nước và đầu tư công nghiệp phục hồi nhờ các đạo luật mới.

Theo đó, chính sách thương mại lấy người lao động làm trung tâm chủ yếu tập trung vào người lao động, đặc biệt là thông qua việc thực thi hiệu quả Thỏa thuận Hoa Kỳ - Mexico - Canada (USMCA) với các điều khoản lao động mạnh mẽ nhất trong bất kỳ hiệp định thương mại nào từ trước đến nay. Bên cạnh đó,



HIỆU QUẢ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ KHU VỰC

Minh Huyền

Những năm gần đây, diễn biến sụt giảm của thương mại toàn cầu do ảnh hưởng từ các biến cố lớn như đại dịch, chiến tranh, xung đột... đã khiến một số nền kinh tế lớn và khu vực phải điều chỉnh chính sách thương mại nhằm tìm kiếm sự bình ổn và phục hồi.

Hoa Kỳ cũng đạt được nhiều thành tựu từ chính sách thương mại trong các Hiệp định thương mại (FTA) với nhiều quốc gia khác như Đài Loan, Nhật Bản, Ấn Độ, Liên minh châu Âu (EU) và các nước châu Phi.

Đối với những chính sách thương mại phục vụ cho quan hệ ngoại giao khác, Hoa Kỳ đã tăng cường các mối quan hệ đối tác đã và đang có cũng như tạo dựng quan hệ hợp tác mới, giúp Hoa Kỳ củng cố chuỗi cung ứng và tăng cường khả năng phục hồi nền kinh tế, trong đó phải nhắc đến việc nâng quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện với Việt Nam. Trong vai trò chủ tịch APEC năm 2023, thành công của Hoa Kỳ với mục tiêu chính “Kết nối và xây dựng các nền kinh tế bao trùm

và tự cường” đã đánh dấu chặng đường hợp tác 30 năm của APEC với những thành tựu và bài học đầy mạnh triển khai Tầm nhìn APEC đến năm 2040 về một cộng đồng châu Á - Thái Bình Dương mở, năng động, tự cường và hoà bình vì thịnh vượng của người dân và thế hệ tương lai.

Trong khuôn khổ đa phương, tại WTO, Hoa Kỳ đã nâng cao các nguyên tắc về thương mại kỹ thuật số. Đặc biệt trong năm 2023, Hoa Kỳ đã nỗ lực thiết lập trong WTO một thỏa thuận nhằm nâng cao tính minh bạch, khả năng dự đoán và tính hiệu quả của các thủ tục mà các doanh nghiệp phải tuân thủ để được cấp phép cung cấp dịch vụ của mình, giúp đảm bảo quy tắc đối xử công bằng trong thương mại.

Trung Quốc phát huy sức mạnh tổng hợp hướng đến tăng trưởng kinh tế, thương mại

Các chính sách kinh tế của Trung Quốc được thực hiện theo cách phối hợp hơn để tạo ra sức mạnh tổng hợp cho sự phát triển chất lượng cao của đất nước. Báo cáo công tác của Chính phủ Trung Quốc năm 2023 đưa ra một số ưu tiên cho các hoạt động kinh tế năm 2024. Trong đó, ưu tiên hàng đầu được dành cho việc phục hồi và mở rộng tiêu dùng, giải phóng sức cầu trong nước, hướng tới củng cố tăng trưởng trong bối cảnh bất ổn bên ngoài.

Các nỗ lực bao gồm nâng cao chất lượng tiêu dùng, tối ưu hóa cơ cấu đầu tư và thúc đẩy sự phát triển phối hợp giữa thành thị và nông thôn để giải phóng tiềm năng nhu cầu. Bên cạnh việc đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa hệ thống công nghiệp, Trung Quốc đổi mới cam kết tăng cường nỗ lực thu hút và sử dụng đầu tư nước ngoài, cam kết mở rộng tiếp cận thị trường và đảm bảo nguyên tắc đối xử quốc gia đối với các

công ty có vốn đầu tư nước ngoài. Đồng thời, tiếp tục thực hiện các bước tích cực để tham gia Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và các hiệp định kinh tế thương mại tiêu chuẩn cao khác.

Nhờ có những chính sách thương mại rõ ràng này, năm 2023 đã chứng kiến sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế Trung Quốc khi nông nghiệp tăng trưởng về sản lượng, sản lượng công nghiệp và doanh số bán lẻ đều ghi nhận các mức tăng trưởng vượt dự đoán. Đặc biệt trong nông nghiệp, chính sách tăng giá sàn thu mua lượng thực và cải thiện trợ cấp cho nông dân của Trung Quốc đem lại đóng góp tích cực vào sự ổn định của thị trường ngũ cốc toàn cầu, đảm bảo an ninh lương thực thế giới.

EU thúc đẩy thực hiện cam kết đối với các nguyên tắc thương mại mở và công bằng

Năm 2023, nền kinh tế EU kém lạc quan hơn khi đứng ở một ngã rẽ quan trọng, đối mặt với bối cảnh kinh tế phức tạp do những thách thức toàn cầu và động lực khu vực. Tuy vậy, kinh tế EU cũng cho thấy dấu hiệu phục hồi sau những thách thức của đại dịch Covid-19 dù tốc độ phục hồi không đồng đều giữa các quốc gia thành viên.

Việc triển khai đánh giá chính sách thương mại và nỗ lực củng cố mối quan hệ kinh tế với các đối tác chiến lược của EU là minh chứng cho sự cam kết của khối đối với các nguyên tắc thương mại mở và công bằng. Một trong những chính sách quan trọng của nền kinh tế EU trong năm 2023 đó là chuyển đổi số. Chính vì vậy, các quốc gia tại khu vực EU đang tích cực khuyến khích các sáng kiến liên quan đến trí tuệ nhân tạo, hạ tầng số và an ninh mạng; thúc đẩy đầu tư vào nghiên cứu và phát triển nhằm nâng tầm vị thế

của EU trong nền kinh tế số toàn cầu. Ngoài ra, Thỏa thuận Xanh EU nhằm đối phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững cũng là một trong những chính sách có tác động mạnh mẽ đến thương mại của EU và các nước đối tác.

Khu vực Đông Nam Á mở rộng quan hệ thương mại ngoại khối

Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) là nền kinh tế lớn thứ ba ở châu Á và lớn thứ năm trên thế giới và là một trong những thị trường mới nổi có quy mô lớn nhất trên toàn cầu với tiềm năng tiêu thụ đáng kể. ASEAN cũng là một trong những tổ chức khu vực có nhiều hiệp định thương mại nhất, trong đó có Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP), với không gian rộng lớn cho thương mại, đầu tư không chỉ trong khu vực Đông Nam Á, mà còn cả khu vực Thái Bình Dương...

Các chính sách thương mại của ASEAN gần đây tập trung chủ yếu vào việc trao đổi thương mại với các đối tác bên ngoài thay vì nội khối, trong đó Trung Quốc là quốc gia có quan hệ thương mại sâu sắc nhất với ASEAN trong năm 2023 vừa qua. Dự báo, thương mại giữa Trung Quốc và ASEAN có thể tăng thêm 616 tỷ USD trong thập kỷ tới - mức tăng tuyệt đối lớn nhất trên thế giới.

Bên cạnh các FTA chung của khối, các quốc gia thành viên ASEAN cũng tham gia FTA song phương nhằm phát triển kinh tế, thương mại của mình. Sự gia tăng liên tục của các FTA góp phần vào bức tranh tăng trưởng của các quốc gia thành viên nói riêng và của cả khu vực nói chung.

Thế giới tăng cường quan hệ thương mại thông qua việc thiết lập và mở rộng các FTA

Trong bối cảnh bảo hộ thương mại trở thành xu hướng trên toàn cầu, sự tiếp tục ra đời của nhiều

hiệp định thương mại tự do song phương và khu vực, đặc biệt là các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới đã giải quyết phần nào các tác động tiêu cực mà xu hướng bảo hộ gây ra. Chính vì vậy, các quốc gia trên thế giới đã tích cực nỗ lực tăng cường quan hệ thương mại thông qua việc thiết lập và mở rộng các FTA. Những hiệp định này có tiềm năng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thúc đẩy tạo việc làm và thúc đẩy quan hệ quốc tế mạnh mẽ hơn.

Nổi bật trong thời gian gần đây phải nhắc đến một số hiệp định và thỏa thuận kinh tế quan trọng như: CPTPP, RCEP và Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (IPEF). Các hiệp định và thỏa thuận này nhằm mục đích xóa bỏ các rào cản thương mại và thúc đẩy đầu tư lẫn nhau, ví dụ bằng cách tạo thuận lợi về thuế quan và hài hòa hóa các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường và lao động.

Ngoài ra, còn có các hiệp định khác đang được chuẩn bị và hiện đang được các bên ký kết tiềm năng đàm phán. Trong năm 2023, Vương quốc Anh chính thức ký thỏa thuận gia nhập Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) vào ngày 16/7/2023, việc Anh gia nhập Hiệp định này sẽ tạo ra cơ hội thúc đẩy các quy tắc tiêu chuẩn cao của Hiệp định, duy trì vị thế đi đầu của CPTPP trong các mối liên kết khu vực và toàn cầu trong thời gian tới. Bên cạnh đó, IPEF đã đạt thỏa thuận về chuỗi cung ứng - một trong 4 trụ cột của khuôn khổ. Đây là thỏa thuận đa phương đầu tiên liên quan đến chuỗi cung ứng, được thiết kế nhằm khuyến khích các đối tác tạo ra cơ sở hạ tầng để nhanh chóng khôi phục chuỗi cung ứng bị gián đoạn khi xảy ra tình trạng khẩn cấp và hạn chế tác động kinh tế của những cú sốc đó./.

Triển vọng thị trường dầu thế giới năm 2024

Tiến Long



Năm 2023, thị trường dầu mỏ toàn cầu đứng trước rủi ro suy thoái kinh tế và leo thang xung đột địa chính trị. Các nhà đầu tư và giới phân tích dự đoán, năm 2024 thị trường dầu mỏ có thể tiếp tục chứng kiến tình trạng dư thừa nguồn cung, tăng trưởng kinh tế chậm và căng thẳng leo thang ở Trung Đông diễn biến xấu, gây ra những biến động về giá.

Nhu cầu dầu của thế giới

Tổ chức Các nước Xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) đánh giá, sự hồi phục của nền kinh tế toàn cầu và nhu cầu dầu đang được dẫn dắt bởi các nền kinh tế lớn như Hoa Kỳ và các quốc gia châu Âu trong Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Sự tăng trưởng mạnh mẽ này là nguyên nhân chính khiến tâm lý thị trường trở nên lạc quan hơn. OPEC đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng kinh tế của Hoa Kỳ lên 0,9% cho năm 2024 từ mức 0,7% trước đó. Không chỉ riêng OPEC, Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) cũng đưa ra dự báo về sự tăng trưởng mạnh mẽ của nhu cầu dầu mỏ. Tất cả đánh giá đều cho thấy, kinh tế toàn cầu dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng tương đối mạnh mẽ. Dự kiến, nhu cầu dầu sẽ được hỗ trợ bởi sự tăng trưởng mạnh của GDP toàn cầu, do cải thiện liên tục về hoạt động kinh tế tại các nước phát triển.

Cơ quan Thông tin Năng lượng Mỹ (EIA) đã nâng dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu thế giới năm 2024 lên 1,10 triệu thùng/ngày, so với ước tính trước đó là 900.000

thùng/ngày. Trong khi đó, OPEC duy trì dự báo năm 2024 về nhu cầu dầu toàn cầu tăng trưởng tương đối mạnh là 2,2 triệu thùng/ngày, với lý do kỳ vọng về du lịch bùng nổ trong nửa cuối năm.

OPEC cho biết, trên toàn cầu, lĩnh vực dịch vụ duy trì đà ổn định. Đây là yếu tố được dự đoán sẽ đóng góp chính cho động lực tăng trưởng kinh tế trong nửa cuối năm 2024, đặc biệt được hỗ trợ bởi du lịch và lữ hành, do đó sẽ tác động tích cực đến nhu cầu dầu mỏ.

Dự báo của OPEC về tăng trưởng nhu cầu dầu, cùng số liệu cho thấy thị trường lao động Mỹ đang nới lỏng và lạm phát chậm lại, mang đến hy vọng Cục Dự trữ liên bang Mỹ (Fed) sẽ hạ lãi suất để tiếp tục kéo thị trường dầu đi lên.

Bên cạnh đó, theo các chuyên gia, Trung Quốc là nước tiêu thụ dầu hàng đầu thế giới đang giảm nhập khẩu dầu, tạo ra những "sóng ngầm" trên thị trường dầu mỏ toàn cầu. Theo dữ liệu của hãng tin Bloomberg, tháng 6/2024, số lượng tàu chở dầu siêu trọng đến Trung Quốc đã giảm xuống mức thấp nhất trong bảy tuần.

Một nhà máy lọc dầu có hợp đồng dài hạn với Saudi Arabia đã giảm quy mô mua hàng cho tháng Sáu. Những nhà giao dịch dầu mỏ lạc quan, những người đã thiệt hại nặng nề do giá giảm bất ngờ 10% vào năm ngoái, có thể vẫn thận trọng với mặt hàng này nếu như "đầu tàu" tăng trưởng của châu Á có vẻ bấp bênh.

Theo IEA, nhu cầu dầu mỏ của Trung Quốc đang trên đà tăng 510.000 thùng/ngày trong năm nay - chiếm khoảng 50% tổng nhu cầu dầu toàn cầu, lên 17 triệu thùng/ngày và sẽ tiếp tục gia tăng vào năm 2025.

Hơn nữa, lượng dầu nhập khẩu của Trung Quốc có thể được cải thiện khi họ tận dụng giá thấp để bổ sung kho dự trữ. Theo công ty tư vấn Vortexa Ltd., Trung Quốc đã bổ sung hơn 30 triệu thùng dầu thô vào kho dự trữ trong 1 tháng tính đến giữa tháng 5/2024, mức tăng mạnh nhất trong một năm. Lượng dầu này chủ yếu nhập khẩu từ các quốc gia bị trừng phạt như Iran và được giao dịch với mức chiết khấu cao so với giá chuẩn của khu vực.

Ông Ed Morse, cố vấn cấp cao tại công ty kinh doanh hàng hóa Hartree Partners cho biết, Trung Quốc tỏ ra nhất quán kể từ năm 2008 trong chính sách bổ sung dự trữ dầu khi giá thấp. Tuy nhiên, sự trì trệ của kinh tế nước này là điểm báo không lành cho cả các nhà sản xuất dầu mỏ và các nhà đầu tư lạc quan, cho thấy thị trường toàn cầu đang chuyển từ thiếu hụt sang dư cung.

Tại các nơi khác ở châu Á, lợi nhuận giảm mạnh từ việc sản xuất dầu diesel đang khiến một số nhà máy lọc dầu - chẳng hạn như Formosa Petrochemical Corp. của vùng lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc) và một số nhà máy khác ở Hàn Quốc - phải giảm nhẹ công suất hoạt động.

Hiện nay, thị trường đang tập trung vào các cuộc đàm phán ngừng bắn ở Dải Gaza và điều này có thể giảm bớt lo ngại về khả năng gián đoạn nguồn cung dầu từ khu vực trên.

Các nhà phân tích của ngân hàng Goldman Sachs dự đoán, giá dầu Brent sẽ tăng lên 86 USD/thùng trong quý III/2024. Trong một báo cáo, ngân hàng này cho rằng nhu cầu vận tải vững chắc trong mùa Hè sẽ khiến thị trường dầu mỏ rơi vào tình trạng thâm hụt 1,3 triệu thùng/ngày trong quý III. Công ty tư vấn năng lượng FGE dự báo, thị trường dầu mỏ sẽ phục hồi và giá dầu thô sẽ đạt mức trung bình 80 USD/thùng trong quý III/2024.

OPEC+ tiếp tục cắt giảm sản lượng, hỗ trợ giá dầu thế giới

Sau Hội nghị trực tuyến các Bộ trưởng Năng lượng, Dầu mỏ diễn ra vào tuần đầu tháng 6/2024, Tổ chức OPEC+ tuyên bố gia hạn hạn ngạch sản xuất dầu trong năm nay đối với các thành viên trong cả năm 2025 (từ ngày 01/1

đến 31/12/2025) bao gồm tất cả 22 nước (12 nước OPEC và 10 nước đối tác do Arab Saudi và Nga dẫn dắt). Hạn ngạch gồm việc cắt giảm chính thức 2 triệu thùng dầu/ngày theo mục tiêu sản lượng được thống nhất ban đầu vào cuối năm 2022, tiếp tục duy trì từ quý III năm nay để hỗ trợ giá dầu.

Trong một tuyên bố riêng rẽ trên trang Web của OPEC, 8 quốc gia OPEC+ (bao gồm Arab Saudi, Nga, UAE, Iraq, Oman, Algeria, Kuwait, Kazakhstan) công bố kế hoạch kéo dài thời gian cắt giảm sản lượng tự nguyện 1,65 triệu thùng/ngày đến hết năm 2025 (lần đầu công bố vào 4/2023). Ngoài ra, 8 nước trên cũng gia hạn cắt giảm sản lượng tự nguyện 2,2 triệu thùng/ngày (công bố tháng 11/2023) cho đến tháng 9/2024.

Việc cắt giảm sản lượng tự nguyện được khấu trừ khỏi hạn ngạch sản xuất tương ứng của các quốc gia OPEC+ đặt ra. Phần cắt giảm sản lượng tự nguyện này sẽ được thu hẹp dần hàng tháng cho đến cuối tháng 9/2025 nhằm hỗ trợ sự ổn định của thị trường dầu thế giới.

Quyết định gia hạn mức cắt giảm sản lượng được đưa ra trong bối cảnh giá dầu giao dịch ở mức gần 80 USD/thùng (cuối năm 2023) do những tác động về bất ổn kinh tế, tỉ lệ lãi suất cao và việc tăng sản lượng khai thác, cung ứng dầu từ Mỹ và các nước ngoài OPEC+. Ngoài ra, tăng trưởng kinh tế toàn cầu đang phủ bóng đen lên nền kinh tế, trong đó có Trung Quốc, dẫn tới khả năng giảm nhập khẩu dầu, đe dọa khả năng cải thiện về giá.

Giá dầu thô ngọt nhẹ của WTI và Brent biển Bắc tăng nhẹ, trong phiên giao dịch tháng 6/2024

dao động ở mức 80,11 và 84,30 USD/thùng, vẫn thấp hơn nhiều so với mong muốn của thành viên OPEC+. Cuối năm 2023, các chuyên gia dự báo, giá dầu thế giới sẽ cán mốc 100 USD/thùng vào cuối năm 2024 và năm 2025. Trong tuyên bố đưa ra ngày 2/6, các nước OPEC+ kỳ vọng các biện pháp mới nhất sẽ giúp "đạt được và duy trì trạng thái ổn định thị trường dầu mỏ, đồng thời đưa ra những định hướng dài hạn và minh bạch cho thị trường, dựa trên cách tiếp cận thận trọng, chủ động" của khối. OPEC+ cam kết, hạn ngạch sản xuất năm 2025 chủ yếu vẫn được duy trì như năm 2024.

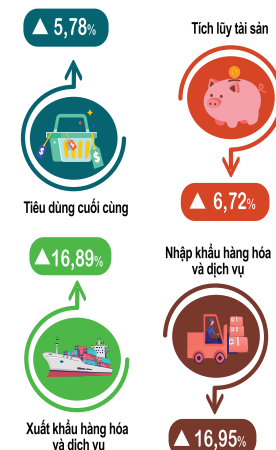
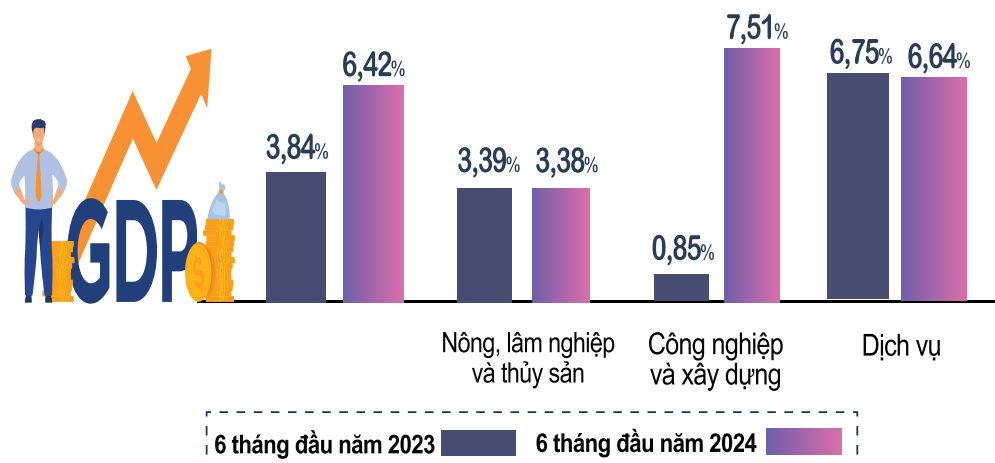
Các nước OPEC+ đã nhất trí tăng sản lượng của UAE thêm 300.000 thùng/ngày lên 3,519 triệu thùng/ngày. Tiếp đó, Iran đã chứng minh là nhà sản xuất dầu thô lớn thứ 7 toàn cầu kể từ năm 2022, bất chấp các lệnh cấm vận, trừng phạt toàn diện, hà khắc của Mỹ, tập trung vào ngành dầu khí, nguyên tử, quốc phòng của Iran.

Iran vừa công bố sở hữu trữ lượng dầu lớn thứ 3 thế giới, chỉ sau Venezuela và Arab Saudi. Năm 2023, Tehran xuất khẩu dầu đạt 35 tỉ USD. Năm nay, Chính phủ Iran đã ký các thỏa thuận trị giá 13 tỉ USD với các công ty trong nước nhằm tăng sản lượng dầu thêm 350.000 thùng mỗi ngày, trở lại vị thế xứng đáng của một cường quốc xuất khẩu dầu mỏ, khí đốt.

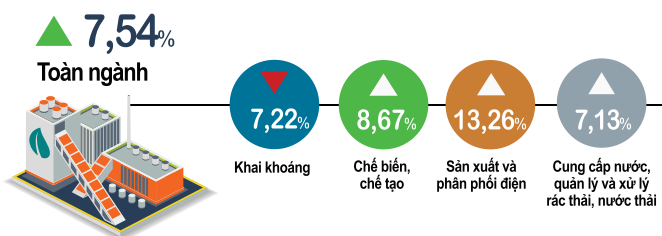
Trong những tháng đầu năm nay, giá dầu thế giới không tăng, bất chấp tình hình không ổn định ở Trung Đông, Dải Gaza, biển Đỏ, Ukraine và vụ rơi máy bay khiến Tổng thống Iran E.Raisi thiệt mạng. Báo cáo thị trường của OPEC dự báo tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu là 2,2 triệu thùng/ngày năm 2024 và 1,8 triệu thùng/ngày năm 2025./

Tốc độ tăng GDP 6 tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước

Tốc độ tăng/giảm GDP theo phương pháp sử dụng 6 tháng đầu năm 2024



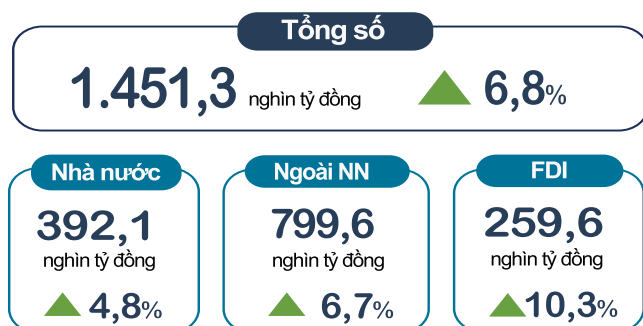
Tốc độ tăng/giảm giá trị tăng thêm ngành công nghiệp so với cùng kỳ năm trước



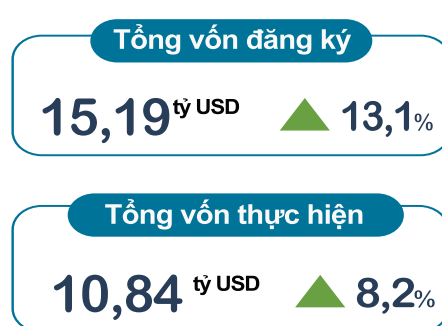
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



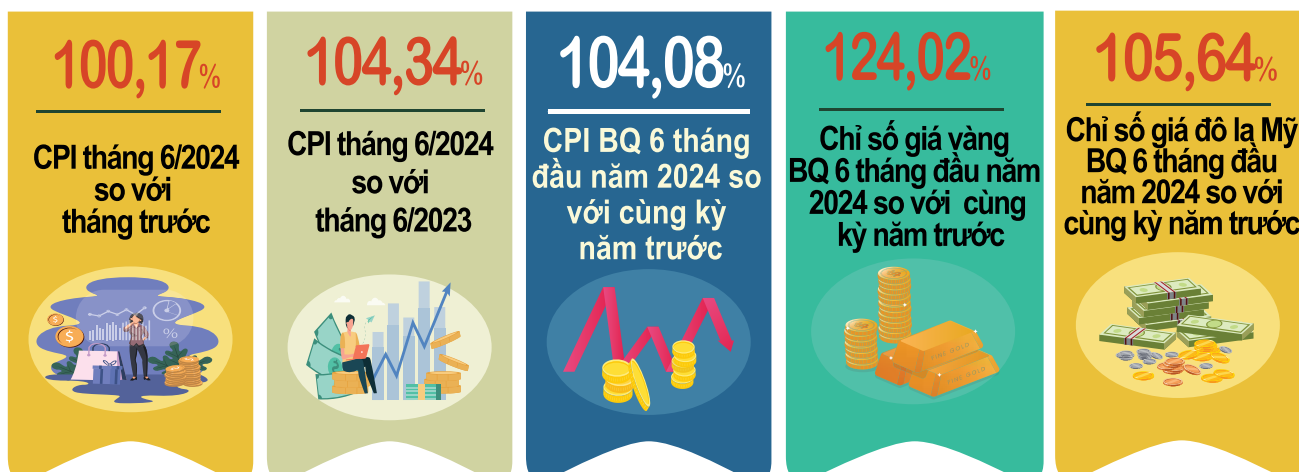
Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội 6 tháng đầu năm 2024



Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam từ 1/1 đến 20/6/2024



CHỈ SỐ GIÁ



MỘT SỐ HÌNH ẢNH

Điều tra, thu thập thông tin về thực trạng KT-XH của 53 dân tộc thiểu số năm 2024



Hành trình ngày mưa gió,
đi Giám sát điều tra 53 dân tộc
thiểu số tại xã Nậm Lịch,
huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên



Nguồn: PV Tạp chí Con số và Sự kiện - Group Phổ biến thông tin thống kê